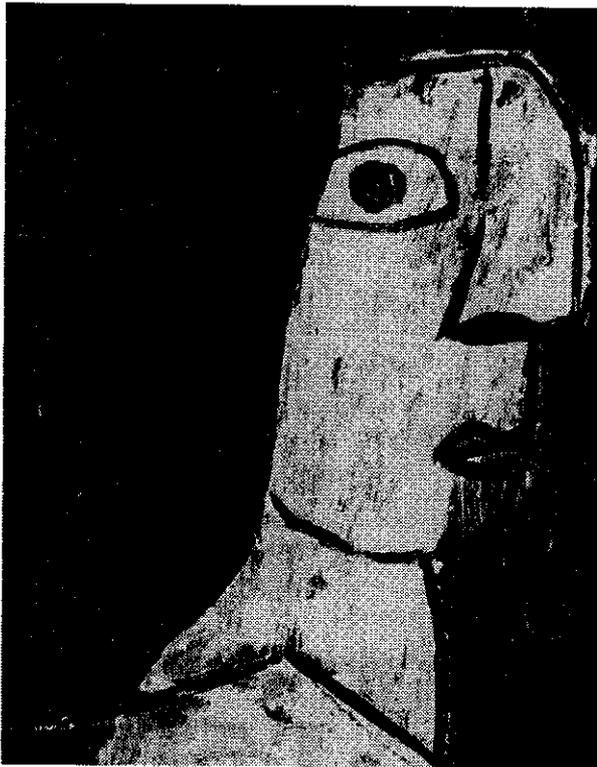


Diễn đàn

Số 55 / 1.9.1996

ISSN 1164-2378

F O R U M



SƠN DẦU (mình chọn) của TRẦN TRONG VŨ

Một phiên tòa dấm dúi Một bản án vô đạo

Phong Quang

Ngày thứ năm 22 tháng 8. Hà Nội và cả phía bắc tắt bật đèn phòng lũ lụt và chuẩn bị chống cơn bão Niki được thông báo ngày hôm sau sẽ đánh thẳng vào Thanh Hoá (tỉnh này liên tiếp đã bị hai cơn bão lớn, hàng trăm người chết và mất tích). Đồng bằng sông Cửu Long cũng lo chống lũ. Tháng tám : nửa bắc địa cầu, phương Tây còn đang bận nghỉ hè.

Thời điểm lý tưởng này đã được chọn để, không kèn không trống, mở ra phiên tòa xử tội “ *cố ý tiết lộ bí mật Nhà nước* ” (điều 92 Bộ luật hình sự) ba bị cáo : **Lê Hồng Hà**, **Hà Sĩ Phu** (bị bắt giam từ đầu tháng 12.1995) và **Nguyễn Kiến Giang**. Phiên tòa công khai nhưng công chúng không được vào dự, báo chí lại càng không. Chỉ thân nhân ba bị cáo được giấy phép vào dự. Báo chí Việt Nam không hề được nói tới. Phiên tòa chỉ được các hãng thông tấn ngoại quốc như AFP và Reuter đưa tin. Rồi buổi chiều, tòa xử xong, một quan chức tòa án *thông báo miệng* cho nhà báo Pháp và Anh : **Lê Hồng Hà 2 năm tù ở, Hà Sĩ Phu 1 năm tù ở, Nguyễn Kiến Giang 15 tháng tù treo.**

Theo chứng từ của thân nhân tham dự phiên xử, ba ông đều bác bỏ tội trạng “ *cố tình tiết lộ bí mật nhà nước* ”. Điều đó không lạ. Là là kiểm sát viên (tức là bên công tố) cũng như ông chánh án không hề nói cái “ *bí mật nhà nước* ” ấy là cái gì ! Và cấm luôn cả bị cáo gọi huých toẹt cái “ *bí mật nhà nước* ” ấy ra : lá thư ngày 9.8.1995 của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị (xem toàn văn tài liệu này trên *Diễn Đàn* số 48). Phải chăng điều này có nghĩa : *mọi sự lộ bịch cũng đều có giới hạn* ? Bởi vì 22 trang “ *bí mật nhà nước* ” ấy, cả nước đã biết cả rồi. Không những cả nước, mà cả thiên hạ, từ 8 tháng nay. Và tác giả bức thư bị cấm lưu truyền ấy, cuối tháng 6, lại được bầu với số phiếu rất cao, vào Bộ chính trị Đảng cộng sản, giữ nguyên vị số 3, và tiếp tục đứng đầu

mục lục

- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn
- thời sự & những vấn đề**
- 1 Một phiên tòa dấm dúi Phong Quang
- 4 Tin tức
- 12 Sở y tế TP : nhập nhằng ở đâu ? N.T.
- 13 Nói chuyện với Tiêu Dao Bảo Cự Đ. Giao Thuỷ
- 15 Pháp : Vụ trục xuất ở St-Bernard Nguyễn Quang
- văn hoá & nghệ thuật & khoa học**
- 17 Luận án toán học VN tại E.Polytechnique H.V.
- 18 Tưởng nhớ cụ A.-G. Haudricourt N. Trọng Nghĩa
- 19 Tiếng kêu làm người Nguyễn Thắng
- 20 Một công trình lớn của David Marr N. N. Giao
- 22 Tâm lý học trong đạo Phật Bùi Mộng Hùng
- 25 Mùa phơi (*chùm thơ*) Nguyễn Duy
- 25 Cái răng cái tóc.... Nguyễn Du
- 28 Sài Gòn vẫn mọc lên (*thơ*) Lê Bi
- 29 Festival St-Florent Kiến Văn
- 30 Hồ nước (*truyện*) V.H.Quang dịch Ray Bradbury
- 32 Đợt tập kết năm 1995... (*thơ*) Đỗ Kh.

địa chỉ điện tử của Diễn Đàn : 106032.1560@compuserve.com

(xem tiếp trang 11)

Những mảnh đời lưu vong CONTES D'EXIL

du 2 au 27 octobre 1996

au CENTRE DU THEATRE DE L'OPPRIME

78-80, Rue du Charolais, 75012 PARIS
[du mardi au samedi à 20h30, le dimanche à 17h]

Un projet d'Henriette Nhung Pertus

Ecriture : Michel Azama

Mise en scène : Philippe Crubézy

Distribution : Marjorie Currenti, Damien Dodane,

Isabelle Mirova, Henriette Nhung Pertus

Coproduction : COMPAGNIE TRAFIC D'ARTS / LA

MINOTERIE - THEATRE DE LA JOLIETTE

avec le soutien du Ministère de la Culture, du Conseil Régional PACA, du Conseil Général des Bouches du Rhone, de la Ville d'Aix-en-Provence et de l'ADAMI

" Depuis quarante ans, je vis dans cette absence de pays ".

Contes d'Exil, ce sont trois femmes ou bien une seule en ses trois générations, de la jeunesse à la vieillesse. Trois femmes accompagnées d'un fantôme qui hante l'histoire de leur vie. Trois femmes, trois générations et trois pays : le Vietnam, la France et l'entre-deux, le lieu de théâtre par excellence... (Philippe CRUBEZY)

Tin buồn

Được tin ông

Jacques BOULLE

cựu học sinh ENS, tiến sĩ văn chương, giảng sư Trường đại học Denis Diderot (Paris VII)

đã từ trần ngày 17.8.96 tại Bois-Plage-en-Ré, thọ 65 tuổi. Lễ hoả táng đã cử hành 20.8 tại La Rochelle. Lễ cầu siêu 49 ngày sẽ được tổ chức chiều chủ nhật 6.10, lúc 15 giờ, tại Trúc Lâm thiền viện, Villebon-sur-Yvette.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng bà Boulle Lâm Ngọc Bình và toàn thể tang quyến.

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf dimanche et lundi)

programme de septembre 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

PHU NAM

exposition du 3 au 30 septembre

vernissage : le 6 septembre à 18 h

thủ bạn đọc

Thủ hay Thủ ?

Qua một người bạn, tôi được đọc mấy số *Diễn Đàn* và thấy đây là tờ báo Việt ngữ giá trị. Xin các anh chị cho tôi ghi mua từ số tháng 7.

Một nhận xét : *Diễn Đàn* là tờ báo rất hiếm quan tâm tới chính tả, nhưng tôi thấy thỉnh thoảng vẫn viết thủ (thay vì thủy). Sai sót vô tình hay *Diễn Đàn* cố ý viết như vậy ?

V.T. (Saitama, Nhật Bản)

☞ Vui mừng thấy anh chia sẻ với chúng tôi cả quan tâm về chính tả. Riêng về mặt này, chúng tôi không giấu giếm tham vọng làm cho *Diễn Đàn* là tờ báo Việt ngữ ít lỗi chính tả nhất đời. Nhưng phải làm báo chùa, gấp rút lên khuôn trong một cuối tuần, nên sai sót vẫn còn nhiều, đặc biệt trong số tháng 7 vừa rồi (mà chúng tôi đã gửi anh).

Anh để ý tới vị trí dấu hỏi ở chữ THỦY, chúng tôi cũng đã gửi anh bản chụp bài " Bỏ dấu ở đâu ? " đăng trên *Diễn Đàn* số 13. Vì có nhiều bạn đọc mới làm quen với *Diễn Đàn* từ hai ba năm trở lại đây, nên xin tóm tắt trả lời chung như sau :

- chúng tôi chủ trương bỏ dấu thanh ở chữ cái Y trong cặp UY (thí dụ : thủy, chủy, thuy...), ở chữ A trong cặp OA (thí dụ : hoà, toạ, xoã), ở chữ E trong cặp OE (thí dụ : xoè, hoè)

- đó là 3 trường hợp duy nhất có sự khác biệt trong cách bỏ dấu thanh trên những sách báo Việt ngữ có quan tâm đến chính tả (đáng tiếc số này không nhiều, hiện nay với việc phổ biến máy tính điện tử và do lo là việc sửa bản in, chính tả chữ Việt đang bị dầy xéo thô bạo).

- chúng tôi chủ trương như vậy vì căn cứ vào ngữ âm học : trong các cặp nguyên âm (voyelle) tiếng Việt, bao giờ cũng có âm phụ (hay bán nguyên âm) và âm chính, dấu thanh phải để ở âm chính. Thí dụ như vần /wa/ viết là oa trong hoa, ua trong qua ; w là bán nguyên âm, a là âm chính ; vì vậy nên viết : quả, quà, hoà, hào cho thống nhất. Vả lại, ngay những người để dấu ở chữ cái o trong chữ hoa, đến khi viết hoạn, hoàng, hoành, lại chuyển sang chữ a. Tương tự, trong các âm uy, oe, thì y và e là nguyên âm chính. (Ghi chú : cách viết UA có phần thiếu hợp lý trong Việt ngữ vì nó ghi hai vần khác nhau, là /wa/ trong QUA và /ua/ trong CUA.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Trong trường hợp sau, U là âm chính, nên viết CỬA, TỬA)

– Trong các từ điển Việt ngữ hay song ngữ, phổ biến cả hai cách bỏ dấu, nhưng tất cả các tác giả có quan tâm tới chính tả và ngữ âm học đều chủ trương như trên : Lê Ngọc Trụ (Việt ngữ chánh-tả tự vị, Khai Trí, Sài Gòn 1972), Nguyễn Kim Thân (Sổ tay chính tả, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990), Hoàng Phê (Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội, 1992 ; Từ điển chính tả, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội & Đà Nẵng, 1995). Nhà ngôn ngữ học Nguyễn Đình Hoà (South Illinois) cũng đồng ý như vậy.

giới thiệu sách mới

Trần Thư, Tử tù tự xử lí, Nhà xuất bản Văn Nghệ (P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683), 1996, 338 trang, 15 USD.

Tập sách này bao gồm tập hồi ký *Câu chuyện của một tên tù xử lý nội bộ* của nhà báo Trần Thư (mà chúng tôi đã trích đăng và giới thiệu trên số 53, tháng 6.96), và những lá thư, bài viết, bài phỏng vấn của những nhân vật liên quan tới vụ “xét lại – chống Đảng” : Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, bà Phạm Thị Tề, bà quả phụ Đặng Kim Giang, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà, Lê Xuân Tá... mà phần lớn đã được công bố trên mặt báo này.

Cuốn sách, do đó, là tập tài liệu quý báu, ghi lại chứng từ về một cuộc đàn áp chính trị mà hậu quả còn tác động sâu sắc tới đời sống chính trị Việt Nam ba mươi năm sau.

Sách trình bày trang nhã (bìa Khánh Trường). Chỉ tiếc là nhà xuất bản đã đặt cho nó một cái tên vô duyên : cần gì phải tử tù ? và tại sao lại tự xử lí ? Nhà báo Trần Thư đã đặt tên hồi ký của ông một cách chính xác và ý nhị : *Câu chuyện của một tên tù xử lý nội bộ*.

Trần Mộng Tú, Để em làm gió, Nhà xuất bản Thế Kỷ (11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92640), tựa của Đỗ Quý Toàn, bìa và phụ bản của Thái Tuấn, 1996, 112 trang, 10 USD.

Tập thơ thứ nhì của một tác giả mà “bài thơ nào cũng như để nói riêng với một người nào đó”, “thơ kể chuyện tình yêu, nói với người yêu, nói về một người yêu” như lời giới thiệu của Đỗ Quý Toàn.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

Tin tức Tin tức

Bão lụt

Từ cuối tháng 7, Việt Nam đang chịu nhiều cơn bão lớn kéo theo mưa to, gây lũ lụt lớn nhất từ 7 năm nay, khi trận bão Cecile tháng 5 năm 1989 làm thiệt mạng 740 người.

Ngày 14.8 một trận cuồng phong lớn đột ngột kéo qua vùng biển Thanh Hoá đã lật chìm cả một đoàn tàu đánh cá hơn 100 chiếc, với gần 700 ngư phủ đang hoạt động ở cách bờ biển khoảng 15 km. Tin tức tới ngày 20.8 cho biết 54 xác chết đã được tìm thấy trong khi hải quân và đội tuần doanh Việt Nam còn tích cực tìm kiếm hơn 600 người khác. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tới Thanh Hoá ngày chủ nhật 18.8 để thúc đẩy chính quyền địa phương cứu giúp những người bị nạn.

Trước đó hai ngày, thủ tướng đã ký quyết định đặt các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trong tình trạng báo động vì nước lũ từ các con sông ở miền Trung đang tràn về. Lũ này là hậu quả của những trận mưa lớn bắt đầu cuối tháng 7, khi cơn bão Frankie đổ vào miền bắc và bắc trung bộ, làm hơn 70 người thiệt mạng và ước tới hai trăm triệu đôla thiệt hại vật chất. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chỉ thị cho các bộ tài chính và nông nghiệp bỏ ra 19,8 tỉ đồng (1,8 tỉ đôla) cứu trợ nạn nhân trận bão Frankie. Về phần mình, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã kêu gọi cộng đồng quốc tế giúp đỡ các nạn nhân bão lụt.

Giữa tháng 8, mưa bão ở các tỉnh đầu nguồn, theo tin báo Nhân Dân ngày 20.8, đã làm thiệt mạng 33 người ở tỉnh Lai Châu, 19 người ở tỉnh Lao Cai. Nhiều người khác bị nước cuốn chưa tìm ra được. Trong khi đó, nước dâng lên ở các con sông bắc bộ cũng đã phủ ngập gần 180 000 hecta ruộng, buộc 15 000 dân phải tạm thời dời lên những chỗ cao. Khi số báo này lên khuôn (ngày 24.8), tin tức về trận bão Niki rút cục đã xuống cấp trước khi kéo vào miền bắc trung bộ cho hy vọng rằng lụt lớn sẽ không xảy ra. (AFP, Reuter, nhiều bản tin từ 26.7 tới 24.8.1996)

Tòa án hành chính : người dân có quyền kiện nhà nước

Bắt đầu từ ngày 1.7 vừa qua, pháp lệnh về “ thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ” (11 chương, 76 điều) có hiệu lực và người dân có quyền khiếu kiện (khiếu nại, kiện cáo) những quyết định hành chính của các cơ quan nhà nước. Tòa án hành chính đã bắt đầu thụ lý đơn kiện của người dân và dự kiến sẽ mở phiên tòa xét xử đầu tiên trong tháng 8. Chính phủ đã bổ nhiệm ông Vũ Khắc Xương làm chánh án và dự kiến tuyển chọn đến 1 000 thẩm phán cho tòa án hành chính. Song trong bước đầu, theo những qui định của pháp lệnh, hoạt động của tòa án sẽ tương đối hạn chế.

Về phạm vi khiếu kiện, pháp lệnh qui định 7 loại quyết

định của cơ quan nhà nước mà người dân có thể khiếu nại trước tòa hành chính : 1/ quyết định xử phạt hành chính và tháo dỡ công trình xây dựng trái phép ; 2/ quyết định áp dụng biện pháp hành chính về giáo dục, chữa bệnh hay quản chế ; 3/ quyết định sa thải (trừ các quyết định trong quân đội hoặc quyết định theo qui định của bộ luật lao động) ; 4/ quyết định trong việc cấp và thu hồi giấy phép xây dựng cơ bản, hoạt động kinh doanh, quản lý đất đai ; 5/ quyết định trưng mua hay tịch thu tài sản ; 6/ quyết định về thu thuế ; 7/ quyết định về lệ phí. Theo pháp lệnh, tòa án hành chính sẽ “ *giải quyết các quyết định hành chính, hành vi hành chính khác theo qui định của pháp luật* ”. Điều này cho phép mở rộng phạm vi khiếu kiện của người dân sau này.

Về thời hiệu khởi kiện, pháp lệnh qui định người dân phải khiếu nại trước tiên với cơ quan hành chính đã ra quyết định và có được văn bản trả lời của cơ quan đó. Thời gian khởi kiện không quá 30 ngày kể từ khi có văn bản trả lời này, kể cả đối với những vụ việc trước ngày 1.7. 1996. Còn đối với những vụ việc đã tiến hành trước tháng 6.1996, người dân chỉ có quyền khiếu nại lên cơ quan hành chính cấp trên. Điều đến nay vẫn chưa có qui định là thời hạn mà các cơ quan hành chính phải trả lời đơn khiếu nại của dân.

Ngoài ra, người dân chỉ có thể khiếu kiện ra tòa những quyết định được làm thành văn bản của cơ quan hành chính. Như vậy, những quyết định không văn bản, những lệnh miệng, hiện còn khá phổ biến tại các cấp xã, huyện ở nông thôn, sẽ không thuộc quyền giải quyết của tòa hành chính.

Về thẩm quyền xét xử, pháp lệnh qui định tòa hành chính xem xét những quyết định hành chính đúng hay sai, nhưng không có thẩm quyền huỷ một văn bản pháp quy, mà chỉ có thể đưa ra kiến nghị. Tòa án cũng không có thẩm quyền xét xử trách nhiệm của những tổ chức hay cá nhân đưa ra quyết định sai trái – quyền này vẫn thuộc về cơ quan hành chính cấp trên.

Với tất cả những hạn chế ban đầu, việc định chế hóa quyền của người dân được kiện nhà nước, tự nó, đã là một bước tiến đáng kể trong quá trình Việt Nam xây dựng một nhà nước pháp quyền. Dĩ nhiên, vấn đề còn là thực tiễn áp dụng các định chế đó ra sao. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 13.6 ; Tuổi Trẻ 6,11 và 25.7 ; Lao Động 28.7.96)

Sáu tháng đầu năm : lạm phát giảm

Theo đánh giá của chính phủ, tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm “ giữ được tốc độ phát triển tốt ”. Tổng sản phẩm trong nước tăng 9,3 % so với cùng kỳ năm trước. Vụ lúa đông xuân đạt 12,9 triệu tấn, là vụ đông xuân có sản lượng cao nhất từ trước đến nay. Sản xuất công nghiệp tăng 13,2 %, nhưng có xu hướng chững lại trong tháng 7 vì một số mặt hàng (thép, xi măng, giấy, phân hóa học, máy công cụ ...) tiêu thụ chậm.

Chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,3 % so với cuối năm 1995 (4,6 % so với tháng 6 năm 1995). Đây là mức lạm phát thấp nhất của sáu tháng đầu năm từ trước đến nay. Từ tháng 6 giá cả lại có xu hướng giảm liên tục : 0,5 % so với tháng 5, và 0,7 % trong tháng 7 so với tháng trước.

Tuy nhiên, chính phủ nhận định rằng tình hình kinh tế đang gặp phải 5 vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết trong sáu tháng cuối năm :

– Lúa tồn đọng 2 triệu tấn chưa tiêu thụ được, mía tồn 7,5 triệu tấn, thép 20 vạn tấn, xi măng 50 vạn tấn.

– Thu ngân sách tuy có tăng 21 % so với năm trước, nhưng chỉ mới đạt 42 % kế hoạch năm nay.

– Vốn đầu tư xây dựng đã thấp hơn so với năm trước song vẫn còn tới 170 công trình chưa hoàn tất dự án.

– Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu (28 % so với 16 %).

– Tỷ lệ lạm phát giảm gây khó khăn cho việc kêu gọi vốn đầu tư và sản xuất kinh doanh. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 13.6 và 4.7 ; Tuổi Trẻ 6 và 30.7.96)

Kiều hối : giảm đến 50 %

Tin từ những ngân hàng thương mại cho biết nhiều khách hàng đã yêu cầu ngân hàng chuyển trả lại tiền do thân nhân ở nước ngoài gửi về nước cho họ thông qua ngân hàng. Ở một ngân hàng lớn, lượng kiều hối gửi trả lại lên đến 45 % tổng số kiều hối thu được trong thời gian qua. Tính trên bốn tháng đầu năm nay, lượng kiều hối giảm từ 30 đến 50 % so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân của hiện tượng này là quyết định của chính phủ đánh thuế thu nhập những khoản tiền chuyển về nước trên 2 triệu đồng (tương đương với 200 đô la) với thuế suất 5 %. Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài cho biết có kiến nghị với chính phủ bãi bỏ loại thuế này với lý do là những khoản tiền đó đã phải chịu thuế thu nhập ở các nước cũng như thuế chuyển tiền về nước rồi, song vẫn chưa có kết quả. (Phụ Nữ TPHCM 5.6. ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 27.6.96)

Tú tài hạ điểm :

Một tháng sau kỳ thi tú tài “ mới ” đầu tiên, tỉ lệ thí sinh thi đậu vẫn là một bí ẩn. Báo cáo thứ nhất của bộ giáo dục và đào tạo về kết quả kỳ thi năm 1996 cho biết tỉ lệ đậu năm nay “ giảm khoảng 10 % ” so với kỳ thi tốt nghiệp phổ thông năm 1995 (90 %). Trung bình ở các tỉnh phía Bắc có khoảng 70 - 80 % thí sinh thi đậu (năm trước là 95%), ở các tỉnh phía Nam khoảng 65 - 75 % (so với 85 %). Riêng Hà Nội đạt 88 % (so với 94 %) và Thành phố Hồ Chí Minh 79 % (81 %).

Từ kết quả trên, “ để tránh đột biến tâm lý trong xã hội ”, bộ giáo dục đã ra công văn cho phép các tỉnh, thành hạ điểm chuẩn từ 1 đến 3 điểm, “ để tổng số học sinh tốt nghiệp, sau khi lấy đỗ thêm, đạt tỉ lệ khoảng 80 % ” (!). Tổng cộng có đến 17 tỉnh đã giảm chuẩn mực, trong đó có bảy tỉnh hạ 3 điểm (Lạng Sơn, Minh Hải, Bắc Thái, Kiên Giang, Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng), 4 tỉnh hạ 2 điểm (Đắc Lắc, Sơn La, Đồng Tháp, Nam Hà), 6 tỉnh hạ 1 điểm (Sông Bé, Quảng Ninh, Kontum, Hòa Bình, Long An, Ninh Bình). Qua cách đó, tỉnh Lạng Sơn đã nâng tỉ lệ học sinh thi đậu từ 32 % lên 65 %, Minh Hải từ 42 % lên 60 %, Kiên Giang từ 50 % lên 77 %, Cần Thơ từ 55 % lên 72 %, Sơn La từ 59 % lên 73 %, Sông Bé từ 64 % lên 78 %, Bắc Thái từ 65 % lên 75 % ... Cuối cùng, theo bộ trưởng Trần Hồng Quân, “ mặc dù bộ đã

chỉ đạo hạ điểm chuẩn, tỉ lệ đậu tú tài năm nay trong toàn quốc vẫn thấp hơn năm ngoái từ 10 % đến 20 % ”. (?)

Ở nhiều tỉnh, thành không có hoặc từ chối hạ điểm, như Thành phố Hồ Chí Minh, dư luận đã phản đối chủ trương tùy tiện hạ thấp chuẩn mực bằng cấp. Điều đáng nói là chính bộ trưởng Trần Hồng Quân, khi giới thiệu bằng tú tài mới trước mùa thi, đã cam kết tổ chức “ một kỳ thi nghiêm túc, đánh giá đúng thực chất học sinh, chấp nhận tỉ lệ đậu hợp lý ” (xem DD tháng 4.96). Theo đánh giá của báo Tuổi Trẻ (ngày 30.6 1996), kỳ thi tú tài đầu tiên “ không thể xem là chuẩn mực của một kỳ thi quốc gia ”, và “ dư luận cũng chẳng thể tiếp tục đồng tình, dù bộ giáo dục - đào tạo có đưa ra bất cứ lý do nào ! ”.

Bộ trưởng Trần Hồng Quân phải đành thừa nhận giải pháp hạ điểm chuẩn vừa qua là một chủ trương “ bất đắc dĩ, bần cùng ”, và xuất phát từ chỗ kỳ thi được tổ chức có phần nghiêm túc hơn, “ phản ánh trung thực hơn chất lượng của học sinh, góp phần làm cho kết quả tốt nghiệp của nhiều địa phương quá thấp ” (sic). Theo giám đốc sở giáo dục - đào tạo ở nhiều tỉnh, thành, “ nếu nghiêm túc hơn, chắc chắn tỉ lệ sẽ còn thấp nữa ” ... (Tuổi Trẻ 20, 23 và 27.6 ; Phụ Nữ TPHCM 6.7.96)

Huế : sập trường Quốc học

Ngày 2 tháng 7 vừa qua, khu nhà hai tầng – giáp đường Phan Bội Châu – của trường Quốc học Huế đã bị sập trong khi đang gia cố để kỷ niệm 100 năm của trường. Rất may khi xảy ra sự cố chỉ có bốn công nhân đang ngủ trưa tại chỗ bị thương.

Theo đánh giá đầu tiên của sở giáo dục Thừa Thiên - Huế, nguyên nhân sập đổ khu nhà là vì tường “ đã xuống cấp

Lạm phát ... kiểm điểm !

Dưới tựa đề trên, nhà báo Song Đăng đã viết trong báo Lao Động ngày 23.6.1996 một bài về cái tập quán gọi là “ kiểm điểm ” tại sở giáo dục thành phố HCM. Dưới đây là đoạn cuối trong bài.

Tại kỳ thi tú tài ngày 5.6.96, cô giáo P.N.H. sau khi bóc đề thi môn Văn đã ngạc nhiên và thông báo trước hội đồng thi trường T.K.N. về nghi vấn “ đề thi bị lộ ”. Cô H. giải trình trước đại diện thanh tra và hội đồng thi : vào 18 giờ ngày 4.6.96 (trước ngày thi một ngày), có hai học sinh đã đến nhờ cô hướng dẫn bình giải giúp hai tác phẩm. Sáng hôm thi, cô mới biết nội dung đó trong đề thi môn Văn. Hai học sinh đó còn cho cô biết, nội dung này đã xin được từ một nhóm bạn trường Lê Quý Đôn... Chuyện có lộ đề thi hay không, còn phải chờ kết luận chính thức của cơ quan điều tra. Chỉ có điều không hiểu nổi rằng, sau sự kiện này, giám đốc sở giáo dục - đào tạo đã chỉ đạo buộc cô H. phải làm kiểm điểm, với lý do là : “ Do cô H. đã không kín đáo, thay vì phải báo cáo riêng sự phát hiện với chủ tịch hội đồng thi thì lại la to lên giữa hội đồng thi ... ” (!?)

Người ta đã đặt câu hỏi : Chuyện một giáo viên vì báo cáo trung thực phải bị làm kiểm điểm với lý do hết sức khó hiểu, thì trong xã hội lòng trung thực sẽ còn được nhìn nhận một cách công bằng không ?

Quản lý nhà nước bằng chế độ trách nhiệm cá nhân

Nhiều đại biểu hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lắc đầu ngao ngán khi viện trưởng kiểm sát thành phố, dẫn kết quả điều tra ban đầu, cho biết Tamexco nợ nần trên 300 tỉ đồng (1). Như không có luật pháp và nhà nước trên đời, Phạm Huy Phước – giám đốc Tamexco – dám chi cho một ván bạc 1,3 tỉ đồng, chi hối lộ cho một công chứng viên thôi trên 750 triệu đồng, chi bao 250 lượt người đi du lịch nước ngoài với mức chi trung bình 3 000 đô la/người, chi 9,5 tỉ đồng mua cổ phần ở ngân hàng cho mình và thân nhân, chi 22 tỉ đồng xóa nợ cho 146 công ty trong và ngoài nước ... và hàng loạt những kiểu xài tiền tỉ khác.

Rồi Nguyễn Ngọc Thanh, một “ y tá vườn ” 16 năm đội lốt bác sĩ, từng bị phạt tù trong cả hai chế độ vì tội giả mạo giấy tờ, lại leo tuốt lên ghế trưởng khoa một bệnh viện lớn của thành phố.

Rồi Phú Mỹ Hưng (2).

Rồi Peregrine (3).

Nhưng xem xét những vi phạm này, thấy không phải những thầy phù thủy mà tình trạng đáng lo ngại về sự buông lỏng quản lý nhà nước. Luật pháp và nhà nước dường như không tồn tại trong những trường hợp như vậy, hoặc là có mặt rất chậm.

Luật sư Trương Mỹ Hoa nói : “ Nhà nước trong quản lý, khâu tiền kiểm tra thì chặt chẽ đến mức khó khăn, còn hậu kiểm tra lại vô cùng lỏng lẻo ”. Ở đâu cũng đang thấy có sự lỏng lẻo như vậy. Để kiểm tra, kiểm soát ở đâu hầu như cũng kêu lên thiếu người, quá tải. Ngành văn hóa đứng trước cuộc hỗn chiến với bằng hình, văn hóa phẩm xấu cũng kêu thiếu người. Trong mê hồn trận của thị trường được phẩm, ngành y tế thấy đội kiểm tra, thanh tra của mình quá nhỏ bé. Trước tình trạng bằng cấp giả không còn hiếm hoi, chất lượng dạy học của nhiều nơi bị kêu rêu, ngành giáo dục không đủ lực lượng kiểm soát ...

Nhưng bộ máy được coi là công kèn, đang phải cố gắng giảm biên chế của nhà nước thật sự đã không phải là bộ máy “ ngồi chơi xơi nước ”. Lịch trình làm việc của các cấp dày đặc. Có những viên chức, những cán bộ lãnh đạo, công việc tui bụi hàng 12 - 14 giờ mỗi ngày.

Vậy thì có sự lỏng lẻo nói trên là do đâu ? Hãy còn kịp lúc để công cuộc cải cách hành chính phải cày xới nghiêm túc câu hỏi : công việc của nhà nước là gì ?

Chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, nhà nước nổi lên vai trò của người dẫn đạo. Khi “ xã hội hóa ” trở thành phương châm phát triển ngay đến trong những ngành vốn là mối quan tâm riêng của nhà nước như giáo dục, y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng ... thì nhà nước phải trao cho người dân quyền và nghĩa vụ tham gia việc xã hội, việc nước. Nhà nước không thể lo thay, không thể làm thay. Công cuộc cải cách hành chính vừa qua đã đi được bước cơ bản : tách

chức năng sản xuất kinh doanh của nhà nước bao biện làm thay kiểu cũ ra khỏi công việc quản lý hành chính ; xác lập nguyên tắc, bước đi của tiến trình xóa bỏ bộ chủ quản, cấp chủ quản. (...)

Cải cách hành chính phải đi đến một thiết kế bộ máy khoa học, hợp lý mà sản phẩm của nó qui đến cùng là một sơ đồ trách nhiệm rõ ràng. Nhưng không phải đợi đến khi có một thiết kế chuẩn xác mới khẳng định ý thức trách nhiệm của công chức. Ý thức trách nhiệm của mỗi công chức sẽ đúc thành chế độ trách nhiệm của bộ máy nhà nước. (...)

Với chế độ trách nhiệm cá nhân rõ ràng, sẽ không có tình trạng một Phạm Huy Phước thản nhiên vi phạm luật pháp trong thời gian dài, bởi những ai đỡ đầu cho những sai trái phải chịu trách nhiệm đã đành mà cả những thiếu sót của người phụ trách cũng phải được truy cứu. (...)

Tâm Chánh

(Tuổi Trẻ chủ nhật 28.7.96)

Chú thích của Diễn Đàn :

(1) Tamexco là cơ sở kinh tài do quận ủy đảng cộng sản quận Tân Bình thành lập năm 1989 và trực thuộc ban tài chính quản trị thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1993. Công ty Tamexco đã phá sản sau khi được hai ngân hàng Vietcombank và Vina First ưu ái trao cho hơn 200 tỷ đồng (xem ĐĐ tháng 6 1996).

(2) Phú Mỹ Hưng, liên doanh giữa công ty Đài Loan C. T. & D. (70 %) và công ty IPC của Thành phố Hồ Chí Minh , được thành lập năm 1993 nhằm thực hiện một trong những dự án đầu tư nước ngoài quan trọng nhất của thành phố (242 triệu đô la): xây dựng và kinh doanh 17,8 km đường cao tốc Nhà Bè – Bình Chánh cùng 600 ha cơ sở hạ tầng dọc tuyến đường (đồng thời xây 150 ha cơ sở hạ tầng công cộng cho thành phố). Sau ba năm hoạt động, liên doanh Phú Mỹ Hưng chỉ mới đưa vào 21 triệu đô la vốn và chưa có một công trình xây dựng nào được thật sự khởi công. Ngược lại, Phú Mỹ Hưng lại hoạt động trái phép, xây dựng và kinh doanh nhà ở và văn phòng. Hơn thế nữa, Phú Mỹ Hưng còn chọn thầu một công ty không có tư cách pháp nhân hoạt động ở Việt Nam : Sino Pacific (với tổng giám đốc Trung Quốc), liên doanh giữa công ty SBC thuộc bộ xây dựng Trung Quốc và công ty Đài Loan C. T. & D.

(3) Peregrine Capital Vietnam, do ông Nguyễn Trung Trực (Việt kiều ở Hồng Kông) làm tổng giám đốc, là một tập đoàn đăng ký thành lập năm 1991 ở Hồng Kông, song toàn bộ hoạt động diễn ra tại Việt Nam. Thông qua 11 công ty con ở Thành phố Hồ Chí Minh làm đại lý nhập hàng của các hãng Honda, Mercedes, Chrysler, Allied Walker, Johnson & Johnson ..., Peregrine có tổng doanh thu ở Việt Nam lên đến 12,4 triệu đô la với lãi ròng 2,3 triệu đô la trong năm 1995. Nhờ mạng lưới công ty con tổ chức tại Hồng Kông và tại Việt Nam, Peregrine dùng phù phép điều chỉnh giá trong những quan hệ giữa các công ty con này để kinh doanh trốn thuế (thuế nhập khẩu, doanh thu, lợi tức) với quy mô được xem là lớn nhất từ trước tới nay ở một doanh nghiệp nước ngoài. Được biết, Peregrine đặt cơ ngơi ngay trong trụ sở của Ngân hàng nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh và nhập uỷ thác qua công ty Tamexco.

do vữa xây dựng không còn tác dụng liên kết”, “ nhìn bề mặt ngoài cảm nhận tường vẫn tốt ” (!). Doanh nghiệp thi công giải thích “ nguyên nhân sự cố có lẽ do khu nhà này đã được xây dựng từ nhiều năm, lại quá nhiều lần sửa chữa ” (!!)

Trường Quốc học được thành lập năm 1896 (năm Thành Thái thứ 8) rồi được vua Khải Định cho nhà thầu Pháp xây dựng kiên cố trong ba năm 1915 - 1918. Năm 1994, nhà nước phê duyệt luận chứng kỹ thuật đầu tư khôi phục, tồn tạo Quốc học Huế thành “ trung tâm đào tạo chất lượng cao của miền Trung ”. Tổng số vốn đầu tư lên đến 17 tỉ đồng (kể cả thiết bị). Trong đề án tu sửa này, người ta được biết :

– Sở giáo dục Thừa Thiên - Huế có thành lập một ban quản lý dự án gồm 8 thành viên do một phó tiến sĩ làm trưởng ban, những người còn lại đều là cử nhân và kỹ sư.

– Việc thiết kế kỹ thuật công trình được giao cho Công ty tư vấn xây dựng Thừa Thiên - Huế.

– Việc thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán được giao cho Công ty tư vấn xây dựng của bộ quốc phòng.

– Phần thi công cải tạo khu nhà đã giao cho Công ty xây lắp Thừa Thiên - Huế.

Với bao nhiêu cấp về quản lý, thiết kế, thẩm định và thi công, dư luận người dân càng khó hiểu vì sao trách nhiệm của sự cố sập trường Quốc học lại qui về... những bức tường xây lâu năm. (Lao Động 6, 18 và 21.7.96)

Thành phố Hồ Chí Minh : tham nhũng bao trùm mọi lĩnh vực

Những cuộc thanh tra và điều tra tiến hành ở Thành phố Hồ Chí Minh và kết thúc trong 6 tháng đầu năm nay đã phát hiện 18 vụ tham nhũng với tổng số thiệt hại gây ra là 11,4 tỉ đồng, 51 lượng vàng và 11 000 m² đất. Số liệu này chưa kể đến hai vụ án lớn : Trần Xuân Hoa và Tamexco.

Theo bản báo cáo của ban chỉ đạo chống tham nhũng Thành phố Hồ Chí Minh, tính trầm trọng của tình hình hiện nay ở chỗ các vụ tham nhũng bao trùm trên mọi lĩnh vực : kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, quản lý đất đai và cả kinh tài của đảng bộ đảng cộng sản.

– Thay vì sử dụng nguồn tiền lao động công ích của thành phố để cải tạo các công viên thì giám đốc Công ty công viên cây xanh (ông Nguyễn Văn Tim) câu kết với trưởng phòng lao động nước ngoài (ông Nguyễn Văn Sơn) và phó phòng tiền lương (ông Trần Anh Tuấn) thuộc sở lao động thành phố để tham ô 89 triệu đồng.

– Trong khi vụ án phó chủ tịch xã Bình Trị Đông (bà Bùi Thị Bửu) tham ô tiền đền bù đất cho dân còn trong vòng điều tra thì, cũng tại huyện Bình Chánh, bí thư xã Tân Túc (bà Tư Thăng) câu kết với chủ tịch xã (bà Mười Cửa) bán đất công, tham ô 69 triệu đồng, 16 lượng vàng và làm thất thoát 1,1 ha đất.

– Trong việc giải tỏa khu dân cư nghĩa địa Pháp ở Tân Bình để xây dựng khu văn hóa quận này, phó ban quản lý công trình (ông Phạm Phú Thành) tham ô 570 triệu đồng tiền đền bù và nhận hối lộ 35 lượng vàng của người bị giải tỏa.

– Đặc biệt nghiêm trọng là vụ phòng giáo dục huyện Củ

Chi làm thất thoát đến trên 1,3 tỉ đồng, trong đó tham ô 41 triệu đồng và cố ý gây thiệt hại 1,24 tỉ đồng.

– Đáng chú ý nhất là những vụ phạm pháp xảy ra ở hai cơ sở kinh tài lớn của đảng cộng sản, công ty Gesebco (ông Huỳnh Trung Dũng) thuộc quận uỷ quận 3 và công ty Tamexco (ông Phạm Huy Phước) thuộc thành uỷ. (Phụ Nữ TPHCM 27.7.96)

Nhân sự mới UBND thành phố HCM

Tiếp theo những thay đổi tại đại hội đảng bộ đảng cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Việt Thanh (phó chủ tịch uỷ ban nhân dân và nguyên giám đốc sở công an thành phố) được chỉ định làm chủ tịch uỷ ban nhân dân, thay ông Trương Tấn Sang (bí thư thành uỷ mới). Bốn phó chủ tịch mới được bầu gồm : bà Phạm Phương Thảo (phó ban văn hóa tư - tưởng thành uỷ) phụ trách văn hóa - xã hội (thay bà Lê Thị Vân) ; ông Lê Thanh Hải (giám đốc sở kế hoạch - đầu tư) phụ trách kế hoạch - đầu tư và nông nghiệp - nông thôn (thay ông Lê Minh Châu) ; ông Nguyễn Văn Chì (giám đốc sở lao động - xã hội) phụ trách mậu dịch, tài chính và ngân hàng ; ông Vũ Hùng Việt (giám đốc sở xây dựng) phụ trách xây dựng - nhà đất, giao thông - vận tải.

Về nhân sự đảng bộ, DD số 53 đã đưa. Chỉ xin thêm : người thay ông Trần Trọng Tân làm trưởng ban văn hoá - tư tưởng là ông Trần Văn Tạo, nguyên phó giám đốc sở công an thành phố.

Bảo hiểm y tế : 2 % người nghèo được hưởng

Đầu tháng 6 vừa qua, tại Hà Nội, bộ y tế đã tổ chức hội thảo về chữa, khám bệnh cho người nghèo mà chính phủ Việt Nam ước tính gần 15 triệu người, tức 20 % dân số. Giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam, ông Trần Khắc Long cho biết, đến nay, đã cấp thẻ bảo hiểm y tế nhân đạo cho 275 706 người nghèo, tức cho 2 % tổng số người nghèo trong xã hội. Theo một ước tính khác của Ngân hàng thế giới (W.B.), hơn phân nửa dân số Việt Nam (51 %) sống dưới mức đói nghèo, và 72 % trong số đó (khoảng 27 triệu người) phải tự chữa bệnh do không có phương tiện đến khám bác sĩ và mua thuốc, 12 % khám, chữa bệnh ở cơ sở y tế nhà nước, 16 % đến cơ sở y tế tư nhân.

Một cuộc điều tra của bộ y tế còn cho thấy người nghèo khám, chữa bệnh chủ yếu tại cơ sở y tế xã, trong khi các cơ sở này lại là những nơi được nhà nước đầu tư ít nhất. Cho nên có tình trạng nhiều trạm y tế hiện nay ngừng hoạt động và không ít xã trở lại thành “ xã trắng ” về y tế. Ở Tây Nguyên, 15 % số xã chưa có cơ sở y tế và riêng ở tỉnh Kontum 40 % trạm y tế xã không còn hoạt động.

Bộ trưởng y tế Đỗ Nguyên Phương cho biết, ngân sách ngành y tế hàng năm có tăng dần, nhưng thực chất tỉ lệ so với tổng số chi của nhà nước thì lại giảm. Nếu năm 1995, kinh phí cho khám chữa bệnh lên đến 515 tỉ đồng thì phần bao cấp cho người nghèo chỉ là 51,5 tỉ đồng. Kinh phí lại được phân bổ chủ yếu cho bệnh viện trung ương (38 %), tỉnh (20 %), huyện (15 %), các cơ sở y tế xã coi như không tính đến.

Cuộc hội thảo đã đề ra giải pháp “ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo ”. Nếu mỗi thẻ trị giá 40 000 đồng thì mỗi năm tiền bảo hiểm y tế cho người nghèo cần tới 560 tỉ đồng. Theo kế hoạch 1996 - 2000, dự án xóa đói giảm nghèo sẽ dành 250 tỷ đồng để mua bảo hiểm cho người nghèo. Còn hơn 300 tỉ đồng nhà nước sẽ lấy từ đâu ?

Ngoài ra, bộ y tế thừa nhận thực trạng người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế bị coi thường, xem rẻ ở các cơ sở y tế của nhà nước. Nhất tại các bệnh viện trung ương và tỉnh, người nghèo thường phải chịu đựng sự bất nhã của nhân viên y tế, vì hiện tượng phí “ ngăm ” đã trở thành phổ biến : cơm không đủ ăn, thuốc còn chờ miễn phí thì làm sao người nghèo có thể có phong bao cho thầy thuốc để mong được chăm sóc đàng hoàng hơn ? (Lao Động 13 và 23.6.96)

Khởi tố ba tờ báo

Giữa tháng 7 vừa qua, bộ nội vụ đã ra quyết định khởi tố ba tờ báo về tội tiết lộ bí mật nhà nước. Trong vụ thứ nhất, báo Hà Nội Mới bị điều tra về việc làm lộ bí mật của ngành hàng không Việt Nam qua các bài “ Bay lên nào ” (ngày 24.3.96), “ Đừng nói gì đến chì và chì ” (ngày 31.3.96), nói về việc Vietnam Airlines mua 2 chiếc máy bay của hãng chế tạo máy bay Hà Lan bị phá sản Fokker. Một người trách nhiệm tờ báo nói với phóng viên AFP tại Hà Nội, ông không

hiểu trong những bài báo nói trên có điều gì là bí mật quốc gia. Trong vụ thứ hai, báo Tiền Phong với bài “ *Mở bùng bùng ở mỏ Đại Hùng* ” (28.5.96) và báo Kinh doanh và Pháp luật với bài “ *Ai tiếp tay cho BHP hồng ân không mỏ Đại Hùng* ” (4-10.6.96) bị điều tra về việc làm lộ bí mật của ngành dầu khí. Cả hai bài liên quan tới vụ thương lượng lại hợp đồng khai thác mỏ Đại Hùng giữa hãng dầu khí Úc BHP và PetroVietnam. BHP đòi rút khỏi Đại Hùng nếu hợp đồng không được xét lại, vì mỏ này có trữ lượng ít hơn nhiều so với dự trữ. Cuộc thương lượng tới nay chưa ngã ngũ. (Tuổi Trẻ 23.7, AFP 24.7.1996)

Úc - Việt : trở lại quan hệ bình thường

Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng thương mại Úc Tim Fischer đã đến thăm Việt Nam từ ngày 15 đến 18.8. Sự kiện được báo chí Úc nói tới nhiều nhất nhân chuyến đi không phải là những buổi làm việc của ông với đồng sự Việt Nam Lê Văn Triết hay hội đàm với phó thủ tướng Phan Văn Khải, mà là việc ông Fischer đã tới dự một buổi lễ kỷ niệm 30 năm trận đánh Long Tân, gần Núi Đọt, Vũng Tàu ngày 18.8. Đây là trận đánh lớn nhất mà quân đội Úc tham gia trong chiến tranh Việt Nam, với 18 binh sĩ Úc bị tử thương. Hàng năm, những cựu binh Úc trong chiến tranh Việt Nam lấy ngày 18.8 làm ngày kỷ niệm chung những tướng sĩ trận vong trong

Người đói, nghèo : 20 % hay 51 % dân số ?

Trong một cuộc họp báo đầu năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Lê Xuân Trinh, bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ, cho biết có ít nhất ba nghiên cứu đánh giá khác nhau về tình hình nghèo đói ở Việt Nam.

Theo bộ lao động, thương binh và xã hội, “ *hộ đói* ” là hộ có thu nhập quy ra gạo bình quân đầu người dưới 13 kg/tháng, còn “ *hộ nghèo* ” là hộ có dưới 25 kg/tháng đầu người ở thành thị, dưới 20 kg ở nông thôn đồng bằng và trung du, và dưới 15 kg ở miền núi. Tính theo tiêu chuẩn này thì Việt Nam hiện nay có gần 3 triệu hộ đói nghèo, chiếm 20,3 % tổng số hộ cả nước, trong đó có 598.746 hộ đói, tức 4,1 %, và 2 347 133 hộ nghèo, tức 16,2 %.

Cuộc điều tra về tình hình giàu nghèo năm 1993 của Tổng cục thống kê đã căn cứ trên nhiệt lượng tối thiểu là 2 100 calo/ngày/người và đưa ra hai khái niệm *hộ nghèo* và *hộ rất nghèo*. Ở nông thôn, “ *hộ nghèo* ” là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 50 000 đồng/tháng, trong đó “ *hộ rất nghèo* ” là dưới 30 000 đồng/tháng. Còn ở thành thị, “ *hộ nghèo* ” là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 70 000 đồng/tháng, trong đó “ *hộ rất nghèo* ” là dưới 50 000 đồng/tháng. Với cái chuẩn này, Tổng cục thống kê đánh giá năm 1993, cả nước có khoảng 20 % số hộ thuộc diện nghèo, trong đó rất nghèo là 4,36 %.

Trong cuộc điều tra về mức sống dân cư 1992 - 1993, Ngân hàng thế giới (W.B.) căn cứ trên nhu cầu tối thiểu là 2 100 calo/ngày/người và mức chi tiêu riêng cho ăn uống chiếm 70 % trong tổng chi tiêu, để xác định là ở Việt Nam, mức tối thiểu cho mỗi người là phải thu nhập bình quân

khoảng 100 đô la/năm, tức khoảng 1,1 triệu đồng. Dựa trên tiêu chuẩn này, W.B. ước lượng Việt Nam có khoảng 51 % dân số thuộc diện đói nghèo, trong đó có 25 % thuộc diện đói lương thực, thực phẩm.

Đến nay, các văn kiện của đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam chọn sử dụng khái niệm đói nghèo theo “ *nghĩa hẹp* ”, của bộ lao động, thương binh và xã hội. Với định nghĩa này, các thống kê chính thức trong bốn năm 1992 - 1995 cho thấy tỉ lệ nghèo đói ở Việt Nam đã giảm từ 28 % (khoảng 4,2 triệu hộ) năm 1992 xuống còn 20 % (khoảng 3 triệu hộ) năm 1995. Vừa qua, đại hội 8 đề ra cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 mục tiêu giảm nghèo đói trong tỉ lệ tổng số hộ của cả nước từ 20 % hiện nay xuống còn khoảng 10 %. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 20.6. ; Lao Động 27.6.96)

Chú thích :

Những chuẩn mực xác định người nghèo đói ở trên đây có tính bình quân cho nông thôn và cho thành thị cả nước, không nhất thiết xác đáng khi áp dụng cho từng vùng. Như phó ban xóa đói giảm nghèo của Thành phố Hồ Chí Minh, ông Phạm Văn Thanh, đã nêu : “ Nếu theo chuẩn mực của trung ương thì tại Thành phố Hồ Chí Minh không còn hộ đói ”. Ông cho biết thành phố còn phải xóa đói giảm nghèo cho 120 000 hộ, gồm 20 000 cần trợ giúp để “ *chống tái đói* ” và 100 000 hộ cần trợ giúp để “ *giảm nghèo* ”.

Mặt khác, chuẩn mực chính thức về nghèo đói chỉ căn cứ vào nhu cầu tối thiểu về ăn uống, không kể đến những nhu cầu khác, như sức khỏe hay học hành. Trong khi đó, chế độ y tế và giáo dục bao cấp đã bị xóa bỏ trong những năm qua, và ngày hôm nay, người nghèo không thể chữa bệnh và đi học nếu không đóng viện phí, học phí dưới dạng này hay dạng khác, chính thức và trá hình.

cuộc chiến, song đây là lần đầu tiên chính phủ Việt Nam cho phép phía Úc tổ chức một buổi lễ tại đây. Trả lời một câu hỏi của báo chí, ông Fischer cũng đã chỉ nói về khía cạnh “ tình cảm ” của việc này và nhấn mạnh hơn về những công việc khác, “ nhắm tới tương lai ”, trong chuyến đi của ông.

Về phía Việt Nam, dù báo chí trong nước không được phép nói tới, sự cho phép Úc tổ chức lễ kỷ niệm này cũng phần nào chứng minh Hà Nội đã chấp nhận những giải thích của ngoại trưởng Alexander Downer trong chuyến đi Việt Nam vào tháng 7. Rằng chính phủ mới của Úc không có ý định giảm nhẹ những quan hệ với các nước trong vùng, và nhất là Úc không đặt vấn đề rút bớt ngân khoản 42 triệu đôla viện trợ cho công trình xây cầu Mỹ Thuận. (AFP 15, 16 và 18.8.1996)

Di lao động ở nước ngoài

Theo cục quản lý lao động với nước ngoài, tỉ lệ người đi lao động ở nước ngoài bỏ xí nghiệp để đi làm nơi khác không ngừng tăng. Tại Hàn Quốc 2 557 trên tổng số 10 000 công nhân tu nghiệp (khoảng 25 %) đã bỏ trốn nơi làm việc cũng như 233 thủy thủ đánh cá (4,5 %) đã trốn khỏi tàu. Nguyên nhân chính là mức lương (270 đô la/tháng) thấp hơn cả mức lương của những người lao động bất hợp pháp (370 - 500 đô la). Sáu tháng đầu năm nay, theo Thông tấn xã Việt Nam, số người được phép đi lao động ở nước ngoài là 5 700 người, tăng 30 % so với cùng thời kỳ năm ngoái, nâng tổng số lao động (chính thức) Việt Nam ở nước ngoài lên tới 20 000, trong đó hơn 50 % đi làm ở Hàn Quốc và các nước vùng Vịnh. Về mặt ngành nghề, số lớn là thủy thủ, công nhân xây dựng, và nhân viên y tế. (AFP 15.7.1996 và báo trong nước)

Đầu tư nước ngoài

Theo tạp chí Vietnam Investment Review, các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam có khuynh hướng đầu tư vào các xí nghiệp mà họ kiểm soát 100 %, thay vì kiểm các đối tác Việt Nam để hợp doanh như trước đây. Tổng số các dự án đầu tư 100 % nước ngoài cho tới nay là 27 %, chiếm 18 % vốn đầu tư, trong khi chỉ tính 6 tháng đầu năm nay gần 50 % của 3,03 tỉ đô la vốn đầu tư vào Việt Nam (cùng thời kỳ năm ngoái : 3,6 tỉ) là các xí nghiệp 100 % nước ngoài. Lý do chính, theo tạp chí, là những vấn đề quan hệ với các đối tác địa phương.

Trong những dự án đầu tư lớn thời gian qua, có thể kể :

- Về xây dựng hạ tầng cơ sở, một tổ hợp quốc tế do hãng đóng tàu Đài Loan Evergreen đứng đầu sẽ xây một cảng công-tơ-nơ ở phía bắc Vũng Tàu từ năm 1988, với công suất dự tính lên đến 45 triệu tấn/năm sau 15 năm, trị giá 638 triệu đôla ; trong khi đó, cũng một cảng công-tơ-nơ với công suất 6,2 triệu tấn/năm, trị giá 40 triệu đôla sẽ được xây ở Hải Phòng với vốn Nhật. Việc nâng cấp cảng sông Sài Gòn đã khởi công, với vốn 40 triệu đôla do Ngân hàng phát triển châu Á trợ cấp.

- Về viễn thông, bộ bưu điện và viễn thông Nhật đã nhận nguyên tắc viện trợ 50 % trong một dự án cài đặt 240 000 đường dây điện thoại ở miền bắc, và đang đặt cho hãng Nippon Telegraph and Telephone Corp. nghiên cứu kế hoạch

cụ thể. Mặt khác, Tổng cục bưu điện và viễn thông Việt Nam đã thông qua một dự án của Vietnam Mobile Services (VMS) nhằm phủ 45 tỉnh trên cả nước với một hệ thống điện thoại lưu động, trị giá 100 triệu đôla. Các hãng Pháp Alcatel và Thụy Điển Ericsson sẽ tham gia dự án.

- Về nông nghiệp, công ty Nhật Tomen Corp. sẽ hợp tác với một công ty Việt Nam để xây dựng một nhà máy phân bón trị giá 215 triệu đôla ở Quảng Ninh, với công suất 330 ngàn tấn phân/năm.

- Trong ngành dịch vụ bảo hiểm, liên doanh bảo hiểm đầu tiên được phép là giữa Bảo Việt và các công ty Tokio Marine and Fire Insurance Co. của Nhật, Union Assurance Co. của Anh. Bảo Việt giữ đa số trong liên doanh, với 51 % của tổng vốn đầu tư 6 triệu đôla.

(tin tổng hợp trong hai tháng 7, 8.1996)

Tin ngắn

• Đoàn thể thao Việt Nam tham gia thể vận hội Atlanta 1996 gồm 12 thành viên trong đó có 6 vận động viên : Cao Ngọc Phương Trinh (môn judo, hạng cân 48 kg, nữ), Vũ Bích Hương (điền kinh, 100 m rào, nữ), Võ Trường An (bơi lội, 50 và 100 m tự do, nữ) Trương Ngọc Tuấn (bơi lội, 50 m tự do và 100 m ngựa, nam), Lâm Hải Vân (điền kinh, 100 và 200 m, nam), Trịnh Quốc Việt (bắn súng, súng ngắn tự chọn 60 viên, nam).

• Cả năm học sinh Việt Nam tham dự kỳ thi Olympic vật lý quốc tế 1996 tại Oslo (Na Uy) đều đoạt giải với 1 huy chương vàng, 3 bạc và 1 đồng. Năm trên sáu học sinh tham dự kỳ thi Olympic toán quốc tế tại Bombay (Ấn Độ) cũng đã đoạt giải với 3 huy chương vàng, 1 bạc, 1 đồng. Tại kỳ thi Olympic hóa học quốc tế ở Matxcova (Nga), các học sinh Việt Nam đã đoạt 3 huy chương đồng. Ngược lại, tại kỳ thi Olympic sinh vật quốc tế ở Crum (Ucraina), cả bốn sinh viên tham dự không đoạt được giải nào.

• Giải thưởng văn hóa châu Á - Fukuoka năm 1996 đã được trao cho nhà sử học Phan Huy Lê, chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt nam, giám đốc Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn hóa, chủ nhiệm khoa Đông phương học trường đại học quốc gia Hà Nội. Trong 40 năm đứng trên bục giảng, giáo sư Lê đã đào tạo nhiều thế hệ các nhà sử học và đã có trên 200 công trình khoa học.

• Đầu tháng 7 vừa qua, trường đại học Luật đã được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở sáp nhập khoa luật trường đại học Tổng hợp và phân hiệu đại học Pháp lý. Ông Nguyễn Văn Luyện, nguyên trưởng phân hiệu đại học Pháp lý, được cử làm hiệu trưởng.

• Cũng trong tháng 7, hai trường đại học kinh tế, tài chính - kế toán và các khoa kinh tế của các trường khác đã hợp nhất thành trường đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh Tuyền, nguyên hiệu trưởng trường đại học tài chính - kế toán, được bổ nhiệm làm hiệu trưởng.

• Tính đến nay cả nước có 26 654 doanh nghiệp tư doanh đang hoạt động với tổng số vốn khoảng 11 000 tỉ đồng và

năm 1995 đã nộp ngân sách nhà nước 4 130 tỉ đồng. Bình quân một doanh nghiệp có 160 triệu đồng vốn và sử dụng 7 - 10 lao động.

- Tính đến cuối tháng 6, số thuế còn nợ đọng lên đến 402 tỉ đồng trong đó doanh nghiệp nhà nước nợ 240 tỉ đồng, doanh nghiệp tư nhân trong nước 109 tỉ đồng, doanh nghiệp có vốn nước ngoài 52 tỉ. Nhà nước ước tính nợ đọng thuế bất khả thu lên đến 100 tỉ đồng.

- Phiên họp thứ bảy giữa các chuyên gia Việt Nam và Trung Quốc về đường biên giới biển, từ 5 tới 7.8 tại Hà Nội, không mang lại kết quả cụ thể nào, tuy được báo Nhân Dân đánh giá là đã góp phần tăng cường “ sự hiểu biết lẫn nhau ” giữa hai nước.

- Vừa được bầu vào bộ chính trị, tướng Phạm Văn Trà, tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam, đã đi thăm Bắc Kinh vào trung tuần tháng 7, “ nhằm thúc đẩy hoà bình và phát triển trong vùng, thông qua sự phát triển những quan hệ quân sự tốt đẹp với Trung Quốc ” theo lời phát biểu của ông Trà trong buổi hội đàm với chủ tịch Giang Trạch Dân.

- Ngoại trưởng Canada Lloyd Axworthy và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã ký kết một thoả ước ngày 25.7 tại Jakarta, bên lề một hội nghị cấp bộ trưởng các nước ASEAN, nhằm chính thức hoá việc Canada coi Việt Nam là một thành viên của ASEAN với mọi quyền hưởng những điều khoản của một hiệp định hợp tác Canada - ASEAN đã được ký trước ngày Việt Nam gia nhập tổ chức này.

- Cũng trong những ngày cuối tháng 7, thứ trưởng ngoại giao Canada phụ trách vụ Châu Á - Thái Bình Dương Raymond Chan đã tới thăm chính thức Việt Nam với một đoàn 9 nhà lãnh đạo các doanh nghiệp lớn của Canada trong các lĩnh vực năng lượng và xử lý nước.

- Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã chính thức đặt đơn gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) của Việt Nam. APEC hiện gồm 18 nước, 6 nước ASEAN trước Việt Nam và Úc, Canada, Trung Quốc, Chili, Hồng Kong, Nhật, Mexico, Tân Tây Lan, Papua - Niu Ghinê, Hàn Quốc, Đài Loan và Mỹ.

- Ngoại trưởng Nhật Yukihiko Ikeda trong chuyến đi thăm chính thức Việt Nam hai ngày 27 và 28.7 đã lên tiếng ủng hộ Việt Nam gia nhập APEC và Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO). Ông Ikeda cũng đã dự buổi lễ ký kết nhiều thoả ước viện trợ của Nhật cho Việt Nam, như 32,5 triệu đôla nhằm xây dựng lại các cầu ở phía bắc.

- Ngoại trưởng Hàn Quốc Gong Ro-Myung đã tới thăm chính thức Việt Nam ba ngày 27 - 29.7. Ngoài những mục tiêu kinh tế, ông Gong còn đặt yêu cầu Việt Nam ủng hộ một chương trình phát triển năng lượng trên toàn bán đảo Triều Tiên, nhằm thay thế những nhà máy điện hạt nhân ở Bắc Hàn bằng những nhà máy vừa an toàn hơn, vừa không cho phép sản xuất vũ khí hạt nhân.

- Một hội trường quốc tế, trước mắt sẽ được dùng cho hội nghị thượng đỉnh các nước dùng Pháp ngữ năm 1997, vừa được khởi công xây dựng trong khu Ba Đình, Hà Nội. Hội trường trị giá 50 triệu quan Pháp, được chính phủ Pháp tài trợ

35 triệu. Bên cạnh đó, Hà Nội cũng đã quyết định xây dựng một trung tâm báo chí phục vụ hội nghị, trị giá 5,5 triệu đôla.

- Theo một quan chức cao cấp Đức, khoảng 1500 người Việt sống không hợp pháp tại Đức sẽ được đưa về nước từ đây tới cuối năm. Việc đưa người hồi hương này đã được gia tăng từ tháng 6 vừa qua, khi nhiều vụ bắn giết người xảy ra trong cộng đồng người Việt vùng Bá Linh. Mới đây các tòa án Đức cũng đã tăng mức nghiêm khắc trong các tuyên án đối với những tội phạm người Việt.

- Nhà cầm quyền Hồng Kông vẫn quyết liệt cưỡng bách đưa những thuyền nhân Việt Nam còn trên các trại tị nạn trên bán đảo về nước : người thứ 50 000 về nước trong chương trình “ hồi hương tự nguyện ” kể từ năm 1989 đã rời Hồng Kông ngày 9.8.1996.

- Một thanh niên 24 tuổi, anh Nguyễn Đức Minh, chết vì một căn bệnh lạ trong tháng 8 vừa qua, đã để lại di chúc tặng xác của anh cho Trường đại học y tế Việt Nam dùng trong nghiên cứu. Đây là trường hợp tặng xác cho y học đầu tiên ở Việt Nam.

- Số người chết vì sốt rét ở Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 1996 là 84 người, giảm 50 % so với cùng thời kỳ năm ngoái, nhờ một chương trình phòng, chống sốt rét được áp dụng từ đầu năm. Hơn 1 triệu người đã được thử máu tìm ký sinh trùng sốt rét, và 5,6 triệu tấm mùng đã được phát cho dân các tỉnh miền núi.

- Đầu tháng 7 vừa qua, một cơn dịch viêm não Nhật Bản - B đã lan tràn ở các tỉnh phía bắc, gây bệnh cho gần 500 trẻ em và làm cho 15 em chết.

- Cụ Bùi Hoàn Thủ, tổng thư ký Tổng hội Tin Lành Việt Nam, vừa từ trần ngày 11.8 tại Hà Nội, thọ 83 tuổi. Số người theo đạo Tin Lành ở Việt Nam được ước tính vào khoảng vài ngàn, trên khoảng 7 triệu người theo đạo Kitô.

- Ủy ban nhân dân TPHCM đã quyết định danh sách 10 công ty quốc doanh trên địa bàn thành phố sẽ được cổ phần hoá. Phần lớn đây là các công ty trong địa hạt hoá, dược phẩm. Danh sách này còn chờ được thủ tướng duyệt trước khi việc cổ phần hoá được thực hiện.

- Theo tin từ Tổng cục Thuế, một đạo luật đang được soạn thảo để trình quốc hội vào tháng 10 tới, thiết lập thuế giá trị gia tăng (TVA) ở Việt Nam.

Quảng cáo miễn phí

Thế kỷ 21 - trước công nguyên ?

Trong số Văn nghệ số 25 - 96, đặc biệt “ chào mừng đại hội lần thứ 8 của Đảng ”, có bài thơ “ Xe bê tông vừa đi vừa trợn ” của Phạm Tiến Duật. Nhà thơ ví đại mụon hình ảnh chiếc xe bê tông để nói ý “ băng qua đi vật của thế kỷ trước để xây thế kỷ sau ”.

Bài viết về đại hội 8 đăng trên Tuổi Trẻ chủ nhật tuần thứ 28 - 96 của nhà lý luận cách mạng lão thành Trần Bạch Đằng cũng mang tựa rất gân guốc “ Đại hội VIII - thông điệp gửi thế kỷ 21 ”.

Xin mời các bạn tự tìm đọc, để “ nắm bắt ” được ý sâu sắc của văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa vĩ đại của thế kỷ.

- Thế kỷ 21 trước công nguyên ?

Dấu dúi vô đạo...

(tiếp theo trang 1)

chính phủ. Khi người ta quyết định xếp lá thư vào loại hàng quốc cấm là lúc các địch thủ (đứng đầu là Đào Duy Tùng và Nguyễn Hà Phan) của ông Kiệt muốn quy kết ông đã phổ biến lá thư nội bộ đó để gây hậu thuẫn trong dư luận trong đảng và ngoài đảng. Bây giờ thì mọi sự đã rõ : lá thư đã được sao chụp và phổ biến rộng rãi trong giới đảng viên từ tháng 10.1995 ; một trong những lỗ rò lại chính là ông Nguyễn Hà Phan, người đã bị cách chức uỷ viên Bộ chính trị, Ban bí thư và khai trừ khỏi Đảng cộng sản trung tuần tháng 4.96 !

Nhưng ở thời điểm cuối tháng 11, đầu tháng 12.1995 ấy, người ta cần tìm ra những vật tể thần để phục vụ bài ca : “ một số đảng viên còn mơ hồ, mất cảnh giác, vi phạm nguyên tắc bảo vệ nội bộ, để tài liệu mật của Đảng và Nhà nước lọt ra ngoài, kẻ xấu lấy được, in sao, tán phát và loan truyền, bóp méo sự thật hồng gây hoang mang trong nhân dân ” (chỉ thị MẬT số 67-CT/TW của Ban bí thư do ông Đào Duy Tùng ký).

Do đó, ngày 5.12.1995, ông Nguyễn Xuân Tụ (bút danh là Hà Sĩ Phu) đã bị bắt trên đường phố Hà Nội, mang theo một bản chụp lá thư của ông Võ Văn Kiệt, mà ông vừa được ông Nguyễn Kiến Giang cung cấp. Cùng thời gian, ông Lê Hồng Hà cũng bị bắt : ông Hà xác nhận chính ông đã trao một bản cho ông Nguyễn Kiến Giang, nhưng nhất quyết không nói ai đã cho ông tập tài liệu này. Ông Nguyễn Kiến Giang, và nhiều người khác (trong đó có đại tá Phạm Quế Dương, nguyên tổng biên tập tạp chí Lịch sử Quân đội Nhân dân) cũng đã bị công an “ mời làm việc ”. Những người này đều thừa nhận là đã có trong tay tập tài liệu, và đã truyền trao cho bạn bè (đại tá Phạm Quế Dương nhận đã sao chụp và gửi cho những cán bộ lão thành ở Thành phố Hồ Chí Minh). Chỉ riêng hai ông Lê Hồng Hà và Hà Sĩ Phu đã bị giam hơn 9 tháng (Bộ luật hình sự quy định thời hạn tạm giam trước khi truy tố không quá 4 tháng). Còn ông Nguyễn Kiến Giang, một tháng trước phiên toà 22.8, đã nhận được giấy truy tố.

Những sự việc kể trên cho thấy việc bắt bớ, truy tố ba trí thức, ngoài mục đích tế thần, hù dọa khoá miệng trước Đại hội 8, còn nhắm đặc biệt vào ba người này, với những lý do độc lập với câu chuyện “ bí mật nhà nước ”. Để thấy rõ điều này, chỉ cần giới thiệu sơ lược tiểu sử của họ :

Nguyễn Kiến Giang

Sinh năm 1931 tại Quảng Bình, Nguyễn Kiến Giang gia nhập Việt Minh từ năm 14 tuổi và tham gia kháng chiến tại quê quán. Sau 1955, ông công tác tại nhà xuất bản Sự Thật mà ông trở thành phó giám đốc. Từ 1962 đến 64, ông được cử sang Maskva học Trường Đảng cao cấp thuộc Trung ương ĐCS Liên Xô. Sau hội nghị Trung ương lần thứ 9 (tháng 12.63), ông bị xếp vào “ thành phần xét lại ”. Từ 1967 đến 1973, ông bị giam tù (không xét xử) trong vụ Hoàng Minh Chính. Từ 1976 (sau 3 năm quản chế ở Vĩnh Phú), ông trở về Hà Nội, sinh sống bằng nghề biên dịch và viết sách báo, nhiều bài báo ký bút hiệu Lương Dân, Lê Diên, Lê Minh Tuệ..., sách hay báo nhiều khi phải mượn tên người khác để có thể được công bố. Các bài nghiên cứu xã hội học của ông thường chỉ được đọc và lưu truyền trong các xêmina, không được công bố. Tác phẩm mới nhất của ông phải in ở nước ngoài : **Tuyển tập Nguyễn Kiến Giang** (nxb. Trăm Hoa,

California, 1993).

Lê Hồng Hà

Sinh năm 1926, tham gia cách mạng từ năm 1944, vào đảng từ 1946. Công tác công an liên tục cho tới năm 1979 (trừ thời gian 49-53 theo học khoá Mác-Lê ở Bắc Kinh). Từ 1979, trở thành chuyên viên kinh tế cấp cao, làm việc ở Ủy ban Khoa học xã hội, rồi Bộ lao động. Năm 1990, làm chủ nhiệm đề tài khoa học cấp nhà nước *Vấn đề nguồn lao động và giải quyết việc làm của Việt Nam cho đến năm 2000*. Các bài nghiên cứu và lời phát biểu của ông Lê Hồng Hà trong 10 năm qua cho thấy ông là một nhà lý luận chủ trương đổi mới có hệ thống và toàn diện. Đầu năm 1995, ông giúp ông Nguyễn Trung Thành (cán bộ Ban tổ chức) đòi minh oan cho nạn nhân “ vụ xét lại – chống Đảng ” : tháng 6.96, ông và ông Thành bị khai trừ. Trong những văn thư gửi cho lãnh đạo ĐCS, ông Lê Hồng Hà vạch rõ trách nhiệm của các ông Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Lê Minh Hương (vừa vào Bộ chính trị, và theo nhiều nguồn tin, sẽ trở thành bộ trưởng nội vụ).

Hà Sĩ Phu

Sinh năm 1940, Nguyễn Xuân Tụ được đào tạo ở Hà Nội và Tiệp khắc (phó tiến sĩ sinh học). Từ 1975, công tác phân viện Đà Lạt thuộc Viện khoa học Việt Nam. Thuộc lớp trí thức chuyên môn được đào tạo dưới “ mái trường xã hội chủ nghĩa ”, phần đông đã từng phấn đấu-vào-đảng-mà-không-được (vì những lý do trăm thứ bà rằn : lý lịch, sinh hoạt, vô kỷ luật...), rồi đảng-đề-nghị-kết-nạp-thì-không-thêm. Từ năm 1988, dưới bút danh Hà Sĩ Phu, viết nhiều bài nghị luận được chuyên tay trong nước và xuất bản ở nước ngoài : *Dắt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ* (bài đầu tiên)... cho đến *Chia tay ý thức hệ* (nhà xuất bản TIN, Paris 1995). Những bài này không hề được công bố trong nước. Nhưng báo chí nhà nước đã có cả trăm bài công kích, xuyên tạc, có bài đòi xử lý Hà Sĩ Phu một cách “ đúng mực ”, “ theo như yêu cầu đòi hỏi của quy luật đấu tranh giai cấp ”.

Theo quy luật ấy, thì bản án 12 tháng tù ở (nghĩa là ông Tụ còn bị giam thêm 4 tháng nữa) đối với ông Hà Sĩ Phu còn nhẹ quá. Ông Nguyễn Kiến Giang, ba mươi năm trước đây, mới chỉ bảo lưu ý kiến, không viết bài, không phổ biến tài liệu gì cả, đã được 9 năm tù và quản chế. Nhưng đối với pháp luật, dù là với Bộ luật hình sự hiện hành ở Việt Nam, thì bản án trên là một sự vô đạo hiển nhiên : làm sao ông “ tiết lộ bí mật nhà nước ” khi vừa cầm trong tay 22 trang giấy không còn gì là bí mật thì ông đã bị công an khoá còng số 8 ?

Nhưng nói như vậy chẳng hoá là muốn cãi lý với một bộ máy mà lý do tồn tại là cấm đoán mọi sự lý luận. Kết án 15 tháng tù ông Nguyễn Kiến Giang, tưởng thêm chữ “ treo ” sẽ biểu thị sự “ khoan hồng ”, song, thực chất, nhà nước đã quyết nợ 9 năm tù đầy và cướp đoạt một lần nữa quyền tự do của một công dân. Và giam tù 2 năm ông Lê Hồng Hà, nhà nước đã giam thêm “ vụ xét lại – chống Đảng ” mà hàng trăm nạn nhân, gia đình... vẫn còn đang chịu đựng những hậu quả vật chất và tinh thần ghê gớm.

Kết án một cách vô đạo sau một phiên toà dấu dúi. Sự dấu dúi, tự nó, là một lời thú nhận. Song đã làm càn, thì hãy có gan *đảm nhiệm* sự càn rỡ. Bằng không, tưởng cũng nên chấm dứt hẳn trò hề công lý và trả ngay tự do cho Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Tuệ Sĩ và mọi tù nhân chính trị...

P.Q.

Sở Y tế TPHCM : nhập hàng ở đâu?

Một số bạn về thăm đất nước trong mấy tháng vừa qua quan tâm đến việc báo chí phanh phui, công kích Sở y tế trong việc nhập trang thiết bị y tế. Nếu đích danh giám đốc Sở y tế Thành phố, bác sĩ Dương Quang Trung (về nước phục vụ từ những năm 60 sau khi học thành tài ở Bordeaux) và VIPHARCO, một công ty Việt kiều tại Pháp. Cũng nên biết rằng Sở y tế không trực tiếp nhập máy móc mà phải thông qua Công ty xuất nhập khẩu y tế YTECO (quốc doanh).

Báo Công an thành phố (CATP), với một loạt bài, bắt đầu phanh phui những vụ việc này từ tháng 3.96. Ngày 21.6.96 Ủy ban nhân dân thành phố ra công văn “ giao cho chánh thanh tra thành phố sớm hoàn tất việc thanh tra, ... ”. Đoàn thanh tra đã xong Dự thảo báo cáo đề ngày 10.7.96.

Những vụ việc chính

1. Tám chiếc giường cho Trung tâm cấp cứu, mua mất gần một tỉ đồng, mà người sử dụng chẳng hài lòng.

Theo Đoàn thanh tra YTECO có phần thiếu sót. Thay vì mua của VIPHARCO 8 cái giường trị giá tất cả 13 600 USD như Ủy ban kế hoạch thành phố đã duyệt, lại theo yêu cầu của Trung tâm cấp cứu ký hợp đồng với công ty Grim mua 8 chiếc giường giá 75 200 USD.

Đoàn cho rằng về chất lượng những giường ấy, theo giám định của kỹ thuật viên Trung tâm X quang, phim chụp bệnh nhân nằm trên giường tương đối đạt yêu cầu.

2. Máy phân tích khí máu trang bị cho Trung tâm cấp cứu. Thử được 50 mẫu máu rồi nằm ỳ bốn năm liền.

Sở y tế nhập 5 máy, phân phối cho 5 nơi. Riêng tại Trung tâm cấp cứu mới hoạt động được chừng hai tháng máy ngừng chạy. Kiểm tra lại Đoàn thanh tra khẳng định máy hỏng là do người sử dụng không tuân theo quy định.

3. Báo chí kêu rêu bộ phẫu thuật thần kinh, trị giá 800 triệu đồng, sau một thời gian sử dụng các món trong bộ bị cong queo, gãy, rỉ sét như đồ “ lạc xoong ”. Thấy chuyện làm ăn gian dối đã lộ tẩy, hai năm sau VIPHARCO mới thông báo giá thực bộ phẫu thuật chỉ có trên 660 triệu, đã tính nhầm dư ra 131 triệu đồng.

Theo nhận định của Đoàn thanh tra, bộ phẫu thuật thần kinh, gồm bộ đồ mổ sọ, bộ đồ khoan, bộ đồ mổ cột sống. Từ 1994 đến nay đã được dùng để mổ 1 247 trường hợp.

Đoàn cho rằng việc Sở y tế cân đối kinh phí cho mua một số dụng cụ cần thiết để mổ sọ não là đúng đắn. Một số dụng cụ hư hỏng – gãy 3 kẹp, 1 gu (gouge) – sau thời gian sử dụng phải qua hấp là hiện tượng bình thường. Một số dụng cụ bị sét là do có thời gian rửa dụng cụ bằng nước phèn.

Sự chênh lệch giữa giá bán và giá mua 131 689 069đ là việc đáng lý không thể có. Phía VIPHARCO nhận thiếu sót đánh máy không rõ, nhưng trước sau vẫn khẳng định một trị giá, làm là YTECO đã cộng sai. Và khi phát hiện lại khắc phục chậm tạo ra dư luận không tốt.

4. Theo báo chí máy X quang cắt lớp Scanner không được bảo hành, đã hư và phải sửa chữa thêm hơn nửa tỷ đồng.

Ý kiến của đoàn thanh tra cho phần thiếu sót về bệnh viện 115. Khi đưa máy vào hoạt động nhiễm xạ là có thật, nguyên nhân là ổ chỉ phòng máy không đạt yêu cầu chứ không phải do máy. Vì vậy Bệnh viện phải ký lại hợp đồng sửa chữa phòng máy, tổn kém 505 276 325 đ.

5. Báo chí tố cáo ý đồ lập quỹ đen ở nước ngoài : Giám đốc Sở y tế Dương Quang Trung ký một bản ghi nhớ theo đó VIPHARCO giữ lại Pháp 3,5 % số tiền mua bán trang thiết bị để dùng vào làm kinh phí đào tạo huấn luyện chuyên viên kỹ thuật trang thiết bị y tế Việt Nam tại Pháp và Âu châu.

Báo Công an thành phố ngày 25.6.96 buộc tội : “ Họ (bà Tô Thị Bửu Châu, công ty YTECO, ông Dương Quang Trung giám đốc - bà Lê Hồng Hoa, trưởng phòng tài chính-kế hoạch Sở y tế) chọn VIPHARCO – một công ty của Pháp làm đối tác chính. (...) VIPHARCO có quyền bán giá thật cao, có quyền bán hàng xấu nói tốt, bán hàng thiếu nói đủ, hàng cũ tính giá hàng mới... mà bên mua cứ phải gật đầu, thậm chí còn đưa tiền trước cho VIPHARCO cất giữ, thao túng qua việc xây dựng quỹ đen ở nước ngoài... ”.

Đoàn thanh tra cho rằng chủ trương thoả thuận để 3,5% cho việc đào tạo ở nước ngoài là vượt thẩm quyền của giám đốc Sở. Việc thực hiện lại không đúng như nội dung bản ghi nhận : thay vì chỉ có cán bộ kỹ thuật phục vụ máy, trên thực tế có cả cán bộ quản lý (giám đốc các bệnh viện, trưởng phòng y tế quận huyện) được gửi đi đào tạo tại Pháp.

Nhưng ghi nhận kết quả của 41 lượt đào tạo với tổng kinh phí 721 578, 76 FF “ góp phần giúp các đồng chí lãnh đạo quản lý ngành y tế và các đơn vị trực thuộc nắm bắt được tình hình trang thiết bị hiện đại trên thế giới vào việc điều hành các cơ sở y tế hiện đại có trang thiết bị kỹ thuật cao. ” Ghi nhận rằng việc vận dụng bản ghi nhớ đã được công khai hoá, kinh phí về đi lại và ăn ở đều do công ty VIPHARCO đài thọ, “ không có hiện tượng tư túi ”.

Trong kết luận chung cho những vụ việc kể trên và một số khác mà khuôn khổ bài báo không cho phép đi vào chi tiết, Đoàn thanh tra ghi nhận Sở y tế có một số thiếu sót : chưa có bộ phận tham vấn tốt ; chưa thực hiện được qui trình nhập thiết bị một cách chặt chẽ ; có sự tùy tiện sai nguyên tắc khi nhập thiết bị có giá cao hơn dự trù đã được duyệt mà không báo cáo xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, để đơn vị nhập khẩu nâng tỉ giá đổi ngoại tệ chiếm dụng ngân sách nhà nước trên 2 tỷ đồng...

Những sai sót, bác sĩ Dương Quang Trung là người đứng đầu ngành y tế thành phố có trách nhiệm chính, song các phó giám đốc Sở không thể đổ trách nhiệm cho cá nhân giám đốc vì thực tế qua thanh tra cho thấy những chủ trương đó có sự bàn bạc thống nhất của tập thể.

Vài lời bàn thêm

Đoàn thanh tra cũng nêu việc trong nội bộ Sở y tế một số cá nhân, đơn vị đã chia bè, kéo cánh đấu tranh thiếu xây dựng, đổ lỗi cho nhau, “ cung cấp tình hình thiếu khách quan cho báo chí... ”. Chúng ta ghi nhận thêm rằng cuộc đấu tranh nội bộ nhằm hạ uy tín giám đốc Sở Dương Quang Trung nổ ra đúng thời điểm chuẩn bị đại hội Đảng bộ thành phố.

Trong tình hình ấy phóng tin lệch lạc chỉ là chuyện thường tình. Mặc vào hay không là bản lĩnh của nhà báo. Chỉ một ví dụ hình ảnh một hộp phẫu thuật có một khâu kẹp duy nhất mà chú là Bộ phẫu thuật thần kinh bằng vàng ở BV 115 (CATP 2.4.96) thì hoặc là nhà báo thiếu nghiệp vụ, hoặc là cố tình. Dù sao cũng là lái bạn đọc nhìn theo một chiều.

Tuy nhiên, kiểm tra, đối chiếu các nguồn tin khác nhau, đưa tin nghiêm túc, tôn trọng bạn đọc chẳng phải là chuyện bàn ở đây.

N.T.

Nói chuyện với Tiêu Dao Bảo Cự

Đoàn Giao Thủy

LTS. Chúng tôi nhận được bài “ nói chuyện ” sau đây với nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, do Đoàn Giao Thủy thực hiện Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc Diễn Đàn.

DGT. Thưa anh, sau khi xuất bản cuốn *Nửa đời nhìn lại* (viết tắt *NĐNL*) ở nước ngoài, cuộc sống của anh và gia đình về vật chất và tinh thần như thế nào ?

TDBC. Trước khi xuất bản cuốn *NĐNL* ở nước ngoài, từ năm 1989, sau cuộc đấu tranh ở Hội Văn nghệ Lâm Đồng, tôi đã bị cách chức, khai trừ đảng, đưa ra khỏi hội văn nghệ, sau đó bị cắt lương, không bố trí công tác khác, dù trên nguyên tắc tôi vẫn là cán bộ của nhà nước. Do đó, tôi đã tự ý thôi việc, ra khỏi biên chế dù tôi có thể xin về hưu non, vì không muốn dính líu gì đến nhà nước nữa. Để mưu sinh, tôi thử nuôi thỏ, rồi nuôi gà công nghiệp và phụ vợ đan len (tôi chỉ có thể giúp cuộn len và đan thân sau đơn giản của áo len). Sau đó, tôi chuyển sang trồng hoa loa kèn (arum) và chăm sóc mười cây hồng (trái) có sẵn trong vườn. Tôi không có điều kiện và khả năng kinh doanh. Vợ tôi dạy học ở trường phổ thông cơ sở (cấp hai) và dạy thêm ở nhà.

Chúng tôi sống chủ yếu bằng tiền vợ tôi kiếm được. Chúng tôi sống rất đơn giản, có thể nói là kham khổ, vì còn phải giúp đỡ hai con đang học đại học. Có thời gian chúng tôi ăn chay trường, ngoài lý do giữ gìn sức khỏe cho thân và tâm theo phương pháp yoga, còn là một cách tiết kiệm.

Đây là một thử thách lớn và tôi đã cố gắng hoàn tất *NĐNL* trong thời gian này. Tôi thấm thía câu “ nợ áo cơm phải trả đến hình hài ”. May mắn là từ hai năm nay, hai con chúng tôi đã trưởng thành và có thể tự lập. Chúng tôi đỡ lo hơn.

Sau khi xuất bản cuốn *NĐNL* (1994), cuộc sống của chúng tôi vẫn thế. Bù lại, khi không còn lệ thuộc về kinh tế đối với nhà nước, tôi hoàn toàn có tự do về tinh thần. Tôi có thể suy nghĩ và hành động theo ý mình, không cần phải dè dặt tính toán về chuyện lương tiền, công tác, chức vụ đối với nhà nước. Sự dứt khoát khỏi ràng buộc này có thể nói đã đưa đến một tình trạng giải phóng cho cuộc sống cá nhân.

Người khó khăn vật chất, về tinh thần, điều nặng nề là bị cô lập và sự căng thẳng khi thấy mình đứng trong thế đối nghịch với cả bộ máy cầm quyền cai trị khổng lồ với đầy đủ công cụ đàn áp đã khét tiếng. May là tôi vẫn còn người bạn đời chia sẻ, cùng nhau cố gắng vượt qua lúc gian nan (của hoàn cảnh, cuộc sống và cả nội tâm) và mấy người bạn tâm huyết vẫn thường đi lại, gặp nhau bàn thế sự.

Từ ba năm nay, chúng tôi tập thiền theo phương pháp Yoga. Thiền giúp tôi bình yên và mạnh mẽ hơn, tự do hơn, không những trong cuộc sống tâm linh mà cả trong đời thường. Đó là một điều kỳ diệu đối với tôi.

Riêng việc *NĐNL* được xuất bản đã mang lại cho tôi một niềm vui và an ủi lớn, nhất là khi tôi được biết *NĐNL* đã được

đón nhận nhiệt tình và có nhiều người đọc đã đồng cảm với tác giả. *NĐNL* cũng đã mở ra cho tôi con đường giao lưu với bè bạn và những người có tình, có tâm huyết với đất nước ở hải ngoại. Tôi không ngờ con đường hẹp đi vào nội tâm lại là lối mở ra rộng lớn với con người và thế giới.

DGT. Các ngành công an có để cho anh yên sống không ?

TDBC. Tôi biết rõ công an theo dõi, giám sát tôi chặt chẽ mọi việc đi lại, quan hệ, viết lách, kể cả thư từ, điện thoại của tôi và dùng nhiều cách để cô lập tôi với bạn bè và xã hội. Tuy nhiên họ chưa có hành động đàn áp trực tiếp. Mới đây, có một lần công an đến kiểm tra hành chính nhà tôi, mời tôi lên sở công an tỉnh làm việc 2 ngày và phạt tiền vi phạm hành chính với lý do tôi đã tiếp một người nước ngoài tại nhà không xin phép chính quyền, vi phạm một điều nào đó trong một quyết định nào đó của uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành cách đây 12 năm về việc tiếp xúc với người nước ngoài. Người tôi tiếp là một người quốc tịch Đức, là thầy dạy Yoga cho tôi, thuộc một tổ chức Yoga quốc tế.

DGT. Anh Bùi Minh Quốc, người đã cùng anh đi “ vận động dân chủ ” cách đây mấy năm, hiện sống ra sao ?

TDBC. Anh Bùi Minh Quốc sau khi bị xử lý kỷ luật như tôi, đã nhiều lần yêu cầu bố trí công tác nhưng không được, mới năm ngoái đành phải về hưu. Vợ anh Quốc trước làm ở đài truyền hình nay nghỉ hưu về nhà làm thủ công mỹ nghệ (đan búp bê bằng len). Vợ chồng anh Quốc có một đứa con nhỏ 8 tuổi. Có thời gian anh Quốc mở quán giải khát nhưng thất bại. Hiện anh sống bằng lương hưu và giúp vợ đi chào hàng búp bê. Thịnh thoảng anh buôn một chuyến rượu cần từ Đà Lạt về Sài Gòn cho một người quen mở quán nhậu.

Anh Quốc đang dành thời gian chuẩn bị tư liệu cho một cuốn tiểu thuyết dài viết về chiến tranh.

DGT. Năm 1993, 94 người ta “ đánh ” cuốn *Nổi Loạn*, báo *Sông Hương*, *Cửa Việt* bị đình bản, 1995 người ta liên tục “ đánh ” cuốn *Nổi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh. Gần đây trên nhiều báo người ta bắt đầu “ phê phán ” *Phạm Thị Hoài...* Cùng với việc bắt giam *Hà Sĩ Phu*, cách chức *Thế Thanh...*, có phải chưa bao giờ tình hình văn học, báo chí Việt Nam bị bó nghẹt đến thế ?

TDBC. Sau kinh nghiệm cớ trời cho văn nghệ các năm 87, 88, với sự bùng nổ của văn nghệ và báo chí, Đảng và Nhà nước đã tìm cách trời lại. Cách trời ngày càng tinh vi hơn, không phải chỉ trời các tác phẩm mà còn trời tổ chức, trời con người.

Thoạt nhìn, tình hình xuất bản, báo chí có vẻ như tự do, trăm hoa đua nở, với số lượng báo chí, sách xuất bản khá nhiều và đa dạng, các cuộc thi sáng tác văn học và trại sáng tác được tổ chức thường xuyên, một số nhà văn trẻ được đề cao... Tuy nhiên, tất cả đều phải chảy theo một dòng, không ai được lợi ngược. Một số xu hướng, tác phẩm, tác giả nào đó bị cấm và cấm triệt để.

Các ban tư tưởng văn hoá, các ban biên tập báo, nhà xuất bản đều được trang bị “ kính lúp ” rà soát kỹ các trang viết để không cho những gì bị cấm được lọt ra. Những gì lỡ đã bị lọt ra ngoài sẽ được phê phán, quy trách nhiệm đến nơi đến chốn.

Vì những lý do nào đó, một số nhà văn, nhà báo tự ý ngưng viết hay viết theo dòng, tạm gác qua một bên tinh thần tự do

và phản kháng. Một số người tình nguyện làm công an, chỉ điểm trong văn nghệ, báo chí. Một số quay ngược lập trường 180 độ. Một số bị cách chức, không cấp thẻ hành nghề. Khi cần thiết, có người được mời vào tạm nghỉ viết trong trại giam.

Như thế, nói tình hình văn học, báo chí bị bóp nghẹt có lẽ không chính xác. Không bóp nghẹt mà là một kỹ thuật khống chế tinh vi và khá tài tình. Bóp nghẹt sẽ có lúc bùng nổ, nhưng khống chế tinh vi làm xã hội mất tự do mà không biết. Đó mới là một tình trạng hiểm nghèo.

DGT. Tôi tìm đở mắt trong một hiệu sách lớn nhất ở Sài Gòn mà vẫn không tìm ra một cuốn sách văn học có thể đọc được. Phải chăng văn học Việt Nam chưa bao giờ xuống cấp và tồi tệ như hiện nay ?

TDBC. Sách văn học có thể đọc được là sách có giá trị. Giá trị nào ? Cho ai ? Ở Việt Nam hiện nay vẫn có những cuốn sách bán chạy, vẫn có những tác phẩm nổi tiếng, vẫn có những tác phẩm mới thường xuyên được xuất bản, nhưng với tình hình khống chế tôi đã nói trên đây, người khác có thể tìm được những cuốn sách đọc được theo ý họ, nhưng anh không thể tìm ra cuốn sách đọc được theo ý anh, nếu anh muốn đọc về sự thật trong những bi kịch của lịch sử, về tội ác của người cầm quyền, về nỗi đau của con người bị dày dạn và khát vọng tự do dân chủ của nhân dân.

Xin anh hãy cố chờ. Rồi có ngày anh sẽ được đọc.

DGT. Một nhà thơ nói đùa với tôi “ *Người ta ép mãi cũng phải môi tay và phải thả ra mà thôi* ”. Song yếu tố nào để có thể lạc quan cho văn học Việt Nam không, ít nhất trong một tương lai gần ?

TDBC. Tôi không tán thành câu nói đùa đó. Cách “ bóp ” này không bao giờ mỏi cả. Người cầm quyền không bao giờ tự ý từ bỏ quyền lực, nhất là khi quyền lực gắn liền với quyền lợi ngày càng lớn. Có thể tình hình sẽ được nổi lỏng do sức ép của nhiều yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước. Chúng ta vẫn có thể lạc quan cho tương lai vì xu thế dân chủ tuy tiệm tiến nhưng không thể đảo ngược. Trong tương lai gần, tôi cho rằng không có gì thay đổi lớn.

DGT. Nền kinh tế thị trường phát triển ồ ạt, song xã hội công dân bị bóp nghẹt hoàn toàn không có đối trọng trong xã hội Việt Nam hiện nay. Xã hội này sẽ đi về đâu ? Có thể tin rằng người dân Việt Nam sẽ đòi quyền dân chủ dân sinh khi kinh tế khá hơn không ?

TDBC. Xã hội công dân bị bóp nghẹt làm tê liệt ý thức dân chủ, tinh thần phản kháng, khả năng sáng tạo và ý hướng hoạt động xã hội của người dân. Một đảng cầm quyền không có đối trọng càng dễ đi sâu vào con đường độc tài toàn trị, dễ phạm sai lầm. Tuy nhiên chính kinh tế thị trường phát triển sẽ từng bước phá vỡ sự trì trệ này. Người dân, vì lý do kinh tế, lợi nhuận, sẽ tìm mọi cách vượt qua những ràng buộc phi lý của nhà cầm quyền, trước hết trong lĩnh vực kinh tế, sau đó là các lĩnh vực khác. Người cầm quyền sẽ bị kinh tế chi phối mạnh hơn chính trị. Người có tiền sẽ mua được cả người có quyền. Kinh tế thị trường cùng với việc mở cửa ra thế giới bên ngoài với vô vàn thông tin mới mẻ nhất định sẽ nâng cao ý thức dân chủ.

Có thể sẽ không có những phong trào đòi dân sinh dân chủ dẫn đến những cuộc cách mạng như trước đây nhưng sẽ có cuộc “ diễn biến hoà bình ” đưa đến dân chủ, tự do. Diễn biến hoà bình này trước hết là một cuộc vận động tự thân như quy

luật của cuộc sống xã hội hiện nay chứ không phải là âm mưu của bọn đế quốc phản động nào.

DGT. Anh đang tiếp tục suy nghĩ và viết. Những vấn đề gì làm anh bận tâm nhất hiện nay ?

TDBC. Thu xếp cách làm việc để ổn định cuộc sống gia đình. Viết được những tác phẩm văn học có giá trị nhân bản, phổ quát và lâu dài. Nhận thức, nắm bắt được những diễn biến của dòng chảy xã hội để có thể có thái độ rõ rệt trước cuộc sống. Giữ tâm hồn thanh thản và rèn luyện một nghị lực mạnh mẽ để có thể đương đầu với mọi thử thách. Đó là những điều tôi quan tâm và cũng chính là cuộc sống của tôi hiện nay.

DGT. Có người cho rằng “ Việt Nam không có tầng lớp trí thức ” hay “ trí thức Việt Nam rất hèn ”, là một trí thức và người viết văn, anh nghĩ gì về vai trò của trí thức Việt Nam ?

TDBC. Nếu hiểu tầng lớp trí thức bao gồm những người trí thức làm công việc của người trí thức khác với công việc của các tầng lớp khác (như quan niệm phân biệt sĩ, nông, công, thương) thì từ xưa Việt Nam đã có tầng lớp này. Nếu hiểu tầng lớp phải có sự tập hợp, gắn bó chặt chẽ, liên minh hành động để chi phối xã hội thì tầng lớp trí thức Việt Nam chưa hình thành.

Cá nhân trí thức Việt Nam từ xưa đến nay không ít người dung cảm, có khí tiết. Muốn đánh giá trí thức Việt Nam nói chung có hèn hay không phải xem xét cả quá trình lịch sử và bối cảnh xã hội đã từng bước quy định đặc điểm, tính cách và vai trò của người trí thức.

Đáng lý người trí thức phải lãnh đạo, định hướng hay tham gia lãnh đạo, định hướng xã hội bằng trí tuệ của mình, ít ra trên các lãnh vực tư tưởng, tinh thần. Vai trò đó hiện nay rất hạn chế. Tôi đã từng chứng kiến không phải một lần, các nhà trí thức cỡ lớn khẩn cầu những kẻ không đáng làm học trò mình lãnh đạo và lắng nghe những kẻ đó giáo huấn.

Sức mạnh của trí thức là sức mạnh của khoa học, tri thức, chân lý. Muốn phát huy sức mạnh đó phải có nhân cách và lòng dũng cảm, vượt qua nỗi sợ trước bạo quyền. Khi cần phải có tổ chức của trí thức và liên minh trí thức với các tầng lớp khác.

DGT. Anh nhắn gửi điều gì với bạn bè ở năm châu, những người đã qua “ nửa đời ” và chia sẻ với anh khi “ nhìn lại ”. ?

TDBC. Nếu được phép, tôi xin chia sẻ một suy niệm cá nhân : sống trung thực và thường xuyên tự phản tỉnh. Thiện ý, cởi mở và không định kiến đối với người khác, kể cả với những người đã có lúc coi là đối nghịch. Góp phần nhỏ bé làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, khi cần phải dấn thân vào một cuộc đấu tranh nhưng không hận thù và vẫn giữ cho tâm hồn thanh thản. Các chế độ chính trị rồi sẽ qua đi nhưng con người vẫn tồn tại lâu dài. Dích đến thực của con người là Hư Không sau khi vượt qua những tìm kiếm Chân, Thiện, Mỹ và Hạnh Phúc trên những chặng đường khổ ải. Xin cảm ơn anh đã cho phép tôi được bộc bạch đôi điều.

Một tiếng vọng lẻ loi từ một khu vườn yên tĩnh của thành phố Đà Lạt sương mù bé nhỏ có ích gì không trong thế giới sôi động của những con người đang hận thù, giết chóc, mua bán, cạnh tranh và vội vã hưởng thụ này ?

(Đà Lạt tháng 8.96)

Vấn đề người nhập cư ở Pháp

CHẾT cho BA TỜ GIẤY CƯ TRÚ ?

Nguyễn Quang

Hàng năm tại Pháp, sau đợt nghỉ hè, học sinh tựu trường vào đầu tháng 9, còn phong trào đấu tranh xã hội phải sang tháng 10 mới có thể khởi động : mùa hè và đầu năm học, mọi người lo nghỉ ngơi, tắm nắng, rồi sắm sửa cho con cái vào học, chính phủ lợi dụng dịp này để tăng giá những dịch vụ công cộng, tăng thuế... mà không sợ dư luận phản đối hay công đoàn kêu gọi đình công... Thế mà năm nay, cuộc “ tựu trường ” xã hội đã bắt đầu sớm hơn thường lệ : do cách xử lý thô bạo, vụng về vấn đề những người “ nhập cư chui ” ở nhà thờ Saint-Bernard, chính phủ Juppé đã làm được một kỳ công là giữa mùa nghỉ hè mà động viên được cả media lẫn phe đối lập, công đoàn và những người đấu tranh cho nhân quyền, và ngay giữa tháng 8, mà vận động được gần một vạn người xuống đường biểu tình ủng hộ những người “ không giấy phép cư trú ”.

Bất hợp lệ mà không phi pháp

Cuộc tuyệt thực của 10 người ở nhà thờ Saint-Bernard bước sang ngày thứ 50, nhưng vụ việc này thực ra đã bắt đầu được 5 tháng rồi : từ tháng 3, 500 người Phi châu không có thể cư trú (đa số là dân Mali) đã chiếm ngụ nhà thờ Saint-Ambroise. Sau khi bị cảnh sát trục xuất, từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 6, họ đã phiêu bạt hết phòng thể dục đến nhà kho, từ trụ sở giáo xứ sang trụ sở công đoàn, cuối cùng là nhà thờ Saint-Bernard. Mười người trong họ (9 người Mali và 1 người Mauritanie) bắt đầu cuộc tuyệt thực và tuyên bố sẽ đi tới cùng nếu họ không được hợp thức hoá giấy tờ. Hợp thức hoá là từ ngữ then chốt. Mặc dù ngay từ đầu chính quyền làm như họ là những người nhập cư “ chui ”, 300 người châu Phi ở Saint-Bernard không chấp nhận điều đó : 200 người trong họ có gia đình ở đây, chồng hay vợ có giấy tờ cư trú hợp lệ, nhưng họ không được phép đoàn tụ gia đình, hoặc đó là những cặp vợ chồng không có thể cư trú nhưng con cái của họ sinh đẻ tại Pháp, có quốc tịch Pháp hoặc không có quốc tịch Pháp (tùy theo chúng sinh trước hay sau ngày 1 tháng 1 năm 1994, là ngày Bộ luật quốc tịch mới bắt đầu có hiệu lực). Có giấy tờ hay không, phần đông họ đều có công ăn việc làm, nhiều người có giấy lương hàng tháng và có đóng bảo hiểm xã hội và đóng thuế đảng hoàng. Cho

nên họ không chấp nhận bị chụp mũ là những người nhập cư bất hợp pháp, những người nhập cư chui. Họ tự coi là ở trong tình trạng không giấy tờ, nghĩa là họ bị chính quyền từ chối không cấp thẻ cư trú, hoặc không chịu gia hạn thẻ cư trú, hậu quả của sự siết chặt luật lệ nhập cư (luật Pasqua năm 1993). Do đó, họ đòi được hợp thức hoá, đòi được cấp giấy tờ, không phải để làm người Pháp, nhưng để có quyền sống và làm việc tại Pháp. Một ban trung gian hoà giải đã được thành lập hồi tháng tư, gồm 25 nhân vật có uy tín, với nhiệm vụ nghiên cứu tình trạng của 300 người này và đề ra những tiêu chuẩn hợp thức hoá. Nhưng đến ngày 26.6, không thêm tham khảo ý kiến của ai, ông bộ trưởng bộ nội vụ đặt mọi người trước việc đã rồi bằng cách tuyên bố sẽ chỉ hợp thức hoá cho 48 người mà thôi. Chính lời tuyên bố này đã châm ngòi nổ cho phong trào Saint-Bernard. Chẳng những thế, ông Jean-Louis Debré còn nói tới “ *bọn hò hét* ”, còn ông đồng sự phụ trách vấn đề hội nhập thì nói tới “ *chantage* ” và giả bộ lo lắng : “ *Nếu những ai không muốn đóng thuế cũng kéo nhau tuyệt thực thì tình hình sẽ đi tới đâu ?* ”. Hỏi tức là trả lời : chẳng ai tuyệt thực vì đồng thuế cả, không bỏ. Nhưng cam chịu chết để có giấy tờ cư trú... Ở một nước bình thường, hành động này có thể được hiểu như một sự ngạo ca chế độ. Huống chi nước Pháp lại tự hào là tổ quốc của Bản tuyên ngôn nhân quyền !

Trở lại đạo luật Pasqua

Trong suốt quá trình cuộc khủng hoảng, các bộ trưởng khăng khăng từ chối mọi giải pháp thoả hiệp, và viện dẫn một luận điểm duy nhất : tuân thủ pháp luật. Liên quan tới quy chế nhập cư, nói pháp luật tức là nói tới các đạo luật Pasqua (1993) và bộ luật mới về quốc tịch năm 1994 (xem *Diễn Đàn* số 21, tháng 7.1993). Các luật này đều do phái hữu bỏ phiếu thông qua, song cũng không thể quên trách nhiệm của phái tả là người đã tạo ra bối cảnh dẫn tới các đạo luật nói trên. Mọi người còn nhớ : năm 1981-83, chính phủ phái tả đã hợp thức hoá giấy tờ cho những người cư trú chui, nhưng sau đó đã dần dần từ bỏ cao vọng nhân quyền phổ quát, siết chặt các thể thức đoàn tụ gia đình (1984), rồi tới câu nói trứ danh của ông Rocard : “ *Nước Pháp không thể gánh chịu mọi sự cùng khổ của thế gian* ”, đến các “ *vùng quá cảnh* ” (zone de transit) của ông Marchand, cuối cùng là những chuyến máy bay *charters* của bà Cresson để trục xuất về nguyên quán. Song cũng phải nói : trong khi phái tả chủ yếu chỉ đánh vào sự nhập cư *bất hợp pháp* thì luật Pasqua lại tìm đủ mọi cách để hạn chế sự nhập cư *hợp pháp* : hạn chế sự đoàn tụ gia đình của sinh viên và người tị nạn, ngăn cản các cuộc hôn nhân hỗn tịch..., chĩa mũi dùi dư luận vào các

cộng đồng nhập cư, biến họ thành những “ *phần tử khả nghi* ”, tạo ra một loại “ *phó công dân* ” : những trẻ em người nước ngoài sinh đẻ tại Pháp. Đó là những biện pháp vi phạm quyền tự do công cộng. Muốn thấy rõ điều ấy, chỉ cần tới những ghisê dành cho người nước ngoài ở các ty cảnh sát, biểu hiện thường ngày của sự xúc phạm nhân phẩm và sự độc đoán hành chính... Một sự độc đoán được nhân lên bởi tính chất tiền hậu bất nhất của những đạo luật được soạn thảo vội vã nhằm mục đích tranh cử, dẫn tới những tình huống vô nhân đạo, không xứng đáng với một chế độ dân chủ : trẻ em vào Pháp theo bố mẹ không có giấy tờ đoàn tụ gia đình hợp lệ, đến tuổi trưởng thành không được cấp thẻ cư trú, buộc trở thành người nhập cư chui ; những bà mẹ bị bắt buộc phải chọn lựa giữa hai con đường : mang con ra khỏi nước Pháp, hoặc phải trao con cho xã hội quản lý ; những thanh niên cả gia đình sống tại Pháp bỗng nhiên, chỉ vì nhiều năm trước đó có hành động phạm pháp, bị trục xuất về nguyên quán của cha mẹ, một đất nước mà họ chưa từng biết thủy thổ, thậm chí cả tiếng nói ; một số người cư trú không hợp lệ, nhẹ dạ tin lời hứa được hợp thức hoá, tới trình diện ở ghisê cảnh sát, và bị trục xuất “ *khẩn cấp* ” ; những người khác, vì muốn tránh lâm vào tình trạng đó, phải sống lẩn khuất, ốm đau cũng không dám đến khám bệnh ở những trạm xá miễn phí của các hội nhân đạo... Có thể kể tiếp dài dài nhiều thí dụ khác.

Không bàn chuyện nhân đạo, thử hỏi luật Pasqua có mang lại hiệu quả gì ? Một điều chắc chắn : luật Pasqua rất có hiệu quả trong việc hạn chế luồng nhập cư hợp pháp. Trong vòng một năm (từ 1993 sang 1994), số gia đình được phép đoàn tụ đã giảm hẳn đi 36 %. Trong lãnh vực tiếp nhận người xin tị nạn, Pháp trở thành nước đội sổ ở châu Âu... Ngược lại, để ngăn chặn luồng nhập cư phi pháp, luật Pasqua tỏ ra vô hiệu. Hầu như tháng nào, bộ nội vụ cũng thuê máy bay để trục xuất : năm 94 dẫn độ được 940 ngoại nhân cư trú không hợp lệ, năm 95 : 945 người. Trong khi đó, 4 khu vực kinh tế là xây dựng, khách sạn – nhà hàng, trồng rau quả và nghề may vẫn tiếp tục cần nhân công rẻ mạt, nên dân số nhập cư chui vẫn có lý do tồn tại, ước tính từ 150 000 đến 200 000 người. Trong số đó, chỉ có khoảng 30 000 người là ban trung gian hoà giải ở Saint-Bernard đề nghị hợp thức hoá giấy tờ cư trú, căn cứ vào 10 tiêu chuẩn cụ thể : cha mẹ có con quốc tịch Pháp (nghĩa là trẻ em sinh tại Pháp trước năm 1994) ; vợ hay chồng (có hôn thú hay không) của một người Pháp ; vợ hay chồng và con cái của một ngoại nhân có thể cư trú hợp lệ ; người nước ngoài có con sinh tại Pháp ; những người đã bị từ chối quyền tị nạn trước ngày 1 tháng 1 năm 93 vân vân...

Ông bộ trưởng nội vụ luôn luôn nói tới việc “ *bảo vệ pháp luật cộng hoà* ”. Nhưng từ thời Antigone, người ta đã biết rõ pháp luật có thể hợp pháp mà bất chính. Nếu các đạo luật Pasqua có những điểm không tốt — đây chỉ nói tới sự áp dụng, không cần bàn đến nguyên tắc, đạo lý — tưởng cũng nên tu chỉnh. Có người thuộc phe hữu còn muốn sửa đổi luật Pasqua theo chiều hướng siết chặt hơn nữa : tiểu ban quốc hội do ông J.-P. Philibert (và cả một nhóm công tác bên cạnh ông Balladur) đã đề nghị một loạt biện pháp kiểm soát sặc mùi tiểu thuyết **1984** của Orwell : lập danh sách những người cho người ngoại quốc cư trú, lập phích dấu tay của tất cả những người ngoại quốc xin chiếu khán nhập cảnh vào Pháp từ những nước có “ *nguy cơ di cư* ”, dẫn độ ra biên giới tất cả những vị thành niên mà cha mẹ hoặc người bảo lãnh cư trú không hợp lệ, tu chỉnh Bộ luật Quốc tịch theo chiều hướng khắt khe hơn nữa... Khi đề nghị này được đưa ra, đảng F.N. của Le Pen đã vỗ tay, coi đó là một “ *thắng lợi tư tưởng* ” của họ.

Như một nhân vật trong ban trung gian hoà giải đã phát biểu : cách duy nhất để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này, tránh để xảy ra thảm kịch, là một giải pháp “ *đậm tình nhân đạo và thuận pháp luật* ”. Dường như chính phủ đã chọn về thứ nhì mà quên về thứ nhất. Thủ tướng Juppé bỏ nghỉ hè trở về Paris để chỉ đạo một kế hoạch 3 bước. Bước 1 : chính phủ xin ý kiến của Hội đồng Nhà nước về việc áp dụng các đạo luật Pasqua. Đây là một thủ thuật chính khách mà nói theo ngôn ngữ rugby, là *đá bóng ra ngoài biên*, bởi vì đã gọi là chính phủ thì phải biết áp dụng pháp luật. Bước 2 : một khi Hội đồng Nhà nước phát biểu về luật pháp (và HĐNN không thể phát biểu gì hơn), chính phủ bèn nói với dư luận “ *bà con làm chứng cho tôi nhé, những người không có giấy tờ như vậy là ở trong tình trạng... bất hợp lệ, nên phải trục xuất* ”. Bước 3 : trục xuất họ, trước tiên là ra khỏi nhà thờ Saint-Bernard, sau đó có lẽ ra khỏi lãnh thổ Pháp, đồng thời thanh minh thanh nga là sẽ có sự chọn lọc, với tất cả “ *tình người* ”.

Cố nhiên, bao nhiêu sách lược tinh vi cũng không làm thay đổi thực chất vấn đề. Phản ứng của phe đối lập, của các công đoàn, hội đoàn và một phần quan trọng dư luận (theo kết quả một cuộc thăm dò) cho thấy không thể nào tránh khỏi việc xem xét lại các đạo luật Pasqua. Nhất là nếu xảy ra thêm những vụ Saint-Bernard khác nữa.

Nguyễn Quang

Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn và một luận án toán học Việt Nam tại trường Bách Khoa Paris

Đêm biểu diễn hôm thứ năm 11.7.1996 ấy của nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn đứng về mặt nghệ thuật kết quả ra sao, người viết bài này không đủ sức nói lên gì khác ngoài một sự thần phục rất xa cách với âm nhạc. Nhưng vài đặc điểm khác của đêm ấy hẳn cũng đáng được ghi nhớ. Phòng biểu diễn là một đại sảnh đường của một trường kỹ sư nổi tiếng, trường Bách Khoa Paris. Và đầy phòng (750 chỗ ngồi), có lẽ đến hơn 80 % thính giả - khách mời là người Việt Nam...

Trước đó ngót một tháng, ngày 13.6.1996, một cuộc bảo vệ luận án tiến sĩ khác thường cũng đã diễn ra tại trường : Thầy và trò đều đến từ Việt Nam, chỉ mấy ngày trước. Người bảo vệ luận án, tiến sĩ Đặng Đình Trọng, giảng viên đại học quốc gia Thành phố HCM, đã hoàn thành công trình nghiên cứu của mình tại chỗ, dưới sự hướng dẫn của giáo sư Đặng Đình Áng (trùng họ, nhưng không phải có họ với anh Trọng). Song, nói như thế chỉ đúng một nửa, và không cất nghĩa tại sao luận án lại được mang tới Paris để bảo vệ. Nửa còn lại mới nói lên tính độc đáo - và ý nghĩa mở đường - của sự kiện : Trong ba năm qua, anh Trọng đã tiến hành nghiên cứu dưới sự đồng hướng dẫn của hai giáo sư, một ở Việt Nam (giáo sư Đặng Đình Áng), một ở Pháp (giáo sư trường Bách Khoa Paris Alain Damlamian, một người đã có nhiều quan hệ với các đồng nghiệp toán học Việt Nam, đặc biệt là với giáo sư Đặng Đình Áng). Với một học bổng tư nhân, đến từ Pháp.

Trước hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của nền giáo dục Việt Nam, những sinh viên ưu tú khi đã tốt nghiệp nếu không đi được nước ngoài hầu hết không có phương tiện đeo đuổi sự nghiệp khoa học. Thế mà, một con tính nhỏ, so sánh một học bổng tương đối đủ cho người nghiên cứu sinh bất nhiều lo toan về đời sống vật chất ở trong nước (khoảng 300F/tháng), với một học bổng cho người đó nếu ở một nước như Pháp (gấp ít ra 15, 20 lần), cho thấy lợi ích kinh tế hiển nhiên của việc đào tạo tại chỗ. Sáng kiến của Hội Văn hoá Giáo dục Cam Tuyền (dưới đây sẽ gọi tắt là hội Cam Tuyền) là *suất học bổng tại chỗ đó, cộng với sự bảo đảm một nguồn thông tin khoa học từ một nước tiên tiến*. Hội vừa cấp học bổng, vừa giới thiệu một khoa học gia tại Pháp nhận hợp tác với giáo sư trong nước theo dõi, giúp đỡ người sinh viên điều kiện để tiến hành công trình nghiên cứu của mình. Và khi có kết quả - ngang tầm những công trình trên trường quốc tế, được công bố trên những tạp chí quốc tế -, hội và khoa học gia nước ngoài sẽ (kiếm nguồn) tài trợ để nghiên cứu sinh và giáo sư của mình trong nước ra bảo vệ công trình ở Pháp. Cũng cần nhấn mạnh là luận án tiến sĩ này được cả hai nước thừa nhận. Trường hợp của anh Trọng

là như thế. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Pháp (CNRS), trường Polytechnique, đại sứ quán Pháp tại Việt Nam... đã tặng vé máy bay cho anh và giáo sư Đặng Đình Áng sang bảo vệ luận án tại Paris, kèm thêm cho riêng anh một số tiền để, trong một tháng, đi nhiều đại học khác tại Pháp, vừa trình bày kết quả nghiên cứu, vừa là dịp tiếp xúc và tạo mối liên hệ với các đồng nghiệp tại các đại học đó. Sau anh Trọng, hội Cam Tuyền cho biết hiện còn 3 nghiên cứu sinh toán học khác, một cũng tại thành phố HCM, một ở Đà Lạt và một ở Vinh, đang hưởng học bổng tương tự. Một trong ba người đó sẽ sang bảo vệ luận án của mình tại đại học Paris - Villetaneuse năm tới. Hội cũng đang tìm kiếm khả năng mở rộng hoạt động của mình sang những ngành khoa học khác, tuy khó khăn hơn ngành toán vì việc nghiên cứu đòi hỏi nhiều điều kiện vật chất, máy móc tốn kém hơn.

Chắc nhiều người biết Đặng Thái Sơn là cháu gọi giáo sư Đặng Đình Áng là chú ruột, song đó không phải là mối liên hệ chưa được nói tới giữa đêm biểu diễn của anh và buổi trình luận án của Đặng Đình Trọng. Mối liên hệ đó thực ra là Hội Cam Tuyền, người cấp học bổng cho anh Trọng và cũng là người tổ chức đêm biểu diễn của Sơn. Buổi dạ hội cũng đã là dịp để tưởng niệm giáo sư Hoàng Xuân Hãn, cựu sinh viên trường Bách Khoa, người chủ tịch đầu tiên của hội, mới quá cố vài tháng trước. Nhưng chính ra, từ lâu hội Cam Tuyền đã muốn đánh dấu thành công đầu tiên của việc cấp học bổng nghiên cứu tại chỗ cho sinh viên trong nước bằng một *coup d'éclat* để quảng cáo cho hoạt động hữu ích này, và những chuẩn bị cho đêm dạ hội đã bắt đầu trước khi giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua đời.

Phát biểu trước khi Đặng Thái Sơn bắt đầu biểu diễn, tướng Henri Marescaux, hiệu trưởng trường Bách Khoa (trường thuộc quyền quản lý của bộ quốc phòng Pháp, tuy các kỹ sư ra trường chỉ một phần nhỏ sẽ làm cho quân đội), đã nói lên niềm hãnh diện của trường đã góp phần vào thành công của một hành động hợp tác mẫu mực trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học, và tỏ ý tin tưởng rằng nó sẽ được tiếp tục trong tương lai.

Hẳn đó là một niềm tin được chia sẻ.

(1) Tên hội bằng tiếng Pháp : Association d'Aubonne, Culture & Education France Viet Nam. Liên lạc : 38 rue de Lozère, 91400 Orsay. Hội có một nhà nghỉ cho thuê (Dã thự Cam Tuyền) ở bờ biển Normandie, xin hỏi ở địa chỉ trên

André-Georges HAUDRICOURT

(1911-1996)

Ngày 20 tháng 8.1996, nhà bác học André-Georges HAUDRICOURT đã từ trần, thọ 85 tuổi. Lễ hoả táng đã được cử hành tại nghĩa trang Père Lachaise (Paris) ngày 23.8. Tuy ít được công chúng biết, A.-G. Haudricourt được giới khoa học xã hội coi như bậc thầy, vì những phát hiện của ông trong nhiều lãnh vực khác nhau, vì ông là một trong những học giả hiếm hoi của thế kỷ XX liên hợp được cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội. Nói như nhà ngữ học Claude Hagège, học trò và bạn ông : « E rằng còn lâu nữa mới tìm ra thêm được một con người có khả năng bao sân liền một mạch từng ấy mảnh đất của tri thức như ông già xộc xệch thiên tài ấy ».

Những ai có dịp gặp ông, dù như tôi chỉ đôi lần thôi, đều giữ lại về ông một số ấn tượng sâu sắc. Trước hết, phải nói ông có một phong cách sống tự nhiên rất khác người (chứ không phải lập dị đâu) : ăn bận thì quá giản dị, đến độ lôi thôi xộc xệch ; trong các buổi họp hay hội thảo, lúc nào ông cũng ngồi im lìm ở một góc cuối phòng, mắt nhắm, đầu ngoẹo như đang ngủ say — thế nhưng nếu người thuyết trình nói điều gì mà ông gọi là “ngốc” (*idiot*) thì ông phản ứng ngay qua một vài câu rất ngắn, cộc với lối phát âm hơi cà lăm của ông (mấy năm sau này, đôi khi ông ngủ thật sự). Còn phong cách khoa học của ông thì lại càng độc đáo : dù được nhiều nhà dân tộc học và ngữ học, Pháp cũng như quốc tế, xem như bậc thầy, đã đi tiên phong và có nhiều phát hiện mới mẻ trong nhiều lãnh vực như kỹ thuật học (*technologie*), dân tộc – thực vật học (*ethno-botanique*), âm vị học (*phono-logie*)... ông không những không nói giỏi, mà cũng không viết hay, như Claude Lévi-Strauss chẳng hạn. Hầu hết các quyển sách của ông đều được ký tên chung với người khác : ông đóng góp nội dung (phương pháp, ý kiến, tư liệu...) còn người cộng tác thì lãnh phần chấp bút (*). Và trên hơn 100 bài báo của ông cũng thế : những bài do chính ông viết thường chỉ một, vài trang, nhưng đều chứa đựng một vài khám phá thú vị. Nếu nói theo ngôn ngữ thiên, thì ta có cảm tưởng ông *chứng ngộ* chúng chứ không thông qua lý luận dài dòng, khúc chiết. Sở dĩ ông thích viết chung như thế vì chính ông luôn luôn tự thấy “*yếu kém về từ chương*” (*philistin*) như ông đã viết trong quyển *Les pieds sur terre* (tr.8).

Tất cả những điều nói trên là chủ đề của nhiều giai thoại về ông, đã làm nhiều người, ngoài sự khâm phục, còn cảm mến ông : con người giản dị, nhân hậu và trung thực.

Như ông đã viết : “*Lẽ sống chính của tôi là tìm hiểu, không chỉ vũ trụ, mà cả những người khác và chính mình*” (sđd, tr 8).

Sau khi tốt nghiệp Viện nông học Paris (1931) với vị thứ áp chót, do lối học hành lạ đời của ông, ông bắt đầu theo học Marcel Mauss, vị thầy lớn của nền dân tộc học vào nửa đầu thế kỷ XX. Sự gặp gỡ này đã ảnh hưởng quyết định đến sự nghiệp khoa học của ông. Khi đọc những bức thư ông gửi M. Mauss, ta thấy ngay phong cách của ông đã định hình khá rõ nét từ khi ông mới ngoài 20 tuổi : kỳ cục (*bizarre*) và ương gàn (*loufoque*) với những suy

nghĩ độc đáo về sự phát triển của khoa học Tây Âu vào cuối thế kỷ XIX về nguồn gốc cây trồng, về các cách đóng ách vật kéo (*attelage*), hoặc về tôn giáo thực chứng (*religion positiviste*) mà theo ông, Marx đã lập ra và Lenin là đóng vai thánh Phaolô (Paul) — không nên quên là cho đến ngày qua đời ông vẫn là đảng viên Đảng cộng sản Pháp.

Vì ông trao trọn mọi cảm tình của ông cho “*phần kia của nhân loại*” (tr. 32), tức là cho tất cả những người bị áp bức, ông đã bền bỉ ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của người Việt Nam.

Năm 1948, vì những nhà ngữ học có quyền lực trong Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (CNRS) chỉ cho phép ông tiếp tục nghiên cứu với điều kiện ông không được đưng tới châu Âu, Haudricourt đã chấp nhận sang Hà Nội làm việc trong khuôn khổ Trường Viễn Đông Bác Cổ dù ông “*phấn nộ trước sự kiện người Pháp tái chiếm Đông Dương sau khi nước Pháp đã bị Đức chiếm đóng bốn năm*” (sđd, tr.77).

Chính trong thời gian hơn một năm ở Việt Nam, ông đã tập trung nghiên cứu tiếng Việt. Những phát hiện quan trọng của ông đã được công bố sau đó trong những bài báo nổi tiếng như :

– *La place du vietnamien dans les langues auto-asiatiques* [Vị trí tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á] (Bulletin de la Société de Linguistique de Paris, t. 49, fasc. 1, pp.122-128, 1953).

– *De l'origine des tons en vietnamien* [Về nguồn gốc các dấu thanh trong tiếng Việt] (Journal Asiatique, t. 242, pp. 69-82, 1954)...

Năm 1973, ông được Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam mời sang nghiên cứu cùng nhà dân tộc học Georges Condominas, người bạn trẻ mà ông đã quen ở Việt Nam 15 năm trước đó.

Ngày lễ tang (23.8) trong khi ngồi đợi ở căn phòng của nhà hoả táng Nghĩa trang Père Lachaise, giáo sư Condominas đã nhắc lại một số kỷ niệm về Haudricourt. Khác với thông lệ, ông nói một cách thanh thản, và đôi khi tươi cười. Và cũng khác với thông lệ, mọi người ngồi hoặc đứng nghe với sự thanh thản. Đôi khi còn nghe có tiếng cười. Và trong quyển sổ lưu niệm, dường như không ai viết thêm gì ngoài họ tên và địa chỉ. Có lẽ vì nghĩ là thừa : người quá cố đã hoàn thành, quá xuất sắc, ước muốn của mình là làm một nghề không thể chối cãi được là có ích cho xã hội. Tôi thấy vĩnh biệt ông như thế là đẹp.

Nguyễn Trọng Nghĩa

(*) Thư mục A.-G. Haudricourt (sách) :

1. (với Louis Hedin), *L'Homme et les plantes cultivées*, A.M. Métailié, Paris 1987.
2. (với Mariel Jean-Brunhes Delamare), *L'Homme et la charrue à travers le monde*, La Manufacture, Paris 1986.
3. (với Claude Hagège), *La Phonologie panchronique*, PUF, Paris, 1978.
4. *Problèmes de phonologie diachronique*, SELAF, Paris 1972.
5. (với Alphonse Juilliard), *Essai pour une histoire structurale de phonétisme français*, Mouton, Paris, 1978.
6. (với Pascal Dibie), *Les Pieds sur terre*, A.M. Métailié, Paris 1987.

Tiếng kêu làm người

Đọc Phan Huy Đường

Vẫy gọi nhau làm người

Nhà xuất bản Hồng Lĩnh, Hoa Kỳ, 1966, 421 tr, 19đôla.

Xưa có lời dặn dò phải sợ người của một quyển sách. Trong tôi có cái gì sợ Phan Huy Đường. Đường nhiên hẳn chẳng phải là người của một quyển sách. Nhưng lại là người của một... một gì nhỉ ?

Vẫy gọi nhau làm người có một đặc điểm hiếm : bốn trăm hai mươi mốt trang sách là một tiếng kêu dài. Xé lòng.

Một từ – từ **nhân phẩm** – nếu không viết thành chữ thì là hồn của nó thấp thoáng ẩn hiện trong mỗi trang sách. Còn hơn một ám ảnh.

Một nhức nhối. Của một vết thương không chịu khép miệng. Vết thương những gì đã mất trong cuộc chiến hôm qua : một quê hương và một mối tình. Nghĩa là chính ta, chính hẳn.

Hẳn có giải thích đâu đây vì sao và trong nghĩa nào người Việt đã mất đi quê hương, mất đi mối tình : “ *Vì thời đại đó (hay vì chính chúng ta ?) chỉ cho phép chúng ta, từng người một, có một mối tình riêng. Nó không cho phép chúng ta, tất cả, có một quê hương, một mối tình, chung. Nó buộc chúng ta làm Ngụy, làm Việt cộng. Nó không cho phép chúng ta làm người, vì chúng ta chỉ là người Việt.* ” (tr. 253)

Câu hỏi (hay vì chính chúng ta ?) mà hẳn cố tình cho nằm trong dấu ngoặc mới nhức nhối làm sao. Hỏi tức là trả lời. Lý do “ vì thời đại ” để đó cho có lệ. Chứ vết thương rách toạc để tuôn chảy mất nhân cách làm người đương nhiên là vì chúng ta, vì chính hẳn. Và từ đó mất đi nhân phẩm, cho ta, cho hẳn.

Hẳn vác cái mất mát ấy, cái quá khứ ấy mà đập cửa tương lai. Nhức nhối, trần trọc, thiết tha, khắc khoải, tú tung... Vào khắp cửa, nghệ thuật, chính trị, ngôn ngữ, văn học, những cây bút... Nhưng chỉ với một thước đo, một ống kính, một tiêu chuẩn : nhân phẩm. Cứ như rằng là phải thế mới cướp lại tương lai, tạo lại nhân cách, cho hẳn, cho ta.

Tôi sợ hẳn vì thế. Bực hẳn cũng vì thế.

Ngạc nhiên thú vị cũng vì thế. Người Việt thì nhan nhản chính trị gia, thiếu chi kẻ viết chính trị. Nhưng triết lý chính trị như hẳn, hiếm.

Bạn cứ đọc những trang **Niềm tin khủng khiếp** mà xem. Đã mấy ai phân tích đến gốc đến rễ được như hẳn lý do đã đưa đẩy những người yêu tự do, giàu lòng nhân ái, dũng cảm, lao mình vào cuộc chiến đấu hầu như vô vọng cách đây năm sáu chục năm, những người có đủ trí tuệ để tiếp thu những hiểu biết cần thiết về thời đại để chiến đấu và chiến thắng, dấn đầu vào con đường của ảo vọng uốn nắn tình cảm, lý trí con người, coi dân tộc như lũ trẻ ngây ngô cần được che chở, bảo vệ, cần phải trường kỳ giáo dục, cải tạo ?

Đã mấy ai như hẳn gạt qua những suy luận hời hợt sáo mòn đi tìm ý nghĩa khái niệm tự do ?

Đã mở xé quan hệ giữa văn hoá và chính trị được như

bài **Chính trị, kích thước cơ bản của con người** ?

Mấy khi được đọc về cội nguồn mối quan hệ nhà văn–tác phẩm–độc giả, về chỗ bí hiểm khiến cho nghệ thuật là nghệ thuật, đậm đặc như trong những trang **Vẫy gọi nhau làm người** ? Mấy ai như hẳn tìm tòi đến điểm sâu kín khiến cho cái **Đẹp** xúc cảm lòng người bất chấp không gian, thời gian, văn hoá khác biệt nhau ?

Có ai nói rằng, hẳn ngông cuồng xông vào những câu hỏi muôn đời hóc búa ấy mà không gục ngã ấy là vì hẳn vào ra các thuyết sartriêng, marxiêng, Hannah Arendtiêng, nhuần nhuyễn, chẳng mấy ai trong người Việt kiêu tri được như hẳn, thì tôi cũng xin cúi đầu chấp thuận. Nhưng theo riêng ý tôi, cái gì đã cứu rỗi hẳn, chẳng phải ở nơi hẳn rộng bề căn bản triết học. Mà vì hẳn chẳng giống một ai. Đầu Ngô mình Sở. Đúng hơn là thân Việt, đầu Tây. Suy luận triết Tây mà hồn là hồn Việt : “ *... ta thừa biết, người ta chỉ có thể cố ý quên những gì người ta nhớ mãi. Người Việt còn vương vấn với Việt Nam không bao giờ quên được những gì đã khiến Việt Nam thành Việt Nam hôm nay, khiến mình làm mình hôm nay, không bao giờ quên được chính mình.* ” Tuy nhiên, nếu có quên được hẳn cũng chẳng khúng quên đâu : “ *Hơn thế, những sai lầm ta nữ quên cũng là những sai lầm ta và con em ta sẽ mắc lại* ” (tr. 251).

Cái nhức nhối đeo đuổi hẳn có lẽ cũng do cái duyên nợ của hẳn với ngôn ngữ. Hẳn cảm đến gốc rễ, đến bản chất ngôn ngữ : “ *Có những vết thương không dày xéo da thịt, mà thấm vào hồn, đọng trong ngôn ngữ, do đó không thể nhờ thời gian hàn gắn. Vì ngôn ngữ là hình thái tồn tại vượt thời gian của con người,(...), thời gian không là liều thuốc trị bệnh ngôn ngữ.* ” (tr. 251).

Từ đây một bước là đi tới phê bình văn học.

Hẳn chẳng ngần ngại gạt qua bên cung cách phê bình thường tình. Không chấp nhận cái “ *... nghệ thuật phê bình thường thu gọn vào kiến thức và hình thức : câu này, ý này, từ điển tích nào ra... dùng chữ, đặt câu tinh xảo, mới lạ như thế nào...* ” (tr. 216). Ngang nhiên vác cái ống kính “ nhân phẩm ” vạn năng của hẳn ra soi. Thế mà lạ thay, lại bật ra những góc cạnh ngằm khiến chúng ta ưa thích văn Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Đỗ Kh, Cung tích Biền, Trần Vũ v.v...

Đã hết đâu, còn mặt phản diện. Cái kính ấy, hẳn đem phân tích xem quan điểm máy móc về lịch sử của Nguyễn Khải đã ảnh hưởng nhân vật trong **Gặp gỡ cuối năm** ra sao. Chịu thầy, đúng thì có phần đúng. Nhưng mà ai nghe lọt tai nổi cái giọng ayatollah hạ lời phán quyết dứt điểm : “ *... Nguyễn Khải chưa thể sáng tác được một tác phẩm nghệ thuật* ”. Tuy nhiên đó chỉ là một trong những lý do làm tôi bực bội.

Cái khó chịu chính khi đọc hẳn là day dứt những câu hỏi “ *Sống phải làm gì ?* ”. Mà vậy tức là đương nhiên đưa sách của hẳn vào hàng tác phẩm nghệ thuật mất rồi. Lại còn y chang cái ý nghĩa, cái tiêu chuẩn của chính hẳn đưa ra. Có đáng bực không chú ? Thế là phải đọc đi đọc lại. Rồi lại bực tức thích thú.

Bực hẳn thì bực thật. Nhưng tôi cũng xin thấp nển hương van vái cho bao nhiêu gan ruột mà hẳn đã trải ra trên suốt bốn trăm trang giấy ấy vượt địu cho hẳn bớt được phần nào cái nhức nhối khó người.

Nguyễn Thắng (8.96)

VIETNAM 1945 : The Quest for Power

University of California Press, Berkeley & Los Angeles & London, 1995, xxviii+602 p.

Lịch sử, như Fernand Braudel thường nói, phải lấy thế kỉ làm đơn vị thời gian, lấy vùng lục địa hay vùng hải dương làm đơn vị không gian. Tác phẩm của nhà sử học David G. Marr lại chọn một mảnh đất nhỏ hẹp : Việt Nam, và một thời gian ngắn ngủi : năm 1945 — thậm chí non nửa năm thôi : từ buổi tối ngày thứ sáu mồng 9 tháng 3 đến buổi chiều ngày chủ nhật 2 tháng 9 — làm đối tượng nghiên cứu. Phải chăng đây là một sự thách thức ? Chỉ biết đó là sự lựa chọn có lý, bởi nhận xét của Braudel nhắc ta phải có một cái nhìn lịch sử toàn cục và tổng thể, chỗ không mâu thuẫn với một sự thật khác, là : trong dòng chảy dài hạn của nó, lịch sử có những tiêu điểm (foyer) kỳ lạ về không gian và thời gian. Không gian Việt Nam thời điểm 1945 quả là một trong những tiêu điểm ấy.

Thật vậy : Việt Nam không phải là một chiến trường chủ yếu trong Đại chiến thế giới 1930-45, nhưng trong vòng một năm 1945, có mặt hai thứ quân đội Pháp, rồi quân đội Nhật, quân đội Trung Hoa, quân đội Anh (với nhiều quốc tịch), không kể một số quân nhân Mỹ, và cũng trong một năm ấy, có liên tiếp và chồng chất các chế độ quân chủ, thuộc địa, chiếm đóng, chính phủ hoàng gia, chính phủ dân chủ cộng hoà. Nếu ở thời điểm 1945, Việt Nam chưa là nơi tập trung những mâu thuẫn lớn của những lực lượng quốc tế đối địch, thì cũng đã là chỗ tụ hội những khác biệt, kèn cựa, từ đó nảy mầm ra những cuộc đụng độ của ba thập niên sau. Và rõ ràng, nó là thời điểm quyết định trong lịch sử quốc gia, sau một thiên niên chế độ quân chủ, non một thế kỷ thực dân, 5 năm chiếm đóng. Thu hẹp vào tình hình nội bộ dân tộc, 1945 là màn mở đầu cho một bi kịch đầy âm thanh và cuồng nộ mà hầu như toàn bộ các diễn viên, chính, phụ đều có mặt đầy đủ trên sân khấu, trong hậu trường và hai bên cánh gà. Nhìn ra châu Á, nhìn ra thế giới, đó cũng là thời điểm khép lại một quá khứ, mở ra một thời kỳ mới, đầy biến động, đảo điên.

Nếu phải nói gọn một câu để đánh giá cuốn sách : đây là tác phẩm sử học thực sự đầu tiên về diễn biến quá trình giành chính quyền năm 1945 ở Việt Nam, và một công trình khoa học có giá trị lớn, mà độc giả lại có thể đọc say mê như một cuốn tiểu thuyết lịch sử, trong đó các nhân vật không phải là 108 anh hùng Lương Sơn Bạc, mà là những lực lượng chính trị, quân sự, những cá nhân, không chỉ có những nhân vật mà tên tuổi đã đi vào lịch sử, mà có cả những con người bình thường.

Nói tác phẩm sử học đầu tiên không phải để phủ nhận giá trị những công trình nghiêm chỉnh đã được công bố trong nửa thế kỷ vừa qua. Đó là những chứng từ, hồi ký mà bất luận tác giả thành

thực tới đâu, nhà sử học cũng phải phân tích, cọ sát chúng với nhau, đối sánh với các nguồn lưu trữ và chứng tích, vì chúng chỉ mới là nguyên liệu của sử học, chứ không phải là sử học. Còn có một số công trình tập hợp tài liệu lịch sử đương đại, với những phân tích ít nhiều bị chi phối bởi yêu cầu chính trị của thời điểm soạn thảo (thí dụ những tập sử về cách mạng tháng 8 xuất bản tại Hà Nội trong thập niên 1960).

Giá trị to lớn của *Vietnam 1945*... trước hết là tác giả đã bỏ ra nhiều công sức để khai thác và đối sánh những nguồn tư liệu phong phú :

– các kho lưu trữ ở Aix-en-Provence (tại đây từ năm 1983 có thể tham khảo hồ sơ của chính phủ Trần Trọng Kim và chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1945, gồm những tài liệu người Pháp bắt được), Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Washington

– những công trình nghiên cứu của những tác giả đã khai thác các nguồn trên, và các kho lưu trữ của Đài Loan, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp (đặc biệt là cuốn sách của Stein Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945 : Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle in a World at War*, London 1991, tham khảo rất kỹ các kho lưu trữ phương Tây — chúng tôi sẽ giới thiệu công trình này trong một dịp khác)

– trực tiếp phỏng vấn hơn hai mươi nhân vật Việt Nam, Nhật, Mỹ trong thời gian từ 1967 đến 1994, trong đó có những người nay đã từ trần (Hồ Hữu Tường, Hoàng Văn Hoan, Hoàng Xuân Hãn...)

– ngoài các sách báo bằng tiếng Anh và Pháp, một khối lượng đồ sộ sách báo Việt Nam thuộc các nguồn khác nhau.

Nhờ đó, qua cuốn sách, người đọc thấy rõ hơn toàn bộ một bức tranh phức tạp : những bất đồng, thậm chí mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ các thế lực nước ngoài (phe quân sự, phe dân sự Nhật ở Đông Dương và ở Đông Kinh ; tổng thống Roosevelt, bộ ngoại giao Mỹ, bộ tổng tư lệnh Mỹ ở chiến trường Trung Quốc, lãnh đạo OSS và phái bộ OSS ở Việt Nam, lãnh sự Mỹ ở Côn Minh ; phe Vichy, phe De Gaulle bên trong và bên ngoài Đông Dương ; chính quyền trung ương Tưởng Giới Thạch, phe Trương Phát Khuê & Tiêu Văn ở Lương Quảng, Long Vân ở Vân Nam ; thủ tướng W. Churchill và bộ chỉ huy của đô đốc Mountbatten ở Đông Nam Á...). Những tác nhân ấy triển khai những mưu toan đủ loại, nhiều khi hoàn toàn không căn cứ gì vào tình hình cụ thể mà chỉ xuất phát từ các mục tiêu bản vị của họ, liên hoàn với nhau, chống phá nhau, thay đổi từng tháng, từng tuần, và tác động tới tình hình Việt Nam, các lực lượng Việt Nam. Vài thí dụ : thái độ của các thế lực Nhật Bản trong việc sử dụng Cường Để, Ngô Đình Diệm và những tổ chức Việt Nam

Số FAX của báo Diễn Đàn

Kể từ ngày 18.10.96, hệ thống điện thoại và fax ở Pháp chuyển từ 8 số sang 10 số. Do đó, muốn gửi fax cho Diễn Đàn từ Pháp, xin bạn đọc bấm 10 số : 01 45 88 54 58 (trước đó, từ tỉnh : 16 1 45 88 54 58) ; từ ngoài nước Pháp : 33 1 45 88 54 58 (như trước)

Lưu ý bạn đọc tại Cộng hoà Liên bang ĐỨC :

Trương mục ngân hàng của *Diễn Đàn* ở Đức đã thay đổi (xem khung trang 3, cột 2). Xin bạn đọc vui lòng chuyển khoản vào trương mục mới khi gia hạn / ghi mua báo.

thân Nhật ; chủ trương của Bộ chỉ huy tước khí giới những người lính Việt Nam trong những đạo quân Pháp chạy thoát khỏi vòng vây của Nhật sau ngày 9.3 ; thảm hại nhất có lẽ là số phận của những nhóm, đảng Việt Quốc, Việt Cách ở Vân Nam và Quảng Tây, bị giăng co xâu xé (thậm chí bị bỏ tù) giữa ba thế lực Tàu Tưởng (chính phủ trung ương ở Trùng Khánh, hai sứ quân Long Vân và Trương Phát Khuê).

Để hiểu tại sao, tác giả đã phải dành tới hai phần ba cuốn sách (5 chương) để trình bày vị trí và tương quan của các tác nhân trên bàn cờ rối rắm đó trong thời gian từ tháng 3 đến cuối tháng 7 : (1) Pháp và Nhật ; (2) Người Việt Nam đứng trước hai ông chủ ; (3) Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh ; (4) Phe Đồng Minh : Trung Quốc và Hoa Kỳ ; (5) Phe Đồng Minh : Anh và Pháp. Dùng ngôn ngữ điện ảnh, có thể nói trong phần này, D. Marr đã sử dụng cách bố cục của cuốn phim Nhật Bản nổi tiếng một thời : **Rashomon**. Trong phim, cùng một câu chuyện được các nhân vật lần lượt kể lại theo ý của mình. Ở đây, nhà sử học phải lần theo sử liệu để dựng lại ý đồ của mỗi tác nhân, rồi còn phải đối sánh với diễn biến để xem lược của mỗi tác nhân *tòng tâm* tới đâu. Do đó, người đọc được theo dõi một cuốn phim đa chiều, sinh động, và... phải dứt khoát vĩnh biệt quan niệm máy móc về *quy định lịch sử* của sử học thế kỷ XIX.

Ba chương cuối mô tả và phân tích sự kiện thường được gọi là Cách mạng tháng 8 : (6) Thời cơ : cuộc chạy nước rút trong tháng 8 để giành chính quyền, (7) Xa hơn Hà Nội : cuộc khởi nghĩa ở hầu hết các tỉnh, ở Huế và Sài Gòn ; (8) Một Nhà nước ra đời (nguyên văn tiếng Anh : *A State is Born*, làm người đọc liên tưởng tới tên một cuốn phim cổ điển *A Star is Born*, Một ngôi sao ra đời, cũng lại ngôi sao, trở về với lá cờ đỏ sao vàng) : cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, ngày 2-9 ở Hà Nội và cả nước, những ngày đầu của chính quyền cách mạng.

Khác với phần nhất, 3 chương phần hai này mô tả diễn biến quá trình khởi nghĩa theo thứ tự thời gian. Vẫn dùng ngôn ngữ điện ảnh, hay văn học, có thể nói tác giả dùng phương pháp đồng hiện (*simultanéiste*), để chúng ta thấy đồng thời hành động của các tác nhân khác nhau, Việt Nam và ngoại quốc, từ Bắc tới Nam.

☆

Vietnam 1945... , không thể khác hơn, cho thấy “ *chính phủ hoàng gia Việt Nam* [tức là chính phủ Trần Trọng Kim, NNG] và các nhóm chính trị không cộng sản khác nhau hoàn toàn không nhận thức được những động lực chiến lược năm 1945, trong khi [ngay cả] những đảng viên địa phương của ĐCSDD cũng nắm bắt được những điểm chính yếu, ít nhất bằng trực năng ” (tr.3).

Mặt khác, tác giả đã chứng minh sự huỷ hoại của những cuốn sử chính thống của ĐCSVN khi trình bày quá trình cách mạng tháng 8 như một kế hoạch thống nhất, từ trung ương tới địa phương... dưới sự lãnh đạo của đảng như một khối thống nhất. Chương 3 chỉ rõ : chỉ thị “ *Nhật Pháp bắn nhau và thái độ của chúng ta* ” (ngày 12-3-1945) của Thường vụ trung ương, sau một tháng, chỉ được phổ biến tới bắc Trung Kỳ ; hai tháng sau, Hà Tĩnh, Huế và Phú Yên mới nhận được, nhưng những tỉnh ở giữa

chỉ nghe truyền miệng ; còn ở Nam Kỳ, thì hai xứ uỷ kinh chống nhau, nhưng đến tháng 8, cả hai xứ uỷ vẫn chưa nhận được bản nào. Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh mà Nguyễn Ái Quốc / Hồ Chí Minh đề ra năm 1941, mấy năm sau, nhiều nơi chưa thông, có nơi có nhiều cách hiểu, và thành lập hai, ba uỷ ban Việt Minh... Bức tranh mà **Vietnam 1945...** vẽ nên cho thấy một thực tế phức tạp và sinh động hơn nhiều, làm cho người đọc cảm được vô vàn những vận động muôn hướng, chòng chèo, ngược chiều nhau, mà cuối cùng, tạo ra một tổng lực ít thấy trong lịch sử, trong vòng mười ngày, hai tuần, từ Bắc chí Nam, làm thay đổi cả thời cục.

Trong bức toàn cảnh hoành tráng ấy, vai trò và tác động của cá nhân Hồ Chí Minh nổi bật lên, do tầm nhìn chiến lược của ông, sự minh mẫn trong phân tích tương quan lực lượng quốc tế, và sự nhạy bén tinh tế đối với tâm tư cách tầng lớp xã hội. Ở điểm này, chỉ tiếc rằng tác giả chưa đi xa được hơn vì chưa ai đi trước, khai phá được những bí ẩn của thời kỳ 1931-1941, đặc biệt những năm 1934-1938 Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô. Chỉ khi nào mối quan hệ của Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế cộng sản trong thời kỳ này được lý giải, ta mới có điều kiện để hiểu tại sao và như thế nào, trong thời kỳ 1941-1950, ông đã vạch ra được một đường lối độc lập, và thuyết phục được những đồng chí của ông (đã được phổ biến về những sai lầm hữu khuynh của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 30) chấp nhận đường lối đó.

Những thông tin mà D. Marr cung cấp về Hồ Chí Minh trong giai đoạn 1941-45 chứng tỏ tác giả đã cố gắng tối đa trong việc đối chất các nguồn tư liệu và chứng từ. Chẳng hạn về bản Tuyên ngôn độc lập mà chủ tịch đọc ngày 2-9 : ông chưa rõ bản ghi âm hiện nay đang được chính thức phổ biến thực ra là một bản năm 1955 ghi âm lời cụ Hồ đọc lại (tr. 533). Tuy nhiên, về câu nói nổi tiếng “ *Tôi nói đồng bào nghe có rõ không ?* ”, chi tiết cả quảng trường Ba Đình hô to : “ *Có* ”, và những lời tán tụng về sau, tôi sợ rằng tác giả đã chấp nhận như một sự kiện chắc chắn, sau khi đối sánh hồi ký của Nguyễn Quyết, Võ Nguyên Giáp và Archimedes L.A. Patti, là ba chứng nhân có mặt tại chỗ (tr. 532). Dường như tác giả chưa được nghe chứng từ của người tổ chức ngày Lễ Độc lập là ông Nguyễn Hữu Đang. Theo ông Đang (được người phụ trách âm thanh xác nhận), cụ Hồ có nói một câu như vậy thật, nhưng chỉ là để hỏi ban kỹ thuật xem micro có chạy tốt không, còn lời hô của quảng trường và những lời tán tụng về giây phút cảm thông giữa lãnh tụ và dân tộc qua lời hỏi đáp ấy là một sáng tạo văn học nhiều năm về sau. Tôi chỉ xin nêu nghi vấn, mong tác giả hay những sử gia khác thẩm định lại. Thế mới biết viết chính sử thì dễ, chứ viết sử học thì rất khó, dù là viết về một sự việc công cộng có ít nhất nửa triệu người chứng kiến, mới xảy ra cách đây nửa thế kỷ.

Nói đùa thế, nhưng quả 600 trang của D. Marr là một công trình kiểu mẫu về sử học, liên quan tới một cái mốc quan trọng của đời sống Việt Nam. Mong rằng cuốn sách này sớm được dịch ra tiếng Việt và tiếng Pháp để thêm nhiều người được đọc. Và mong rằng độc giả, trong những năm tới đây, sớm có được những công trình giá trị tương tự về những giai đoạn khác của lịch sử Việt Nam hiện đại. Của D. Marr và những sử gia khác.

Nguyễn Ngọc Giao

Tâm lý học trong đạo Phật

*Mắt mũi trước khi bác mẹ thọ thai ra
anh nó là thề nào*

(tiếp theo)

bùi mòng hùng

Tâm lý học nhà Phật đứng trên quan điểm động, nhìn cả bề dày kích thước lịch sử của sự sống, là một tâm lý học phân tích. Đi đến khái niệm “tôi” (je). Nhưng phân tích đến tận cùng cái “tôi” này thì chỉ thấy những trạng thái phù du nối tiếp nhau. Vì thế mà nhận định “tôi” (je) để rồi vượt qua phủ nhận “cái tôi” (le moi). Phần lý thuyết đã đăng trong **ĐĐ** số 54 (7.96)

IV. Từ lý thuyết đến thực hành

Tâm lý học nhà Phật sắp xếp các khái niệm thành chuỗi tác động nhân duyên với nhau, cho nổi lên những điểm then chốt trong lịch trình tự tạo của con người. Với chủ ý lấy đó làm cơ sở cho phương pháp thực hành.

IV. 1. Những điểm then chốt

1. Nhà Phật quan niệm hành động có ý thức là đã để một dấu vết, đã tác động vào tâm lý mình : “ *Một người tối dạ mà làm một hành vi thiện thì tâm thức chuyển về thiện* ” (S II 82) (1).

Hành động tạo nên con người. Tiến trình hành động của ai cùng hệ quả kèm theo là “ nghiệp ” của người đó. Tuy nhiên đức Phật không hề quan niệm cái “ nghiệp ” tác động một cách máy móc : “ *Nếu ai đó nói rằng : “ một người hành động ra sao thì hẳn sẽ phải chịu hậu quả đúng y như vậy ” – điều đó mà đúng thì không thể có đời sống thanh tịnh và cũng không có cơ diệt khổ được* ” (A I 249) (1). Ai ai cũng có khả năng thay đổi nhận thức, xoay chuyển cái nghiệp của mình bất cứ lúc nào trong đời mình.

Cái quan điểm này mà Thiền tông diễn đạt theo lối nói riêng : “ *Đồ tể quảng dao đi liền trở thành Phật* ”, theo thần kinh học hiện đại thì có cơ sở sinh lý.

Nhà sinh học thần kinh Gerald Edelman, giải Nobel y học, quan niệm hệ thống truyền đạt thông tin mắc nối các tế bào, các trung tâm thần kinh óc não của một người trưởng thành không phải là một mạng lưới cố định. Mà nó thay đổi theo nhu cầu sử dụng. Yêu cầu chuyên chở, xử lý thông tin tăng thì phần mạng lưới sử dụng cho việc này trở nên dày hơn, nhạy hơn, hiệu quả hơn. Trái lại phần nào ít dùng tới, sau một thời gian sẽ thoái hoá dần đi.

Đó là những dữ kiện làm cơ sở vật chất và chức năng cho quan niệm hệ thần kinh con người dễ uốn nắn. Bất cứ ở lứa tuổi nào nó vẫn giữ được khả năng tổ chức lại chức năng và cấu trúc giải phẫu tương ứng để thích nghi với kinh nghiệm mới, với nếp nhận thức, hành động, suy tư mới. (Xem G. M. Edelman, **Biologie de la conscience**, Sinh học của ý thức, Nxb Odile Jacob, Paris 1992).

2. Hành động tạo nên con người, nhưng những gì đưa đẩy hành đến động ?

Sống là muôn vàn cảm xúc, là thị hiếu của các giác quan. Tuy nhiên xúc cảm giác quan phải qua lăng kính của ý thức, tư tưởng thì hình ảnh thế giới bên ngoài mới hiện ra rõ rệt trong nội tâm. Trung bộ kinh nói gọn trong một câu “ *... ta cảm giác thấy cái gì thì ta nhận thức ra cái đó ; nhận thức ra cái gì thì ta tư tưởng tới nó, tư tưởng về cái gì thì ta chia chẻ phân biệt nó ra, những gì mà ta chia chẻ phân biệt là nguồn căn của chuỗi hình ảnh muôn màu muôn sắc nó dồn dập kích thích mỗi người chúng ta về những hình dáng do mắt nhìn thấy trong quá khứ, hiện tại và tương lai* ” (M I 111) (1).

3. Đi qua lăng kính của ý thức, cũng là đi qua lăng kính của tình cảm, của những yêu đương, giận hờn, uất hận, thèm khát... ngự trị trong tâm trí khi ấy. Chẳng cần đợi phải là một nhà tâm lý học thực nghiệm hiện đại, ai ai trong chúng ta cũng đồng tình một cách rất tự nhiên với câu Kiều “ *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* ”. Nó chứa chan một sự thật tâm lý muôn thuở.

Một sự thật tâm lý vạch trần tính chất lệch lạc cố hữu của nhận định. Theo nhà Phật, thường tình nhận định là mù mờ, trông gà hoá quốc, “ *... cho phù du là vững bền thường còn, cho khổ đau là vui thú, nhận là ta cái chẳng thuộc về ai, nhìn thấy đẹp cái đáng ghê tởm* ” (A II 52).

4. Tuy nhiên dù có chết mê chết mệt vì nhận định lệch lạc thì vẫn chỉ là tình cảm. Tình cảm mà biến thành hành động cụ thể, phải có cái thúc đẩy của lòng tham muốn vợ vào cho mình.

Ta thấy đó sâu chuỗi các điểm then chốt : cảm xúc giác quan, tâm thức nhận định lệch lạc, ham muốn thúc đẩy, hành động, cụ thể mà hành động, mà lệ thuộc thêm mãi vào thị hiếu giác quan...

IV. 2. Nguyên tắc gỡ rối

Nhà Phật khẳng định có con đường, theo đó mà đi thì voi dần gánh lệ thuộc, con người nhẹ nhàng thanh thoát, tự do. Có điều mỗi người phải tự dẫn thân, vì không một ai kể cả đức Phật làm thay cho mình được :

“ Người hãy nhiệt tình làm

Như lai chỉ thuyết dạy ” (Dhammapada, 276).

Tuy nhiên, không ai giống ai, con đường mỗi người mỗi khác. Cái chung, là nguyên tắc gỡ rối các điểm then chốt.

1. Ái địa đầu là các giác quan, mở cửa cho muôn vàn cảm xúc cùng lúc ào vào. Chợ ngay trước cửa thì ồn. Phản ứng tự nhiên : đóng cửa lại !

Lánh đời, khoanh chân ngồi quay mặt vào tường lim dim con mắt, là một cách đóng cửa rút cầu cho các giác quan bớt bị kích thích. Đó là một trong những nguyên tắc, có ích lợi nhất định khi lòng dễ rối bời.

Tuy nhiên ai ai cũng tìm tòi một thế giới bên trong.

Dù có trốn vào hang sâu, có bịt mắt, nút mũi, che tai, khâu miệng lại, thì cái thế giới nội tâm ấy vẫn có lúc hiện ra, nổi lên ồn ào chẳng kém chợ vỡ. Nhà Phật đã quá giàu kinh nghiệm với các nhà tu hành bị khuấy phá bởi “ *những ý*

tưởng nhiều vô kể do tối tăm mà nổi lên” (S I 185).

Vậy, căn bản của vấn đề không phải là mủ ni che tai. Mà là nhận thức không lệch lạc. Đức Phật dạy: “*trong cái người nhìn, người nên chỉ thấy đúng cái gì mắt người nhìn, trong cái người nghe, người chỉ nghe ra đúng cái tai người nghe...*” (S IV 73). Mắt nhìn thấy gì, tai nghe được gì, tâm trí ghi nhận những thông tin đó một cách khách quan, không bị nhiễu bởi thương ghét, giận hờn, ước mong, tính toán...

2. Nói thế, là đã chuyển trọng tâm của vấn đề rồi. Giác quan có phần nhất định của giác quan, nhưng cái tâm có vai trò của nó, còn quan yếu hơn. Vì nhận định không bị nhiễu là nhờ tâm ở vào một trạng thái đặc biệt: “*Khi nhìn hình dáng một người, hẳn chú ý. Hẳn nhận thức hình dáng ấy với cái tâm thanh nhiên, lòng hẳn thanh thản mà không tham luyến.*” (S IV 74). Đó là trạng thái tâm bình thản, tập trung vào hình ảnh từ ngoài đến, không xao xuyến với tư tưởng bên trong nổi lên: “*Người tu hành phải quán sát cách nào để cho trong khi quán sát, ý thức về ngoại vật không xao lãng, phân tán, ý thức về nội tâm không dấy động, để cho ý thức không bị dao động bởi tham ái*” (M III 223).

Lòng yên tĩnh bình thản là một nguyên tắc chủ yếu. Tuy nhiên, nếu nghĩ cứ việc ngồi xếp bằng lim dim con mắt mà nhìn đời là tâm yên, thì cho có đúng cũng mới chỉ đúng một phần. Như kiểu nhận chân voi làm cả con voi.

Cũng dễ hiểu lầm lẫn này từ đâu mà ra. Nào là những hình ảnh Phật ngồi kiết già, nào là huyền thoại nghe từ hồi thơ ấu kể các vị chân tu ngồi không nhúc nhích chim đến làm tổ trên đầu, cho đến chữ thiền trong ngồi thiền, tất cả, hình ảnh, ngôn từ hợp lực nhau mà sinh ra cái quan niệm nhập nhằng lẫn lộn “ngồi thiền” với thiền, với đạo Phật.

Phương pháp của nhà Phật thực ra phong phú hơn thế nhiều. Nó gồm ba vế, tác động vòng tròn qua lại với nhau. Phong cách sống trong sạch, thuật ngữ gọi là “giới”; đó là yếu tố cho tâm trí thanh thản tập trung, được “định”. Sống trong lành, lòng tĩnh lặng, tâm trí trở nên sáng suốt, ấy là “tuệ”. Tâm sáng suốt soi cho đời sống thêm trong lành, tâm trí thêm tập trung, và cứ thế mà tác động vòng tròn lẫn nhau.

Thiền định là phương pháp đã có từ xa xưa. Đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo đã có lúc theo học danh sư thời đó đến tận cùng của phương pháp. Đạo Phật trân trọng thiền định, như một phương tiện đáng quý. Nhưng chỉ là phương tiện không hơn không kém, vì cứu cánh không phải nơi đó. Cái chính là tâm trí sáng suốt, là “tuệ”, sự vật ra sao thì nhận định y như vậy, không méo mó, lệch lạc.

Như đã có nói ở một đoạn trên, có người tâm “định” mà chẳng có “tuệ” (A II 92). Xin ví dụ cụ thể cho dễ hiểu hơn.

Đã quyết lòng làm lợi cho bản thân mình, tâm trí có thể tập trung cao độ – là “định” đấy – tuyệt vời khi hành động làm lợi cho bản thân mình. Nhưng không có “tuệ” được. Vì sáng thì có sáng. Sáng việc, khía cạnh nào lợi cho mình thì thấy ra ngay. Mà cũng chính vì thế mà tối mặt khác. Mắt chỉ còn biết nhìn một góc cạnh, có ngó ngang tới mặt khác đâu mà sự việc ra sao thấy y như vậy!

Cũng có những trạng thái “định” khác đầy cảm dỗ.

Luyện cho tâm lặng như mặt nước mùa thu, lòng yên với lòng, mảy may chẳng bận tâm đến chuyện đời chẳng hạn. Đạo Phật xem cái tĩnh lặng gỗ đá ấy là ảo tưởng. Chính vì con người chẳng phải là cục đá. Dù muốn dù không, sự thật là ai ai cũng đang trôi nổi trong dòng đời, trốn đi đâu được! Trốn đời chỉ là ảo tưởng, mà cũng là hành động, hành động tiêu cực, chỉ tạo ra cái “nghiệp” tiêu cực mà thôi.

3. Vậy, dạy trở cách nào rồi cuộc đời cũng phải trở lại vấn đề con người và hành động.

Theo phân tích của nhà Phật thì hành động liên hệ với “nghiệp”; tuy nhiên hành động tự thân nó không để lại “nghiệp”. Trở nên một xu hướng, thành ra “nghiệp” phải có ý chí, thích thú tích lũy, thu thập, có cái mà thuật ngữ gọi là “thủ”.

Làm ác thì chịu nghiệp ác, làm lành hưởng nghiệp lành. Nhà Phật chủ trương không tích lũy, không làm ra nghiệp ác đã đành, nhưng đến cả nghiệp lành cũng không ham ôm đồm chôn cất làm gì. Quẳng gánh nặng ấy đi!

Vấn đề căn bản đặt ra là làm sao hành động mà không tích lũy hệ quả trong mình. Mà là người thì không thể không hành động. Dù cho là đã hoàn toàn giác ngộ, đã là một vị la hán, hễ còn sống thì: “*Đã thấu triệt năm uẩn là gì, nhưng chúng vẫn hiện hành, mặc dù rồi đã bị cắt đứt*” (Theragatha, Thượng tọa kệ, 90). Nghĩa là vẫn hoạt động, với thân xác, cảm giác, nhận thức, hành động, ý thức. Nhưng ảo tưởng một “cái tôi” vững bền thường còn đã bị cắt tận gốc rễ, không còn nơi nào tích lũy dấu vết hành động nữa. Vì thế mà các vị la hán “*không còn gì phải làm, không tích lũy những cái gì đã làm*” (S III 168). Vì vậy đức Phật là “*Bậc không để dấu tích*” (Dhammapada, 179).

Thường nhân, mỗi người trong chúng ta đều có thể “*không tạo nghiệp mới, từng bước từng bước chấm dứt nghiệp cũ*” (A I 221). Ai ai làm cũng được, đức Phật có nói: “*... Nếu chuyện không thể làm được, ta đã chẳng bảo người làm*” (A I 58).

Phương pháp nhà Phật dựa theo hai nguyên tắc lớn.

Nguyên tắc đầu là chú ý. Chú ý để mà ý thức cảm giác nảy sinh; chú ý không để cho hám lợi, hờn giận, yêu ghét nhiễm vào. Khi không còn vướng víu với tham ái với tích lũy, hành động trở nên hồn nhiên, dọc ngang như mưa rơi, như gió cuốn, như một hiện tượng thiên nhiên. Hành động hết mình, với tất cả tâm trí, tất cả năng lực, việc xong, lòng thanh nhiên không vướng vương bận bịu.

Nguyên tắc thứ hai là sáng suốt nhận định. Cái sáng suốt trí tuệ, nhìn bằng con mắt của tấm lòng, hài hòa lý trí, tình cảm, trực giác nảy nở với đời sống trong lành, với cái tâm tập trung, thanh tịnh, tĩnh lặng. Trí tuệ sáng suốt quét sạch mê muội “vô minh”, khi ấy hành động không tạo nên nghiệp, dù là nghiệp lành, nghiệp dữ, hay trung hoà (S II 82).

IV. 3. Đối diện với mặt mũi thuở còn chưa hình thành

Mới sơ lược tìm hiểu tâm lý học trong lĩnh vực của các vị luận sư mà đã thấm, mết đầu mết óc. Nhưng, tâm lý học ấy đem vào thực hành cho những người bình thường như bạn như tôi lại rất giản đơn.

1. Chỉ cần ý thức tường tận và chi tiết dòng tư tưởng hiện hành trong tâm trí mình. Tóm gọn trong một câu “ *Thấy rõ tư tưởng phát sinh, thấy rõ chúng hiện hành, thấy rõ chúng tan biến* ” (S V 181). Chỉ chú ý và chú ý, ý thức và ý thức. Chẳng riêng lúc ngồi thiền định, mà bất cứ lúc nào, bất kể là làm việc gì, trong đời sống thường ngày : “ *Khi đi, đứng, ngồi, nằm, đợi chờ, chuyện trò, hay nín lặng, khi nào cũng biết (...) đang làm gì* ” (D II 292) (1).

Đơn giản thì thật đơn giản. Khi ăn thì biết là đang ăn, nhai miếng cơm biết là nhai ; hương gạo phả ra thoang thoang, cái thơm đượm trong rượu đế nhưng nhẹ nhàng hơn ; cơm nhai một lát thấm ra vị ngọt, cái ngọt dịu dịu của glucoza. Đơn giản, nhưng ngậm mà nghe mới thấm thía đó chính là sống cái mình đang sống. Là sống thật, trong giây phút hiện tại, với sự vật hiện hữu.

Tâm lý học tây phương cho rằng biết không phải là hành động. Nhưng ý thức là đã tác động trên chính bản thân mình. Có khi cơn giận vừa nổi lên, chính mình thấy cái giận vô duyên, giận nó tan ngay. Tuy nhiên giận là dùng dùng lửa đốt, thường khi ý thức thì cứ ý thức, giận vẫn cứ giận. Ngay trong trường hợp đó, ý thức được, giận còn đấy nhưng lửa có giảm bớt. Lần này một ít, lần sau thêm một ít, một ít nữa, không phải nén giận mà dần dà tâm tính trở nên hoà hoãn bình tĩnh.

Sống mỗi lúc mỗi ý thức tâm trạng mình, vô hình trung là nhìn mình sống, là tự biết mình. Một ngày nào đó, bỗng thấy ra những mưu toan, tính toán, những tranh đua lợi danh chỉ là những bộ giáp sắt, những bộ mặt nạ. Để dọa nạt người. Mà cũng để tự trấn an mình. Hiểu ra việc ấy, cởi bỏ mặt nạ quảng vút giáp đi. Bỏ được chút nào, cái thân nhẹ nhõm, linh hoạt, thanh thản chút ấy.

Này, dường như bạn mỉm cười đấy phải không ? Tôi thấy mắt bạn ánh nghi ngờ, thời đức Phật không biết sao, chứ đời nay mà bỏ mặt nạ buông lá chắn giữ mình thì cứ cho là võ mặt mềm đòn !

Chỉ xin nhắc chuyện, có lần một người khách Tây phương lưu ý đức Đạt Lai Lạt Ma chớ thật quá mà bị lừa. Nhà lãnh đạo Tây Tạng quay qua vị lạt ma ngồi bên, cười mà nói rằng “ *Nếu mà chúng tôi mắc lừa, thì truyền thống giáo dục của chúng tôi không có giá trị gì !* ” Bạn thấy đó, sống giáo lý nhà Phật nào có ngăn cản đức Đạt Lai Lạt Ma hoạt động trong cái thế giới lang sói này – kể cả những hoạt động chính trị, mà không ít chính trị gia trên thế giới vì nể.

Ý thức những mặt nạ mình đang mang, sống hoà hợp, mình với mình, mình với người, phân tâm học cũng nhằm đưa con người đến những điểm đó.

2. Nhưng khi tâm lý học nhà Phật phân tích “ cái tôi ” thì cái nhìn có khác với phân tâm học. Và điểm này không phải chỉ lý thuyết. Mà nó là kinh nghiệm sống. Người quen ý thức làm gì thì biết đang làm gì, quen ý thức rõ ràng mỗi tư tưởng nảy sinh, tồn tại, tan biến trong tâm trí, thì chỉ thấy những tôi-nhậnthức-cái-này, tôi-nhậnthức-cái-kia, tôi-nhậnthức-cái-nọ... tiếp nối nhau, sinh ra rồi tan đi, chẳng thấy đâu là một “ cái tôi ” bất biến, thường còn.

Sống thể nghiệm những “ tôi ” phù du nối tiếp nhau,

không những ở mức độ lý trí, mà sâu xa hơn, toàn diện hơn chính là siêu việt cái tôi nhỏ bé. Mở ra một kích thước “ khác ”, kích thước tôn giáo với cái nghĩa nguyên thủy religare, giao hoà của từ “ religion ”.

Giao hoà trong nghĩa siêu việt đối lập cá nhân nhỏ bé, phù du, vô nghĩa với mệnh mông không cùng không tận. Chớ không phải là hoà “ cái tôi nhỏ bé ”, một “ tiểu ngã ” vào “ đại ngã ” vĩ đại vô biên – và đây chính là điểm khác biệt giữa nhà Phật với tôn giáo khác. Đó là một thể nghiệm nơi tận cùng giới hạn của tâm trí, siêu việt nếp cố hữu con người suy luận với những cặp đối lập ta-người, gián đoạn-liên tục, đen-trắng, phải-trái, thiện-ác, phật-ma, niết bàn-luân hồi...

Nếu mà bạn chợt nhớ ra câu ca dao kể chuyện cô gái về nhà chồng ngày còn bé cón con, chồng chẳng thèm ngó ngang, đến ngày trở mã con gái chồng bỗng đâm ra ngày đêm mê mệt đắm say ...

*Có bốn chân giường gãy một còn ba
Ai về nhắn nhủ mẹ cha
Chồng tôi nó đã giao hoà cùng tôi...*

Nhớ lại ca dao để trách cứ, chuyện nghiêm chỉnh thế này bộ tiếng Việt hết chữ rồi sao lại đem “ giao hoà ” ra mà dùng, thì kẻ viết những hàng này xin chấp tay cúi đầu chịu hoàn toàn trách nhiệm. Vì, dù biết là chuyện không thể suy tư luận bàn được, nhưng cứ tin rằng cuộc giao hoà cá nhân nhỏ bé và mệnh mông vô tận phẳng phất cái giao hoà trong ca dao.

bùi mộng hùng (6.1996)

(1) Kinh tạng pali trích dẫn theo bản Pali Text Society, quyển đánh số lamã, trang đánh số arap. Tên các bộ kinh viết tắt :

D, Digha Nikaya, Trường bộ kinh

M, Majjima Nikaya, Trung bộ kinh

S, Samyutta Nikaya, Tương ưng bộ kinh

A, Anguttara Nikaya, Tăng chi bộ kinh



Ta chờ mùa hạ sang

Miếng băng mỏng trôi đi chút lạnh lẽo cuối mùa
tia nắng mỏng ấm khoảng trời năm ngoái

Đừng vội

trơn con đường tuyết tan
tuần tuốt trôi dẫu chân thuyền giẫy
gót giày khua lớp cốp mô luân hồi

Đừng vội

mặc ai thụ tình nhân tạo cho thơ
rạn ra mà làm gì bài thánh ca giả dối
số phận vinh quang mỏng mảnh đến không ngờ

Đừng vội

ta chờ đợi và ta lũng thũng
đời Lê Nin dốc dụng
sông Maxcova mỏng mỏng vắng phù điêu
chiều như sương thương nhớ mỏng như chiều

Đừng vội

ta lũng thũng và ta chờ đợi
mùa hạ về trên lá biếc tung bồng
thiếu nữ ấm như màu hồng trên má
Vệ Nữ đi
ngược nắng
ngược gió

Ta chờ...

Maxcova, tháng 3.1988

Maxcova

Thế là qua băng giá âm đạm dài
nắng vàng tươi giật rủ vòm trời
lênh láng cái sự đời phơi phồng

Đất đai phơi cái mệnh mỏng rộng
cành cây phơi cơn run rẩy sinh chồi
con chim phơi tiếng hót
con đường phơi bóng người

Tường cao phơi khẩu hiệu tươi rói
tờ báo phơi cụm từ perestroika
trang thơ phơi khúc ca đổi mới
ta ngồi phơi một nỗi nhớ nhà

Rồi nổi nhớ nào cũng sẽ sẵn chai
rồi sẽ cũ những khúc ca mới hát
rồi cụm từ trên báo sẽ phai
và khẩu hiệu một mai đổi đời

Ta muốn đem phơi vài câu thơ còn ướt
câu thứ nhất :
nắng cái tổ trần gian rất tuyệt !

Câu thứ hai :

nắng phơi tươi cái đẹp muôn đời !

Câu thứ ba...

mà thôi !

Dưới chân tường Kremlin
Maxcova, tháng 5. 1990

Stockholm

Hình như đất du thừa mọi thứ
hình như em chỉ thiếu thốn mặt trời

Trong vạt vàng nắng hiếm
đất bày biện phơi
cỏ xanh hoa thắm cảnh chờ

Em bày biện phơi
tóc bạch kim
da trứng bóc
và lĩnh kính vài ba thú khác

Thảm Vườn Vua vuốt biếc
mùa xuân nằm nghiêng tượng khoả thân trắng

Ta phù phép hoá thân màu nắng
nhè nhẹ và chậm chậm
phủ xuống làn da run rẩy khát mặt trời

Vườn Thượng Uyển, tháng 5.1994

Washington

Mắt trời rách đá lườm ra
nắng đen trắng nhờn răng ma mồm người

Ngọn xanh treo giọt máu tươi
bức tường than khóc rợn phơi oan hồn

Xám tro nắng lợm xuống vườn
hồn mang một thuở âm dương đục ngầu

Nổi đời nay ngắm mai đau
ai phơi xương trắng trên đầu dân đen

Đối diện bức tường Đen, 10.6.1995

Paris

Nắng rờ sặc máu bê tông
giá mà làm tượng tồng ngồng đứng chơi

Vịt giời phơi cái giời ơi
giá mà rũ ruột ra phơi cái buồn

Người chui lỗ Khải Hoàn Môn
gió lườn toác lỗ Càn Khôn. Giá mà

Avenue des Champs Elysées, 6.6.1996

Cái răng cái tóc, một góc con người

Nguyễn Dư

Chắc nhiều người trong chúng ta còn thuộc lòng bảng xếp hạng :

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua

.....

Trong số mười cái dễ thương của các bà các cô, mái tóc được xếp hàng đầu, hàng răng đen chiếm hạng tư. Điều đó đủ nói lên rằng xã hội Việt Nam ngày xưa rất trọng tóc và răng, kể cả tóc và răng của các ông. Người ta thường nói “ cái răng cái tóc, một góc con người ”.

Lịch sử mái tóc, hàm răng của dân ta chắc đã trải qua nhiều cuộc thăng trầm, đổi thay như vận nước. Nhưng các sách chỉ ghi chép một cách tổng quát. Đại khái chúng ta được biết về thời Hùng Vương “ Ai cũng xăm mình. Ai cũng búi tóc hoặc cắt tóc ngắn (nhưng cũng có người bỏ tóc xõa hoặc tết đuôi xam). Ai cũng thích đeo hoa tai và nhiều vòng tay. Người ta nhuộm răng, ăn trầu ” (1). Hoặc “ Đời Hùng Vương người Giao Chỉ cắt tóc, để đầu trần. Đời Trần, đàn ông hết thấy đều cạo đầu, người có quan chức thì dùng vải xanh đội đầu ; dân đều như nhà sư. Đàn bà cắt tóc, để lại ba tấc ở đỉnh đầu rồi thắt dưới chân tóc búi lại và cài trâm, không để tóc mai quấn ở đằng sau. Thời nhà Minh đô hộ (1414 - 1427) bọn Hoàng Phúc muốn bắt dân ta đồng hoá với người Tàu, cấm con trai con gái không được cắt tóc. Tuy vậy đến cuối thế kỷ XVIII người hạt Giao Thủy, Kiên Lao, Trà Lũ (vùng Nam Định) hãy còn tục cạo đầu không để tóc ” (2).

Theo tài liệu trên, ta hiểu là người Việt vốn để tóc ngắn, nhưng dưới ách đô hộ của Tàu, dân ta bị bắt để tóc dài. Điều này chưa chắc là đúng vì nó không phù hợp với lời tuyên bố của vua Quang Trung lúc xuất quân, lên đường dẹp giặc Thanh (năm 1789, cuối thế kỷ 18) (1) :

“ Đánh cho để dài tóc
Đánh cho để đen răng
Đánh cho chỉ luân bất phản
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ ”

Vua Quang Trung quyết tâm đánh giặc Thanh để giành quyền được để tóc dài, răng đen !

Thời Pháp thuộc, các nhà nho, nói chung là xã hội Việt Nam, chia ra làm hai phe, đem mái tóc ra phê bình, chỉ trích nhau. Phe thủ cựu thì câu nệ vào chữ thánh hiền “ thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất khả huỷ thương ”, nghĩa là

thân thể, da tóc mình là thụ hưởng của cha mẹ, không được huỷ hoại. Vì vậy phải giữ tóc dài cho tròn chữ hiếu. Phe “ đổi mới ” chủ trương cắt tóc cho hợp vệ sinh. Họ cho rằng hành động cắt tóc không dính líu gì tới chữ hiếu cả. Đến đầu thế kỷ XX, khoảng năm 1905, phe để tóc dài chắc còn đông, khiến cụ Phan Châu Trinh phải diễn thuyết kêu gọi “ dùng nội hoá, hốt tóc ngắn, bận đồ tây ”.

Ngày nay, đàn ông hầu như không còn ai để tóc dài búi tóc.

Xưa kia, trẻ con từ lúc sơ sinh đến khoảng ba, bốn tuổi, trai hay gái cũng đều cạo trọc đầu.

“ Đầu trọc lông lóc bình vôi
Mẹ ngồi mẹ ỉa, mẹ bôi lên đầu ”

Từ bốn tuổi trở lên, con trai để ít tóc trên đỉnh đầu, gọi là cái chỏm, hoặc để hai bên gọi là hai trái đào. Con gái để ít tóc đằng trước hoặc sau gáy, gọi là cái cút. Đến chừng mười hai, mười ba tuổi trở lên thì để tóc, không cạo nữa. Để cho đến khi có tóc dài, đàn ông bới tròn một nắm đằng sau, gọi là búi tóc, “ búi tóc củ hành là anh thiên hạ ”, đội khăn xếp. Đàn bà thì búi tóc hoặc cuộn tóc vấn khăn, để lòi cái đuôi gà. Chỉ có các nhà sư hoặc một số ít những người làm ăn lam lũ mới cạo trọc đầu, ngoài ra ai cũng để tóc dài. Những người ít tóc thì mua tóc độn vào cho dày để làm tăng vẻ đẹp.

Tục nhuộm răng đen có từ thuở xa xưa, nhưng chỉ thông dụng ở miền Bắc và phía bắc Trung kì. Từ mười ba, mười bốn tuổi, trai gái đều lo nhuộm răng. Thuốc nhuộm răng làm bằng cánh kiến. Trái thuốc nhuộm lên hai miếng lá cau dài chừng tám phân, rộng độ một phân. Trước khi đi ngủ áp lên trên hai hàm răng, như vậy môi trên và môi dưới tự nhiên ôm chặt lấy hai “ miếng thuốc ”. Tránh không ăn thịt cá và tất cả những thứ phải nhai. Chỉ ăn cơm nuốt chửng với nước mắm... Lúc mới nhuộm, răng màu vàng sẫm, tiếp tục nhuộm độ nửa tháng thì ngả sang màu đen.

Lần đầu nhuộm răng thường bị đau lợi, sưng môi. Nhưng vì

“ Năm quan mua
lấy miệng cười ”

Mười quan chẳng
tiếc, tiếc người răng
đen ”

cho nên chẳng mấy người quản ngại. Nhuộm răng đen, ngoài cái đẹp theo óc thẩm mỹ ngày xưa, dường như còn ngừa được sâu răng, giữ cho chân răng chắc hơn. Muốn cho hàm răng lúc nào cũng đen nhánh thì độ một năm lại nhuộm bởi thêm một lớp. Răng không được chăm sóc sẽ phai màu, loang lổ, gọi là răng cải mả, trông không đẹp.

脣 染



Nhuộm răng

Trẻ con bị gãy răng, nếu là răng hàm dưới thì vút răng xuống gầm giường cho “ chuột nó tha ”, nếu là răng hàm trên thì vút lên mái nhà. Con gì tha không biết, không nghe nói.

Từ ngày Việt Nam tiếp xúc với phương Tây, tục nhuộm răng dần dần bị bỏ. Các bà, các cô chuyển sang hãnh diện với hàng răng trắng muốt. Các ông cười duyên khoe đảm chiếc răng vàng, răng bạc lóng lánh vẻ giàu sang.

Cũng bởi vì cái răng, cái tóc, là của riêng, của quý của mỗi người, được mọi người nâng niu, chăm sóc, nên chúng cũng dễ trở thành nạn nhân của những cuộc đòn ghen, đòn thù. Hoạn Thư lúc nổi trận tam bành đã không ngần ngại

“ *Vội vàng xuống lệnh ra uy
Đưa thì vả miệng, đưa thì bẻ răng* ”

cho bõ ghét nàng Kiều. Nữ nhi thường tình vốn hiền lành, lúc mất gà cũng hay vén quần chửi đổng, lòi cả hàng xóm ra “ *tát cho gãy hết răng!* ”. Anh em, họ hàng, láng giềng lúc cơm lành canh ngọt thì thơn thớt thề không bao giờ để cho “ *môi hở răng lạnh* ”. Lúc lục đục, thượng cẳng tay, hạ cẳng chân, thì cứ mặc cho “ *răng cắn phải lưỡi* ”.

Tóc lộ lộ, quyến rũ hơn răng nên số phận của tóc cũng lận đận, điêu đứng hơn răng. Nhà nước phong kiến đã định ra một tội để hành hạ tóc. Đó là “ *Tội Khôn* ”. Tội này được Nguyễn Mạnh Hùng⁽³⁾ bình luận, giải thích như sau :

“ (...) *Lớp người trên đây (thông ngôn, ký lục, bồi bếp hay lái xe cho quan Tây) tiếp thu nhanh chóng văn minh phương Tây : nói tiếng Tây, mặc đồ Tây và hót tóc ngắn như bốn người đàn ông trong hình bên đây (hình phải tội Khôn). Chế độ phong kiến thấy chướng tai gai mắt bèn ra lệnh đóng cùm cả bọn và ghi rõ tội danh bằng ba chữ nôm “ Phải tội Khôn ”. Vậy “ Tội Khôn ” là tội gì ? (...)* “ *Tội Khôn* ” chính là tội cắt tóc. Bốn tội nhân đây, có hai người đầu chải không ngay ngắn, búi tóc không còn, còn hai người thì bị khăn – chắc là xấu hổ (?) vì mất “ *búi tóc củ hành* ” mà tờ Phong Hoá đã chế nhạo là “ *quốc hồn quốc túy* ”. Dưới con mắt người dân thời ấy, lớp người này bị coi khinh (...) là “ *hạng vong bản* ” chạy theo bơ sữa ”.

Đành rằng chế độ phong kiến rất tàn ác, rất bất công, nhưng đến mức thấy “ *chướng tai gai mắt* ” là “ *ra lệnh đóng cùm* ” thì... hơi quá.

Chúng ta hãy bình tĩnh lật tự điển, tra nghĩa chữ Khôn. Theo Thiều Chửu⁽⁴⁾, Khôn nghĩa là “ *cắt tóc, ngày xưa có một thứ hình phạt cắt tóc, nhà Hán gọi là khôn kiềm* ”. Gustave Hue⁽⁵⁾ định nghĩa “ *Khôn : couper les cheveux à un*

condamné, émonder un arbre ” (cắt tóc người bị kết tội, tỉa cây). À, thì ra thế. Bốn người trong tranh làm chuyện bậy bạ gì đó, bị phạt đem ra cắt tóc. “ *Tội Khôn* ” là tội bị đem ra cắt tóc, chứ không phải vì cắt tóc ngắn mà bị đóng cùm, mang tội. Hú vía ! Cũng may Nguyễn Mạnh Hùng chỉ lẫn lộn hậu quả với nguyên nhân. Nếu không thì chỗ đâu mà nhốt hết “ *hạng vong bản chạy theo bơ sữa* ” ?

Chúng ta còn biết hình phạt “ *Bè chuối trôi sông* ”, một hình thức dã man của “ *Tội Khôn* ”, áp dụng cho nữ giới. Đàn bà gian dâm, con gái bị chữa hoang, bị làng “ *gọt gáy bôi vôi* ”, trôi vào bè chuối, thả trôi sông. Có người chết đuối, chết khát trên bè. Có người chết đuối. Người nào may mắn được dân làng khác cứu vớt thì suốt đời phải sống tha phương cầu thực, không dám trở về làng cũ.

Nước Pháp sau ngày giải phóng, năm 1945, cũng đã áp dụng “ *Tội Khôn* ” với một số phụ nữ.

Nghe nói “ *Tội Khôn* ” tồn tại ở miền Nam cho mãi đến những năm 1975-76. Người địa phương gọi là “ *Tội Khốn* ”. Bên cạnh

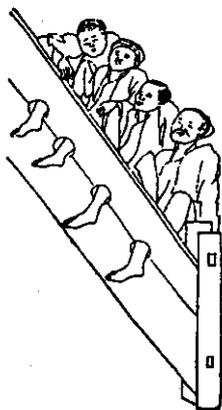
“ *tội Khốn* ” còn thêm “ *Tội Quần* ”. Tra tự điển không thấy hai tội này. Có người giảng cho : “ *Tội Khốn* ” là tội... chưa làm gì bậy bạ đã bị cắt tóc. Khốn... khổ hơn Khôn. “ *Tội Quần* ” là tội bị xé ống quần giữa đường phố !

Nói đến mái tóc, tưởng cũng nên nói đến mũ và nón. Việt Nam có rất nhiều kiểu mũ (chữ Hán gọi là mạo) và nón (lạp). Ngày xưa chỉ có hoàng tộc, các quan văn võ, các người đồ đạc cao mới được đội mũ. Giới bình dân, không chức tước thì đội nón. Trong số mười một thứ nón được ông Huard liệt kê⁽⁶⁾, có một chiếc đã làm ông thắc mắc. Ông gọi nó là chiếc “ *nón giầu, chapeaux des brus* ? ” (chữ giầu ngày nay viết là dâu, như cô dâu). Huard thắc mắc vì hình dáng cái nón chẳng ? Nó có vẻ là nón đàn ông. Hoặc vì tên gọi ? Câu trả lời cho thắc mắc của Huard ở bức “ *Hôn Lạp* ”, trong bộ tranh Oger. Vậy “ *Hôn* ” nghĩa là gì ? Theo Thiều Chửu, hôn nghĩa là “ *lấy vợ, con dâu* ”. Hôn còn có nghĩa là “ *lễ cưới, ngày xưa cứ đến tối mới đón dâu nên gọi là hôn lễ* ”. Gustave Hue cũng định nghĩa chữ hôn là “ *prendre femme, femme, parenté de la femme* ” (lấy vợ, vợ, họ hàng bên vợ). Vậy thì chữ hôn trong “ *hôn Lạp* ” phải hiểu là lễ cưới, lấy vợ, hay con dâu ? Huard hiểu con dâu. Tranh “ *Hôn Lạp* ” có ghi thêm câu chữ Hán “ *Cổ giả nghênh hôn tắc dụng, kim tắc cải chi* ” (ngày xưa dùng lúc đón dâu, ngày nay (khoảng 1909)



Bè chuối

髮罪沛



Phải tội Khôn

tục này đã thay đổi). Vậy “ hôn lạp ” nghĩa là nón đội lúc nghênh hôn, đi đón dâu, tức là nón... của chú rể.

Xin cô dâu hãy trả “ hôn lạp ” lại cho chú rể !

Xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều thời đại. Mái tóc của người Việt Nam cũng nhiều phen rồi bù với những “ cơn gió bụi ”. Hàm răng thay trắng đổi đen mấy lần ? Lúc thì trọng tóc dài, khinh tóc ngắn. Lúc thì thích tóc ngắn, chê tóc dài. Ngày nào còn yêu “ hạt huyền, hạt na ”, bỗng chốc quay sang chuộng “ răng lợn luộc ”, hắt hủi “ răng đen mã tấu ”, quan niệm rằng “ răng đen bôi bác, răng vàng lịch sự ”. Ngày nay, những năm của thế kỉ XX, thì ngắn dài, đen trắng, sao cũng được. Thời kì mở cửa, kinh tế thị trường, ối dào, ai hơi đâu mà vẽ vờ để ý đến “ một góc con người ” nữa ? Các ông, các cậu tha hồ để tóc chấm vai, húi cua, móng ngựa, sọ dừa. Các bà, các cô cứ việc búi tóc, vấn khăn, phi dê, đuôi ngựa...

Vui về cả làng.

Trẻ con múa ca :

Trên trời có xấp mây xanh

Ở giữa mây bạc, xung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng

Để anh mua “ cát Dã Tràng ” về xây...

NGUYỄN DƯ

(1) Ủy ban khoa học Việt Nam : *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1971.

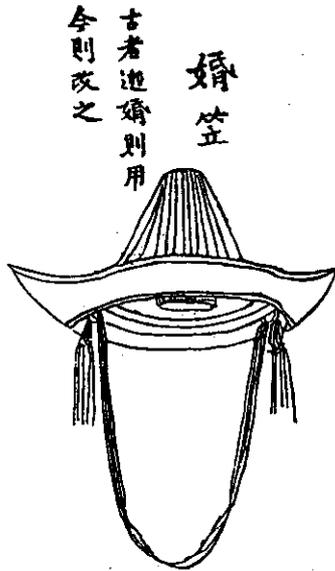
(2) Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu : *Đất lề quê thói*, Nxb Đại Nam, Glendale CA, USA.

(3) Nguyễn Mạnh Hùng : *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

(4) Thiệu Chủ : *Hán Việt tự điển*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

(5) Gustave Hue : *Tự điển Việt - Pháp - Hoa*, Khai Trí, Sài Gòn, 1971.

(6) P. Huard, M. Durand : *Connaissance du Vietnam*, Imprimerie Nationale, Ecole Française d'Extrême Orient, Paris, 1954.



Hôn lạp

Sài Gòn vẫn mọc lên

những đứa trẻ vẫn mọc lên

một màu da nhiệt đới

những chiếc xe gắn máy vẫn mọc lên

bụi, còi, khói

chợ búa vẫn mọc lên

giữa nắng mưa không đổi

nhà cửa vẫn mọc lên

nhân nhân

những con đường vẫn mọc lên

tên mới

tôi lang thang theo đôi chân Từ Thức

ai lạ ai quen

những cột đèn những hè đường những mặt người

những hàng quán

vẫn mọc lên

mặt trời vẫn mọc lên

vàng úa

Những con trăng vẫn mọc lên

màu xanh xanh cũ

những tiếng động vẫn mọc lên

tua tua

ngay cả tôi về tôi cũng phải mọc lên

giọt nước mắt mừng tủi.

mùi vị kỷ hà mọc lên

những vòng xoay ốc

những thế hệ sau vẫn mọc lên

nhiều hơn tượng đá

tôi mọc lên

mỗi ngày tìm cách bước qua đường.

không còn ai cũng mọc lên

cuộc sống cứ lan tràn trên đất những con người chưa

gặp

cũng mọc lên

một vài thằng bạn cũng mọc lên

như là sống sót

ngồi lê đường uống rượu

suốt 20 năm không cần đời chờ.

tôi mọc lên

như kẻ đến lần đầu

Sài Gòn vẫn mọc lên

cuộc sống riêng của nó.

tôi muốn đóng lại tất cả cánh cửa

một mình mọc lên

những bữa ăn ngồi cùng cha mẹ anh em bè bạn

có những cái mắt đi có những cái mọc lên

cuộc sống ơi cứ thế

những tên hải quan những người bán vé số những kẻ

bán hàng rong

những kẻ ăn mày những cô gái điếm

vẫn theo cuộc sống mọc lên

giữa một thành phố đổi tên

cũng phải.

Lê Bi

1995

Giao lưu Âu-Á bên bờ sông Loire

Hàng năm ở Pháp, đặc biệt vào mùa hè, có tới cả ngàn *festival* được tổ chức. Tất nhiên, chẳng có mấy liên hoan có thể so sánh được với Festival kịch ở Avignon năm nay vừa bước sang tuổi 50. Phần đông, tuy có chất lượng văn nghệ và sân khấu nhất định, được tổ chức gắn liền với mục đích tạo dịp giải trí cho khách du lịch (tưởng cũng nên nhắc lại : mỗi năm số du khách ngoại quốc vào Pháp ngang bằng, hay lớn hơn dân số nước Pháp, đó là không kể du khách nội địa, khoảng một nửa dân số).

St-Florent-le-Vieil chỉ là một làng nhỏ, dân số trôm trêm hai ngàn người. Liên hoan vũ-nhạc ở đây mới bắt đầu được 6 năm. Nhỏ và non trẻ, nhưng nó đáng được chú ý vì vị trí địa lý – lịch sử và nội dung văn nghệ của nó.

Nằm trên bờ nam sông Loire, giữa Angers và Nantes, St-Florent là “ một trong vài cảnh quan đẹp nhất thế giới ” nếu ta nói hơi khoa trương như Aragon cách đây bốn chục năm trong một buổi thuyết trình ở Angers. Phải nói, đứng từ quảng trường trước nhà thờ tu viện St-Florent, nhìn xuống dải sông Loire mênh mông, chạy từ đông sang tây, quay lưng lại vùng Vendée, nhìn sang vùng Anjou, và xa hơn, Bretagne trước mắt, khách vắng lại cảm thấy nhỏ bé trong một cảnh quan hùng vĩ. Cái hùng vĩ của thiên nhiên nơi này dường như được nhân lên bởi chiều sâu của lịch sử. Dưới chân St-Florent, hòn đảo dài kia đang lướt sóng sông Loire còn mang chứng tích căn cứ hải thuyền của đạo quân Viking. Và nhà thờ, tu viện St-Florent còn ghi lại một trang sử bi tráng của cuộc nội chiến đẫm máu Vendée trong Cách mạng Pháp. Ghi lại bằng bàn tay điêu khắc tuyệt vời của David d'Angers, nghệ sĩ cách mạng, ca ngợi nghĩa cử của viên tướng bảo hoàng Bonchamps, bị trọng thương nơi chiến trường, trước khi tắt thở, đã ngăn chặn được quân sĩ bảo hoàng dưới quyền đang sắp sửa tàn sát 5000 người ủng hộ cách mạng, tị nạn trong nhà thờ... Chỉ một pho tượng Bonchamps của David, nay đặt ngay trong nhà thờ St-Florent-le-Vieil (cạnh đó, linh mục quản trị đã trích dẫn đoạn văn của Aragon), cũng đáng để bạn tìm dịp dừng chân nơi đây.

Chiều chủ nhật 7.7, giáo đường St-Florent chật ních người, im phắc để hoà mình trong những tiếng ca chưa từng được cất lên lần nào, nhất là trong một nhà thờ : bốn em bé gái, từ 10 đến 12 tuổi, người dân tộc Đông (tỉnh Quý Châu, Trung Quốc — khá gần người Dao ở Việt Nam), hát những bài đồng dao cao vút kể chuyện Thánh Mẫu, ông Thiên, ông Địa, thần Sấm, thần Sét..., luân phiên với ban tốp ca đảo Corse, *Ensemble polyphonique A Filetta*, với kỹ thuật điêu luyện, phối âm bác học mà rất *hoa lá tự do* (ribuccate), làm sống lại những điệu ca truyền thống tưởng đã mai một, đưa thính giả ngược dòng thế kỷ, bồng bềnh trên sóng nước Địa Trung Hải, đi tìm nguồn hứng xa xôi từ dân ca Sémite, đạo ca thời Gregoire... Rồi cuối cùng, hai tốp ca hợp lại, các em bé Đông tiếp tục những bản đồng dao bay bổng, bốn ca sĩ Corse hát đệm nhịp theo, bằng giọng trầm từ cuống họng, từ lồng ngực... từ uất ngàn xưa.

Chiều hôm trước, cũng trong khung cảnh uy nghi ấy, là buổi song tấu của hai ban nhạc cổ truyền Đông Tây : Dân nhạc quốc gia âm nhạc truyền thống Trung Quốc và Ban nhạc baroque

XVIII-21 (dưới sự điều khiển của Jean-Christophe Frisch, chuyên về âm nhạc cổ điển phương Tây thế kỷ XVII và XVIII). Dân nhạc Bắc Kinh (với những nhạc sư Sun Guisheng, Pan Eqing, Wang Jun, Zhang Weijun, Gao Guoqing, Shen Liliang) trình diễn những tác phẩm lễ nhạc đời Minh và Thanh. Ban nhạc baroque trình diễn, lần đầu tiên, những tác phẩm của Teodorico Pedrini (1671-1746). Có gì liên quan giữa tác giả Tây phương chưa ai biết này và lễ nhạc kia ? Pedrini là một linh mục dòng Tên, sống 40 năm ở triều đình Bắc Kinh dưới thời vua Khang Hi, dạy nhạc cho nhà vua và các ông hoàng, bà chúa. Nhạc phẩm của ông được sáng tác tại Bắc Kinh trong mấy chục năm đó, mới được tìm thấy trở lại, và lần đầu tiên, ban nhạc XVIII-21 đã sáng tạo tại St-Florent-le-Vieil trước khi sang Bắc Kinh trình diễn vào tháng 3 năm tới.

Sự giao lưu còn được thực hiện trên lãnh vực kịch nghệ với một chương trình xen kẽ *opéra bouffe* và những đoạn hài trong *kịch Bắc Kinh*. Giới trẻ vùng Loire Atlantique đặc biệt tán thưởng ban nhạc rock LSD (La Souris Déglinguée) của nhạc sĩ Tài Lực (gốc Việt, xem ĐĐ số 53) trong buổi hoà tấu với ca sĩ Dou Wei (Đỗ Vĩ), được giới thiệu như một *rock star* của Bắc Kinh. Thật ra, Đỗ Vĩ là một tác giả và ca sĩ trữ tình, có một chút *rock* đấy, nhưng chủ yếu là slow, thậm chí ướt át.

Những tràng pháo tay nồng nhiệt, liên tục, đã được dành cho Nguyên Lê đêm chủ nhật 23.6, sau buổi trình diễn *De la Lune et du Vent, contes du Vietnam*. Đây là một hình thức Đông-Tây giao duyên, một thể nghiệm của Nguyên Lê trên đường tìm về cội nguồn và thám hiểm những vùng đất âm thanh mới của anh. Nguyên kết hợp những làn điệu dân ca Việt Nam qua giọng ca Hương Thanh, tiếng đàn tranh, nguyệt, bầu của Hạo Nhiên với cũng những nhạc điệu ấy, phối âm và thể hiện bằng âm nhạc jazz. Phải nói, về mặt này, anh đã đặc biệt thành công. Trước hết vì tài năng sáng tác, phối âm đã được thừa nhận của mình. Nhưng quan trọng hơn không kém, có phần hơn nữa, là tài năng trình tấu và ứng tấu của bộ ba Nguyên Lê (guitare), Paolo Fresu (trompette) và Didier Lockwood (violon), đã mang lại cho khán giả những giây phút tuyệt vời. Nghệ thuật siêu đẳng của bộ ba, đặc biệt của cây vĩ cầm Lockwood, tưởng có thể làm quên hẳn sự tươi tắn khiêm nhường của tiếng đàn Hạo Nhiên và giọng ca Hương Thanh cũng như sự đóng góp của các nghệ sĩ Việt kiều khác. Nhưng không, phản ứng của khán giả sau đêm trình diễn chứng tỏ họ biết đánh giá đúng mức tài nghệ của các bạn ấy.

Rõ ràng sự thể nghiệm của Nguyên Lê đã thành công. Mong rằng tác phẩm này sẽ được ghi vào chương trình biểu diễn nghệ thuật ở Việt Nam nhân Hội nghị cấp cao Francophonie mùa thu sang năm, như đã ghi vở *Hạn hán và cơn mưa* của đoàn Ea Sola.

Tôi không được xem đoàn trình diễn trên sân khấu ngoài trời được xây dựng đặc biệt cho *Hạn hán*... Giá trị của nó, bạn đọc *Diễn Đàn* đã biết. Ở St-Florent-le-Vieil mà tôi đến sau đó, rất nhiều lần, khán giả còn nhắc tới, giọng nói và mắt nhìn còn mang dấu ấn của những xúc cảm sâu sắc.

Kiến Văn

Ray Bradbury

Hồ nước

Vũ Huy Quang dịch

Khoa học giả tưởng, trường phái sáng tác văn chương mới nhất, hình thành ở Tây phương mạnh mẽ với ẩn dụ do các ý niệm về không gian, thời gian và các bộ môn khoa học thực nghiệm đem lại — còn xa lạ và ít được khai triển, cống hiến trong lãnh vực văn chương Việt — hiện đang chi phối trên lãnh vực sách báo, điện ảnh, truyền hình, hoạt hoạ đương đại toàn thế giới... không những chỉ ảnh hưởng trên hàng trăm triệu thiếu nhi, sinh viên, học sinh; mà còn tác động trên mọi văn hoá phẩm, trên kỹ nghệ giải trí cho hàng trăm triệu người lớn... đặc biệt, là tại các nước tiên tiến kỹ nghệ nữa.

Trong thế giới của văn thể khoa học giả tưởng, các tên tuổi hiện thời của Anh Mỹ là Robert Heinlein, Isaac Asimov, và Arthur C. Clarke...nhưng, lừng lẫy, là Ray Bradbury, một tác gia từng xuất hiện trên 50 năm nay. Tác phẩm quan trọng: *The Martian Chronicles* (1950), *The Illustrated Man* (1951), *Fahrenheit 451* (1953)... các kịch bản phim (*Moby Dick*), các tác phẩm điện ảnh (*It Comes from Outer Space*)... là các sản phẩm có ảnh hưởng và lôi cuốn lớn trong số 29 cuốn sách ông đã viết về truyện khoa học giả tưởng — đặc biệt thu hút khi các biến cố về khoa học không gian xảy ra, như khi vệ tinh Sputnik được phóng lên không gian hay như khi phi thuyền Viking đáp trên Hoả tinh. Người mà chuyên tạo ra những cú sốc cho độc giả ấy, nay đã 75, vẫn bình dị sống trong khu trung lưu ngoại ô Los Angeles — và nhất định không lái xe hơi (!).

The Lake (Hồ Nước) là truyện ngắn đầu tay của ông — để khởi đầu văn nghiệp khoa học giả tưởng về sau — được chú ý ngay về hành văn cùng lối dựng truyện, đã lập tức được tán thưởng — cứ được in đi in lại — cho đến tận bây giờ... trong các tuyển tập thuộc khoa học giả tưởng hoặc kinh dị.

Truyện này viết ra khi R. Bradbury mới 22 tuổi (1943).

Người ta cắt bầu trời bé lại cho đến bằng thân hình tôi rồi liệng trên hồ Michigan, xong rồi để lên ít đứa trẻ la chạy trên bãi cát vàng cùng vài quả bóng nhún nhảy, một hai con hải âu, một bà mẹ cần nhần, còn tôi, thì tôi bước khỏi mạng lưới sóng để thấy rằng cái thế giới này vừa ầm ụt vừa bọt bọt.

Tôi chạy trên bãi.

Má thắm người tôi bằng tấm khăn bông có sọc.

— Đứng đó cho nó khô, Má nói.

Tôi đứng đó mà ngó nằng hút bột các giọt nước đọng nơi cánh tay, da đang săn lại, lần lần hiện ra các vết chân ngỗng.

— Chà, gió quá, Má la. Mặc áo thun vào đi nào.

— Để con xem mấy cái vết chân ngỗng tím ngắt này đã, tôi đáp.

— Harold !, Má lại la.

Tôi chườn người vào cái áo thun và ngó sóng nước nhấp nhô chỗ bờ đất. Sóng nó không đàn. Nó biết mục tiêu, lại mang màu xanh lơ đẹp đẽ. Ngay ông nào say sưa tối đầu cũng không nỡ ngả ngón được trước vẻ thanh cao của sóng.

Đây, là vào tháng chín — những ngày cuối tháng mà mọi chuyện đều có vẻ buồn không cần lý do. Bờ cát dài và trơ trọi có sáu nhân mạng. Vài đứa trẻ ngưng thấy bóng vì gió chắc cũng làm chúng chán, với tiếng gió réo rắt, là chúng ngồi xếp xuống, cùng nhau cảm thấy mùa thu đang phủ lên bãi cát dài.

Tất cả các quầy bán đồ hot dog đứng sững với các tấm chớp vàng óng, bên trong đầy mù-tạc, hành, thịt... của mùa hè dài. Y như mùa hè đang bị đóng đinh vào một dây quan tài. Từng quầy hàng, mái che hạ, cửa liếp khoá nghiêng, và gió thổi cát lùa bay hết mọi dấu vết của tháng bảy, tháng tám. Nay là tháng chín, không còn gì ngoài dấu giày ten-nít bằng cao su của tôi cùng dấu chân thẳng Donald và thẳng Delau Shabold, và ba tụi nó đang ngâm mình trong hồ nước ngoài kia.

Cát thổi tung những tấm màn ngăn lối vệ đường, khung vải trùm khu chơi của trẻ con thì phủ toàn thể các con ngựa công rúm, giỏ vợt trên không trung, lủng lẳng với các cột kim loại bằng đồng, lũ ngựa vừa nhe răng, vừa phi nước kiệu. Chỉ còn tiếng gió reo thay nhạc, vi vu khi len vào màn vải. Tôi đứng sững. Giờ này trẻ con đi học cả, trừ tôi ra. Ngày hôm sau tôi đi về phía tây, bằng nước Mỹ bằng tàu lửa.

Má với tôi ra chơi hồ nước lần cuối. Tôi cảm như có gì níu lấy mình. Tôi bút rứt.

— Má, con thích chạy trên cát, tôi nói.

— Ôi dào, cũng được, nhanh nhanh lên, chớ đến gần nước đấy.

Tôi chạy. Cát thì xoáy dưới chân, gió thì thốc tôi lên. Bạn biết đấy, khi mà chân chạy, tay dang, bạn tưởng như giữa kẻ các ngón tay có tấm màng mỏng do gió dệt. Như mọc cánh.

Bóng Má lùi xa. Rồi từ xa, Má nhỏ lại thành một đốm nâu bé, thế là tôi trơ trọi. Cô đơn là điều hoàn toàn mới với đứa trẻ tuổi mười hai. Luôn luôn có người bên cạnh trẻ con. Muốn được riêng biệt một mình, con nít chỉ còn cách tưởng tượng. Đó, là lý do sao mà bọn con nít hay tưởng tượng ra lăm thứ rất diệu kỳ. Quá nhiều người vây quanh một đứa bé, luôn luôn nhắc nó điều này, bảo nó điều nọ, thúc nó sớm lên bờ, đâm ra bờ hồ chỉ có trong trí nó, cùng với cái thế giới riêng biệt của đầu óc nó thu gọn lại.

Tôi hoàn toàn đơn độc.

Bước xuống, nước ngập tới bụng tôi. Trước, khi có ai bên cạnh, nào tôi có dám nhìn. Nay, tôi thấy người tôi bị cắt làm đôi. Thật như làm xiếc. Nước làm ra thế. Làm người chúng ta bị chia đôi ra, nửa phần kia tan loãng như đường bị ngâm trong nước. Nước mát rượi, lâu lâu sóng gợn gợn, và tôi tưởng như có một chuỗi dây nào quấn nhẹ quanh mình.

Khe khẽ, tôi kêu tên con bé. Thì thầm cả chục lần.

“ Tally ! Tally !...Ồi...Ồi Tally ! ”

Có lạ gì nào, bởi khi bạn còn nhỏ, mỗi khi bạn kêu tên ai, bao giờ bạn cũng mong ngóng có tiếng đáp lại. Bạn cứ cho là bất cứ gì trong đầu bạn tưởng tượng cũng là có thật. Đôi khi, điều ấy cũng không sai cho lắm.

Tôi mừng tượng Tally, đang bơi trong nước mới tháng năm rồi, tóc vàng thắt bím sau ót. Con bé vừa bơi vừa cười, ánh mặt trời rọi trên đôi vai bé bỏng của đứa bé mười hai tuổi. Thế rồi tiếng nước khua ngưng, rồi viên cấp cứu trên bờ nhào xuống nước, rồi tiếng la rú của má Tally, rồi bé không bao giờ trở lại.

Viên cấp cứu dùng đủ cách năn nỉ bé trở lại mà không được. Anh ta lên bờ cùng rong rêu bám trên các đốt tay, và Tally thì cứ thế đi luôn. Cô bé không còn ngồi ngang dãy bàn học với tôi trong lớp nữa, không chơi bóng trên con đường lát gạch trong mùa hè với tôi nữa. Cô bé đi đâu xa lắm rồi. Mặt nước hồ không được đón bé chơi với nữa.

Rồi về cô quanh của bầu trời mùa thu như rộng thêm, mặt hồ cũng rộng ra, bờ cát cũng dài ra, trong cái lần cuối cùng này, ở đây, với mỗi mình tôi.

Tôi thầm gọi tên cô bé, gọi mãi.

“ Tally, ới...Tally ? ”

Gió dịu dàng, lướt qua tai, như kiểu vẫn luôn vào các vó sò rỗng làm thành tiếng vi vu mơ hồ. Nước dâng tới ngực, vờn quanh đầu gối tôi, đập dính, sau rồi giống như nước níu gót tôi.

“ Tally ! Lên đây nào, ới...ới...Tally ! ”

Tôi mười hai tuổi. Nhưng tôi biết tôi yêu cô bé đến thế nào. Cái tình yêu có trước khi thể xác với luân lý nhận biết. Cái tình yêu không tốt xấu nào dính dáng đến được, như sóng như gió, như biển cả, như cát trên bờ muôn đời nằm cạnh nhau, vĩnh viễn. Nó sinh ra bởi những ngày nắng ấm trên bờ, những rì rào trong lớp học. Bởi những ngày dài mùa thu, những năm tháng mà tôi ôm cặp sách cho bé từ nhà đến trường.

“ Tally...ới ! ”, tôi gọi lần chót.

Rồi bỗng tôi rùng mình, sao mà nước ướt đầm mặt tôi. Sóng đầu có đập nước văng lên đấy. Sóng dâng trong tôi mới làm tôi ướt mặt như thế.

Tôi quay bước lên bờ, rồi lặng đứng nửa giờ đồng hồ, một mình lắng chờ bất cứ động tịnh nào, một dấu hiệu nhỏ tí nào cũng được, một chút xiu gì về Tally để ghi trong trí nhớ. Sau rồi, quỳ xuống, tôi vốc cát, đắp một toà lâu đài sát bờ nước, như đã biết bao lần trước kia đã cùng đắp chung với Tally. Lần này, tôi cũng đắp một nửa. Xong, tôi đứng lên.

“ Tally, ra mà làm nốt nào ”.

Rồi tôi đi về cái đóm nâu đằng kia, chỗ Má ngồi. Mặt nước hồ gợn gió, thành những vòng tròn lăn tăn, rồi tan dần, với một vẻ êm ả bình yên.

Tôi thừa biết chẳng toà lâu đài đắp cát nào mà không bị sóng xoá đi. Tôi bước đi, làm lũi. Xa xa, khu chơi con nít có tiếng nhạc reo khe khẽ, như là gió làm.

Tôi lên đường rời vùng hồ nước bằng chuyến xe lửa ngày hôm sau. Xe lửa băng ngang cánh đồng bắp Illinois. Xe lửa giữ kỷ ức rất tồi. Chả mấy chốc nó bỏ lại sau hết thấy. Nó bỏ lại cả các con sông thời ấu thơ, các cây cầu, các hồ nước, thung lũng, lều gió, các nỗi đau buồn lẫn vui sướng. Nó rời ra sau các kỷ niệm lẫn lóc, nơi chân trời.

Rồi xương tôi dài ra, thêm da thêm thịt, tâm hồn già đi, quần áo cũ không vừa phải vứt bỏ, lớp học thì chuyển, từ tiểu học, lên cao đẳng, rồi các sách đại học, rồi các sách luật. Rồi một thiếu nữ ở Sacramento, những lời cam kết, tỏ tình và các nụ hôn.

Tôi theo ngành luật. Khi hai mươi hai tuổi, tôi như quên hết về miền Đông.

Margaret gợi ý là tụi tôi nên về lại đó, hưởng tuần trăng mật trẻ.

Xe lửa lúc về, lại tạo ra kỷ ức, vì nó có tác dụng hai chiều. Nó ngốn ngấu trở lại những gì mà nó quăng lại lúc đi. Hồ Bluff, với cu dân 10.000 người từ từ hiện ra trên trời cao. Margaret thanh lịch trong bộ y phục mới, cứ dăm dăm nhìn tôi khi tôi trân trân trước cảnh cũ. Tay nàng nắm chặt tay tôi khi xe lửa từ từ vào ga. Rồi hành lý tụi tôi được người ta đem xuống.

Thời gian trôi, tác động lên nét mặt, thân hình con người. Tôi không nhận ra khuôn mặt cũ nào khi tụi tôi nắm tay nhau tản bộ trong tỉnh lỵ. Nhưng vẫn có những nét thừa xưa — âm vang vọng lên của tiếng reo cười lúc tan trường, của tiếng kéo kẹt từ then sắt treo xích đu trong vườn chơi trẻ con.

Tôi không nói gì, chỉ bước đi mà nhìn hầu gom kỷ ức, như vào mùa thu, người ta vẫn gom lá chất đống để đốt.

Thời gian hai tuần ở đó, tụi tôi rất hạnh phúc. Tôi khá yêu thương Margaret. Ít nhất tôi cũng thấy tôi có yêu nàng.

Rồi những ngày cuối. Tụi tôi xuống hồ nước. Khi ấy, thời tiết chưa vào những ngày cuối năm, thế mà cũng có cảnh tượng hoang vắng trên bờ hồ. Thiên hạ vắng hẳn, các sạp bán Hot-dog đã đóng cửa, liếp che đã hạ, đình lại đóng chặt quanh quây, và gió lại reo bên tai như thường lệ.

Như tôi lại thấy Má ngồi trên cát phía xa kia. Tôi bỗng lại có cảm tưởng muốn được một mình. Nhưng không dám nói điều ấy với Margaret. Đành cứ cầm tay nàng mà đợi.

Một ngày tàn. Trẻ con về nhà gần hết, chỉ còn vài người lớn tiếp tục phơi mình trong trời chiều.

Chiếc tàu cấp cứu cập bờ. Viên cấp cứu chậm chạp nhô lên, tay xách cái túi.

Tôi công người. Nín thở, tôi có cảm tưởng trở lại của đứa bé tuổi mười hai, nhỏ xíu, cầm nín vô vàn cùng nỗi sợ hãi. Gió lạnh. Rồi như tôi không thấy Margaret đâu. Chỉ thấy bãi cát, nhân viên cấp cứu bước đi, tay xách cái túi không mấy nặng, bộ mặt anh ta xám ngoẹt với nhiều nếp nhăn.

– Margaret, đừng đi đâu cả, tôi nói mà không biết tại sao.

– Nhưng, sao thế ?

– Có gì thế ?, tôi hỏi người đàn ông.

Viên cấp cứu cứ nhìn tôi một hồi, không nói gì. Ông ta để cái túi xám xuống mặt cát, sóng xô vào, vờn cái túi rồi lại rút đi.

- *Cái gì thế ?, tôi gắng.*
- *Con bé chết rồi, viên cấp cứu nói nhỏ.*
Tôi đợi.
- *Lạ thật, ông ta tiếp. Rất lạ, tôi chưa từng bao giờ thấy. Con bé chết — đã lâu lắm rồi.*
Tôi nhắc lại.
- *Lâu lắm rồi.*
- *Để đến mười năm, tôi đoán vậy. Năm nay không đứa trẻ nào bị. Mười một năm nay, tất cả mười hai đứa bé chết, nhưng tại tôi kiểm ra hết, sau vài giờ là cùng. Tìm ra hết, trừ một. Cái xác này không hiểu sao mà dưới nước lâu đến thế, phải đến mười năm. Không — chả nên xem làm gì.*
- *Ông cứ mở ra đi, tôi nản nì mà không hiểu vì sao.*
Ông ta nấn cái túi :
- *Tôi cho là, nó là đứa bé gái, vì cổ còn đeo cái giây chuyền có hộp. Ngoài ra có gì đâu mà xem.*
- *Ông à, mở ra đi !*
- *Nhìn làm gì, ông ta trả lời. Rồi chắc tại nhìn thấy mặt tôi lộ vẻ nào đó, Con bé... bé lắm, ông ta mở hé cái túi. Thế là đủ.*

Bãi cát hoang vắng. Chỉ có bầu trời, gió, nước cùng nổi cô quanh của mùa thu.

Tôi cúi xuống. Rồi cứ lấp bắp câu gì đó. Viên cấp cứu nhìn tôi.

- *Ông vớt được ở đâu ?*
- *Phía kia. Chỗ nước nông đằng kia. Con bé...lâu lắm rồi, nhĩ.*

Tôi gật gật : “ *Phải rồi. Trời ơi. Phải rồi.* ”

Tôi nghĩ miên man. Tôi đã lớn. Ai cũng lớn lên. Chỉ có cô bé thì không. Vẫn bé tí, và tôi yêu con bé tí ấy. Mãi mãi. Trời ạ.

Viên cấp cứu buộc cái túi lại. Lát sau, tôi đi xuống hồ nước một mình. Tôi tìm lại được một điều không ngờ. Ở nơi người ta vớt được cô bé.

Chỗ mé nước, có một toà lâu đài cát mới đắp một nửa. Y như cái cách tôi với Tally cùng chơi.

Cô bé — một nửa. Tôi — một nửa.

Tôi nhìn chòng chọc. Đây là nơi người ta tìm ra Tally. Tôi quỳ xuống cái lâu đài cát, thấy những dấu chân từ hồ nước bước đến chỗ lâu đài cát, rồi những dấu chân quay trở về hồ nước, mà không thấy dấu quay lại lên bờ.

Rồi — tôi hiểu.

“ *Anh cùng làm lâu đài cát với cô bé đây* ”, tôi thầm thì.

Bức cát, tôi tiếp tục đắp phần dở dang chừa lại cho tôi, chậm rãi. Khi xong, tôi quay mình đứng dậy, bước đi khỏi nơi ấy, để không phải nhìn thấy cái lâu đài cát mà tại tôi vừa cùng nhau làm xong bị sóng xô mất. Bởi sóng cứ xoá nhòa mọi vật.

Tôi trở về chỗ có một người lạ, bỏ ngõ chờ đợi, mang tên Margaret đang mỉm cười...

V.H.Q. dịch

Đỗ Kh.

Đợt tập kết năm 1995

Cơm phở
Bia hơi
Thịt chó

Bia tươi
Cơm phở
Mía đá

Ruộng mạ
Cháo
Bình dân

T(rách) N(hiếm) H(ữu) H(an)

Xe con
Xe đạp
Nón cối
Nón lá
Bia lon
Bia chai
Giải khát tuyệt vời
Đơn giản tôi là
333

Con bò (kéo xe)
Con trâu (kéo cày)
Kính mắt (mô đen)
DKNY
Calvin Klein

Dream I
Dream II

Uốn khung
Nấn càng
Giá nội
Chất lượng ngoại

Ở tận sông Hồng em có biết
Quê hương anh cũng lắm loại bia
Tiger
Halida
Hoàng Lan
San Miguel
Hoa Sứ
Carlsberg
Heineken

5.1996

Ngũ Long hành khúc

Vào Thế kỷ thứ 21
Ta sẽ rập nhiều đầu video hơn là Đại Hàn
Thặng dư mậu dịch ta sẽ nặng hơn là Nhật Bản
Dự trữ tiền tệ ta sẽ nhiều hơn là Đài Loan

Ta sẽ thắng !

Cao ốc ta sẽ chọc trời hơn là Hương Cảng
Ta sẽ có nhiều dĩ hơn là Thái Lan

3.1996